

TRƯỜNG ĐHVH, TT VÀ DL
TRUNG TÂM TT-TV

730.1
Đ309 K

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
DỰ ÁN ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN THCS
LOAN Số 1718 - VIE (SF)

NGUYỄN THỊ HIỀN

ĐIÊU KHẮC



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

NGUYỄN THỊ HIÊN

Đ 509 K

ĐIÊU KHẮC

TRUNG TÂM THÔNG TIN - THƯ VIỆN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA,
THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA
PHÒNG ĐỌC

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Mã số: 01.01.682/869 – ĐH 2008

Mục lục

	<i>Trang</i>
Lời nói đầu	5
Mở đầu	7
Mục tiêu	9

Chương 1. LÝ THUYẾT CHUNG

1. Khái niệm về điêu khắc	11
2. Mối quan hệ giữa điêu khắc với các loại hình nghệ thuật khác	14
3. Các thể loại của điêu khắc	33
4. Chất liệu của điêu khắc	46
5. Đồ dùng trong học tập và sáng tác điêu khắc	58
6. Phương pháp tiến hành một bài điêu khắc	65

Chương 2. NẶN KHỐI CƠ BẢN VÀ QUẢ

A. Mục đích yêu cầu	71
B. Nội dung bài giảng	71
1. Khái niệm	71
2. Giới thiệu hình khối cơ bản	72
3. Sự khác nhau và mối liên hệ giữa khối cơ bản và biến dạng	75
4. Vai trò của khối cơ bản trong điêu khắc	76
5. Chuẩn bị dụng cụ và vật liệu cho bài tập	77
6. Bài tập nặn khối cơ bản	78
<i>Bài 1: Nặn khối vuông, tròn, trụ đặt cạnh nhau</i>	78
<i>Bài 2: Nặn quả hoặc các hình của khối biến dạng</i>	85

Chương 3. CHÉP PHÙ ĐIỀU

1. Giới thiệu về phù điêu	89
2. Sự khác nhau giữa phù điêu và tượng tròn	100
3. Chuẩn bị đồ dùng để tiến hành bài tập	103
4. Cách chép một bài phù điêu	106
5. Chép mẫu bằng hình khối	107

6. Yêu cầu cần đạt	109
7. Bài tập	109

Chương 4. CHÉP ĐẦU TƯỢNG PHÁC MẪNG

1. Vai trò của tượng phác mảng trong học tập điêu khắc	115
2. Cấu tạo của đầu người	118
3. Mối quan hệ giữa hình hoạ và tượng chân dung phác mảng	126
4. Cách tiến hành bài tập	128
5. Yêu cầu cần đạt	133
6. Tổ chức lớp chép đầu tượng phác mảng bằng mẫu thật	135
7. Chấm bài và nhận xét bài	136

Chương 5. TẬP SÁNG TÁC

1. Vai trò của nhà điêu khắc trong đời sống	138
2. Phương pháp tiến hành sáng tác	139
3. Bài tập	141
<i>Mẫu bài tập</i>	142
<i>Mẫu để nghiên cứu cho đề bài</i>	144
<i>Mẫu ứng dụng để thực hành</i>	145

Hướng dẫn thực hiện146

Quy trình nặn tượng chân dung147

Ảnh tham khảo nặn tượng chân dung160

Bảng chú giải167

1. Tác giả nước ngoài	167
2. Tác giả trong nước	168
3. Địa danh và một số tác phẩm tiêu biểu	170

Tài liệu tham khảo173

Lời nói đầu

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành chương trình đào tạo giáo viên Mĩ thuật cho các trường Cao đẳng Sư phạm. Chương trình gồm nhiều môn học, trong đó có các môn được quy định là môn học chung của khối kiến thức đại cương, khối kiến thức nghiệp vụ và khối kiến thức chuyên ngành Mĩ thuật.

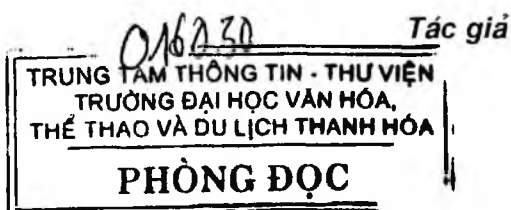
Chương trình được cấu trúc chặt chẽ nhằm mục đích đào tạo người giáo viên Mĩ thuật tương lai có những kiến thức tổng thể, có đủ năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm giảng dạy chuyên về Mĩ thuật để đáp ứng được yêu cầu đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học.

Điều khắc là một phần của khối kiến thức chuyên ngành Mĩ thuật.

Điều khắc giúp người học hiểu được vẻ đẹp của khối, biết tạo khối trong không gian ba chiều, hiểu các thể loại của điều khắc. Điều khắc gắn liền với không gian, với kiến trúc,...

Điều khắc giúp người học tiếp cận và hiểu đặc thù của môn Điều khắc nói riêng cũng như của Mĩ thuật nói chung. Điều khắc còn hỗ trợ cho các môn học khác và ngược lại, các môn học khác cũng giúp cho người học học có hiệu quả môn Điều khắc.

Với khả năng và nguồn tài liệu tham khảo có hạn, tác giả đã cố gắng nhiều khi biên soạn cuốn giáo trình này. Tuy vậy, vẫn không thể tránh khỏi khiếm khuyết. Tác giả mong nhận được sự đóng góp của các thầy giáo, cô giáo, anh chị em giáo sinh và các bạn đọc yêu thích nghệ thuật điều khắc để cuốn sách được hoàn thiện hơn.



Mở đầu

Điêu khắc là một thể loại nằm trong nghệ thuật tạo hình.

Nói đến điêu khắc là nói đến khối và ta có thể sờ vào khối đó. Khối được chiếm một vị trí nhất định trong không gian. Điêu khắc thường được thể hiện bằng các chất liệu quý để tồn tại với thời gian và chịu được sự tác động của mọi thời tiết khắc nghiệt như mặt trời, mưa, gió, bão, v.v... Các chất liệu để làm điêu khắc gồm: đất nung, gỗ, đá, đồng, kim loại khác, v.v...

Mỗi loại hình nghệ thuật đều có ngôn ngữ biểu đạt riêng. Cũng như các loại hình nghệ thuật khác, điêu khắc có chức năng tái tạo hiện thực cuộc sống, giáo dục thẩm mỹ cho con người và làm đẹp cảnh quan cũng như cuộc sống. Nó giúp con người hiểu nhau và yêu thương lẫn nhau. Ngôn ngữ của điêu khắc là khối. Mỗi con người có sự cảm thụ về khối khác nhau.

Mục tiêu

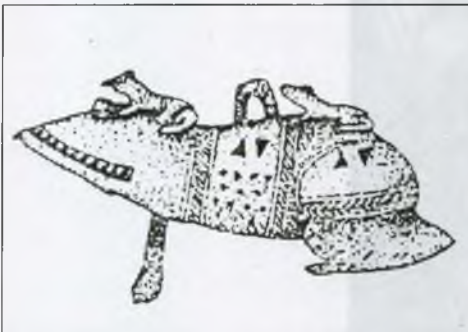
- Giáo sinh học Điêu khắc sẽ hiểu về khối và qua đó hiểu kỹ hơn về loại hình nghệ thuật này; hiểu mối quan hệ giữa hội họa với điêu khắc. Đặc biệt Điêu khắc sẽ hỗ trợ cho môn Hình họa và ngược lại Hình họa cũng giúp ích cho giáo sinh khi học Điêu khắc.
- Nắm được một số nguyên tắc cơ bản và phương pháp xây dựng hình khối với không gian ba chiều là đặc thù của điêu khắc. Từ đó sẽ hiểu sâu hơn mảng và khối của sự vật, nhất là việc ứng dụng diễn tả khối trên mặt phẳng.
- Biết cách thức tiến hành các bài điêu khắc trong chương trình đạt hiệu quả cao về khối, sát mẫu, biết sáng tạo một tác phẩm điêu khắc đơn giản.
- Giúp giáo sinh giảng dạy tốt phần Điêu khắc trong chương trình Mĩ thuật ở THCS và có khả năng tự nghiên cứu, học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ.

LÍ THUYẾT CHUNG

1. Khái niệm về điêu khắc

Điêu khắc là gì? Theo Từ điển thuật ngữ Mĩ thuật phổ thông, điêu khắc là: “Nghệ thuật thực hiện những tác phẩm có không gian ba chiều (tượng tròn) hoặc hai chiều (chạm khắc, chạm nổi) bằng cách gọt, đẽo, gò, đắp, gắn... những khối vật liệu rắn chắc như gỗ, đá, kim loại v.v... Điêu khắc còn là nghệ thuật nặn tượng hoặc tạc tượng bằng đôi bàn tay khéo léo của người nghệ sĩ...”.

1.1. Định nghĩa trên giúp chúng ta có khái niệm về điêu khắc và hiểu được những tác phẩm đã từng xuất hiện mà loài người sáng tạo ra nó từ thời còn ăn ở, sinh hoạt trong hang động. Khảo cổ học đã tìm thấy khá nhiều hình vẽ, nét khắc ở trong hang của người tiền sử mà thế giới đã từng nhắc đến. Thời đồ đá ở Việt Nam chúng ta có những hình khắc trên trống đồng Ngọc Lũ hay tượng người công nhau thời Đông Sơn, hoặc chiếc muôi đồng đào được tại di chỉ Việt Khê (Hải Phòng).



Tượng các đồ đồng Đào Thịnh



*Muôi đồng đào tại di chỉ Việt Khê
(Hải Phòng)*

Những hình ảnh cụ thể trên giúp chúng ta hiểu được hội họa và điêu khắc là hình thức biểu hiện của Mĩ thuật. Bởi trong những loại hình nghệ thuật, mỗi loại đều có một ngôn ngữ riêng để diễn đạt tình cảm của con người, như âm nhạc thì dùng âm thanh và nhịp điệu, đồng thời dùng nhạc cụ, khí cụ làm phương tiện để diễn tả. Vậy, Mĩ thuật phải dùng hội họa với phương tiện của nó là màu sắc, đường nét và điêu khắc với phương tiện là gỗ, đá, đồng, đất nung... để làm ra tác phẩm có hình khối cụ thể.

1.2. Nói đến Mĩ thuật là nói đến nghệ thuật thị giác. Nó có đặc điểm riêng của nó. Đó là màu sắc và đường nét, hình khối và không gian, thông qua trí tuệ và cảm xúc của người nghệ sĩ đã đem đến cho con người những cảm thụ đẹp, đầy sức sống mà các loại hình khác không đáp ứng được.



*Nụ hôn
của Rô-danh*

Hình khối và màu sắc có khả năng tái hiện lại cuộc sống. Nó có thể phản ánh một cách trung thực cuộc sống hoặc tạo ra những ước mơ cho con người, tạo ra những viễn cảnh mà đời người lúc nào cũng mong vươn tới. Nó có thể giữ lại những cái đẹp thoáng qua phải dừng lại hàng thế kỉ như *Nụ cười của La Giô-công-đơ* (1503 - 1506) - Tranh sơn dầu của Lê-ô-na đờ Vanh-xi (Leonard de Vinci) hay *Nụ hôn* của Rô-đanh (Rodin).

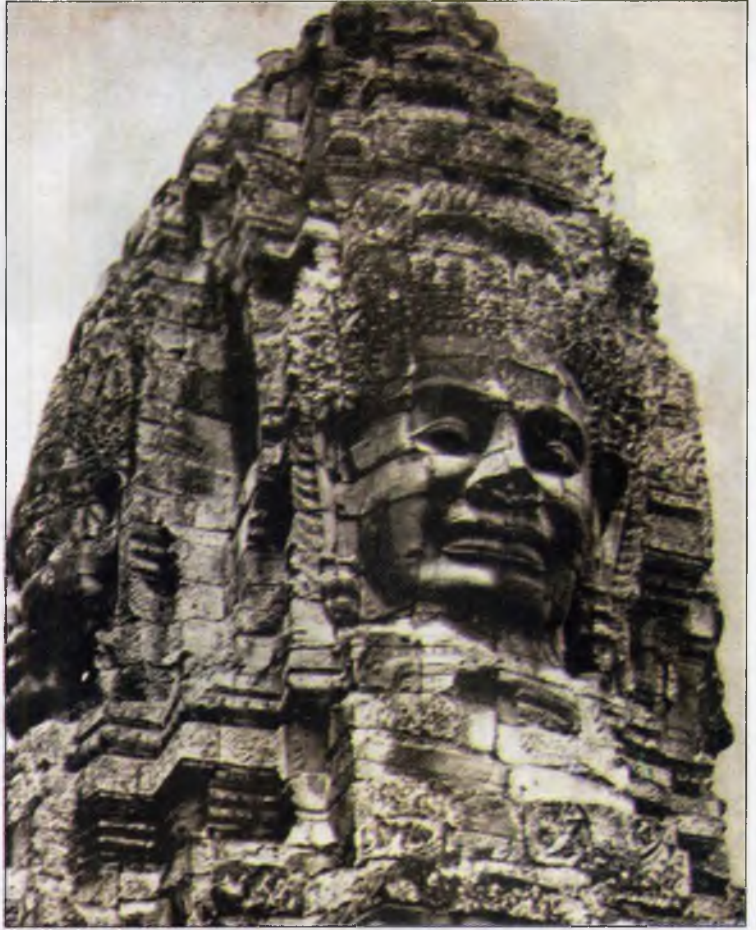
Những tác phẩm trên đã tồn tại bao thế kỉ nay, thời đại nào cũng được tôn vinh và trở thành những tác phẩm vĩnh cửu của nhân loại.

1.3. Sự chuyển tải các chủ đề về đời sống xã hội và ước mơ của con người thông qua những hiện vật là tác phẩm nghệ thuật hội hoạ, điêu khắc thì Mỹ thuật và Mỹ thuật công nghiệp là anh em sinh đôi, cùng giúp cho con người không những cảm thụ qua thị giác mà còn bằng trực giác, nghĩa là có thể sờ thấy hoặc sử dụng cùng những công năng của nó. Và như vậy, sự cảm nhận hình khối của con người sâu sắc và gần gũi với cuộc sống hơn. Những tác phẩm điêu khắc thời Đông Sơn là một minh chứng như tượng *Người thổi kèn* trên cán môi đồng, tượng người trên cán dao găm thời Đông Sơn...



Đất và nước (2003)
của Vương Văn Thảo
(Nghệ thuật sắp đặt)

*Tháp Bayon ở đền
Ăng-ko-vát
Căm pu chia*



Đặc biệt vào thời kì Phục hưng, điêu khắc ở châu Âu đã tách khỏi tôn giáo, đem lại cho những tác phẩm mang hơi thở cuộc sống của con người. Cùng những tác giả tên tuổi như Ni-cô-la Pi-da-nô (Nicolas Pisano) là người khởi đầu nên điêu khắc Phục hưng, Đô-na-ten-lô (Donatello) đã không sao chép lại tượng cổ điển mà làm sống lại tinh thần điêu khắc cổ điển. Tượng *Đa-vít* (David) khoẻ thân to bằng người thật của ông đã đáp ứng sự hoàn hảo trong hình thức thể hiện. Đô-na-ten-lô miêu tả Đa-vít trong tư thế của một chàng trai trẻ mới lớn, có thân hình đầy sức sống và dũng khí của người vừa chiến thắng tên khổng lồ Gô-li-át. Dưới chân tượng là áo giáp của kẻ thù. Tuy không lên gân nhưng nhìn các mặt của bức tượng thì chiều hướng nào cũng đều thấy được sự mãn nguyện của người chiến thắng, biểu hiện sinh động cho cái thiện thắng cái ác.



Tượng Đa-vít của Đô-na-ten-lô

Mối quan hệ giữa các loại hình nghệ thuật đã cùng tồn tại và phát triển cho đến tận ngày nay, điển hình như điện ảnh. Nó bao gồm đầy đủ các loại hình trong một tác phẩm, đồng thời nó cũng có sức thuyết phục rất lớn đến tâm tư, tình cảm của con người. Không những thuyết phục trong cộng đồng của một dân tộc mà còn có sức thuyết phục mọi trái tim của toàn nhân loại. Thế kỉ mới là thế kỉ của khoa học kĩ thuật, vì vậy nghệ thuật nói chung và điêu khắc nói riêng cũng không thể tách khỏi sự phát triển và có những giao lưu nhất định với những lĩnh vực đó để mang đầy đủ tinh thần của thời đại.

Trên dải đất hình chữ S của Việt Nam đã nổi lên biết bao công trình như hang động ở Hoà Bình, Thanh Hóa và nổi bật là các tháp Chăm và các tượng vũ nữ ở rải rác các tỉnh miền Trung, tiêu biểu như khu Thánh địa Mỹ Sơn đã được công nhận là di sản văn hoá thế giới. Thời gian và chiến tranh đã làm mất đi bao tác phẩm nghệ thuật nhưng số còn lại trong bảo tàng Chăm ở thành phố Đà Nẵng cũng để lại những ấn tượng về sự tài hoa và bàn tay khéo léo của một dân tộc.



Ví dụ như múa có những động tác biến thể từ hình dáng con người. Với vũ đạo là ngôn ngữ chính nhưng nhiều khi hình tượng điêu khắc lại gợi cho vũ đạo những nhịp điệu uyển chuyển của tay, của hình thể như tượng *Nghìn mắt nghìn tay* đã gợi cho múa Kà tu hoặc ngược lại, những động tác múa Ápxara đã làm cho các tượng vũ nữ của tháp Chăm thêm sống động và tồn tại mãi với thời gian.

Điều này chứng tỏ điêu khắc có quan hệ với nhiều loại hình nghệ thuật và ít nhiều đều có tác động qua lại lẫn nhau. Mỗi quan hệ đó đem lại hiệu quả bao nhiêu còn phụ thuộc vào tài năng và sự sáng tạo, nhạy cảm của người nghệ sĩ đối với ngành nghệ thuật mà họ tạo nên tác phẩm.

Cuộc sống làng xã trên dải đất miền Bắc đã tạo dựng biết bao ngôi đình, chùa nổi tiếng như chùa Tây Phương ở Hà Tây với những tượng *Tuyết Sơn, La hán...*, ở Bắc Ninh có chùa Bút Tháp thờ tượng *Nghìn mắt nghìn tay*,

TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA,
THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA

PHÒNG ĐỌC

chùa Phật Tích có tượng *Adidà*..., đều là những tác phẩm nghệ thuật để đời. Chúng ta hãy hình dung, trong những ngôi đình, ngôi chùa mà thiếu những chạm trổ, những pho tượng sơn son thếp vàng lung linh trong ánh nến thì liệu có gây cho người đến hành hương âm hưởng của cõi tâm linh huyền bí hay không?



*Tượng Adidà
Chùa Phật Tích
(Bắc Ninh)*

2.1. Mối quan hệ giữa điêu khắc với hội họa nói chung và hình họa nói riêng

Nằm chung trong loại hình mỹ thuật nên sự gắn bó hữu cơ về mặt nghề nghiệp giữa điêu khắc với hội họa nói chung và hình họa nói riêng là điều tất yếu. Vì nhà điêu khắc nào cũng biết vẽ và vẽ giỏi, nhất là hình họa thì mới có thể làm tượng hoặc chạm nổi được. Ngược lại, người họa sĩ nào nắm được cấu trúc và khối thì vẽ hình họa bao giờ cũng vững vàng. Điêu khắc và hội họa đều dùng con người làm đối tượng nghiên cứu về cơ thể học và giải phẫu để phân tích cấu trúc cũng như sự vận động của con người. Có sự am hiểu đó, người họa sĩ hoặc nhà điêu khắc mới tạo được các dáng mình cần, nhất là khi ghi chép hoặc kí họa. Vẽ hình họa giúp người họa sĩ thâm dần mọi diễn biến hoạt động phức tạp của cơ thể con người. Vì vậy họ phải luôn luyện vẽ, quan sát đủ các dạng người trong xã hội nhằm lột tả các trạng thái, tâm lí tình cảm để thể hiện được những tác phẩm hay, mang đầy đủ tính nhân văn như xã hội và nhân dân mong muốn.



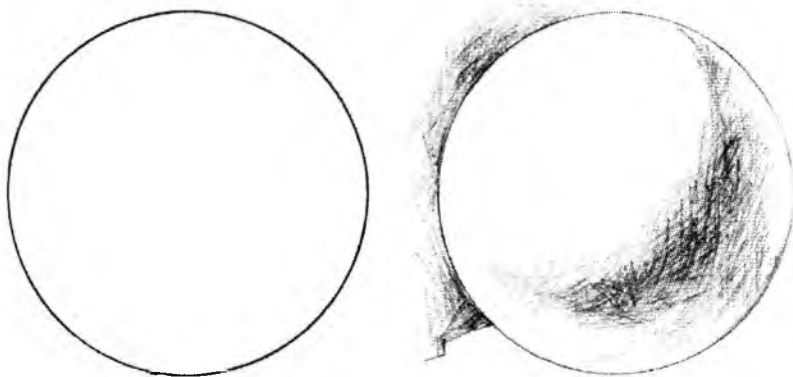
Lao-con và các con của My-ron

Hình họa được vẽ trên mặt phẳng. Ta chỉ vẽ được cái mà ta thấy ở góc nhìn của mắt người vẽ chứ không thấy được toàn bộ trong không gian ba chiều như ở điêu khắc. Ví dụ người vẽ chân dung ông già, dù ở vị trí chính diện hay bên phải hoặc bên trái thì ở mỗi bức tranh đều sẽ khác nhau về hình. Còn ở điêu khắc thì toàn

bộ những chân dung của ông già sẽ hiện rõ là một khối, chiếm một khoảng không gian và các khối tượng chân dung đó đều giống nhau, vì cùng tạc tượng một ông già, cho dù do nhiều nhà điêu khắc tạo nên. Như vậy, sự hỗ trợ qua lại của hình hoạ với việc tạo khối của điêu khắc là cần thiết. Bởi nếu đã thể hiện được khối cụ thể của điêu khắc thì vẽ hình hoạ sẽ tạo được khối chính xác và hợp lí với giải phẫu, tất nhiên hiệu quả của đường nét sẽ khúc triết hơn, ánh sáng, đậm nhạt sẽ gọi cảm hơn. Chính vì thế điêu khắc và hình hoạ bổ sung cho nhau tạo nên một kiến thức vững vàng cho người theo nghề mỹ thuật.

2.2. Sự giống nhau giữa điêu khắc và hội hoạ là cách nhìn sự vật phải có hình

Vậy hình là gì? Hình chính là đường nét mô tả một vật thể nằm trong một không gian nhất định và là một trong những yếu tố tạo nên ngôn ngữ nghệ thuật của hội hoạ, điêu khắc, trang trí. Hình được giới hạn trong tầm quan sát của con người, có thể quán xuyên và được thực hiện bằng nét trên một mặt giấy (hình) hay trong một không gian (khối) mà người ta có thể nhìn thấy ở mọi phía. Ví dụ như quả bóng, nếu vẽ ở trên tờ giấy nó được biểu thị bằng hình tròn và ở trong không gian thì bất cứ chiều nào, và nhìn ở góc nào nó cũng là hình tròn. Vậy, quy ước hình tròn vừa là bản chất (khối) của sự vật, vừa là tín hiệu (hình) cho mọi người biết đó là quả bóng.



Dù là nhà điêu khắc hay hoạ sĩ đều phải học vẽ trước. Học vẽ để tìm ra hình cũng như tạo ra hình. Tại sao mỗi hoạ sĩ hay nhà điêu khắc lại cần phải nhìn ra hình, tìm hình mới tạo ra hình được? Bởi mọi sự vật trước mắt ta, đơn giản là hình tròn cho kết quả là quả bóng, nhưng còn nhiều hình phức tạp hơn, đó là con người và thiên nhiên kì thú. Con người có hình dáng, nét mặt, màu da,

tất cả để nói lên cái riêng của anh A hoặc chị B. Hoặ các tâm trạng phải được biểu hiện khác nhau như khi vui, lúc buồn, hoặ nói cười và khó hơn nữa, trừu tượng hơn là nét duyên thầm. Nếu không tìm ra được hình nào để tạo nên những tâm trạng trên thì làm sao có được nét điển hình mà thể hiện ra hình mang bản chất của sự vật. Đó là điều cốt lõi để mọi người mới vào nghề cần quan tâm và bắt buộc phải có thời gian luyện tập hàng ngày, trước tiên là luyện mắt thông qua quan sát. Khi nhuần nhuyễn mới điều khiển đôi tay thể hiện được cái mà trong đầu đã nghĩ. Cái tâm và đôi mắt đối với một hoạ sĩ hay nhà điêu khắc là cực kì quan trọng, bởi khi nhìn một sự vật thì mỗi người đều có một nhân sinh quan, thế giới quan của mình. Khác với người thường, người nghệ sĩ phải bộc lộ cái nhân sinh quan và thế giới quan đó bằng nét vẽ hay hình khối để giúp mọi người có những cái nhìn đồng cảm với mình. Ví dụ như con cóc là một con vật rất xấu, thường nhìn thì mọi người đều lánh xa nó. Nhưng với sự tài hoa, nhà điêu khắc đã tạo thành một con vật đáng yêu và người ta có thể đặt nó ngay trước bàn làm việc hay vườn cảnh của mình để thưởng thức.



Phụ nữ nằm (Đá, 1957 - 1958) của Henry Moore

Cốc tu
(Đất nung - 1993)
của Hoàng Truyền



Vê nữ ở Mi-lô (Hi Lạp)



Hình thể (Đất nung) của Cán Thư Công

Nói đến hình là nói đến sự sáng tạo của người họa sĩ. Dù trước mắt họ là một cô gái bình dân hay một hoa hậu thì không giống như một bức ảnh chụp - các cô gái ấy đều có những cái chung về dáng, nét mặt mà ai cũng có thể nhận ra, nhưng với họa sĩ hay nhà điêu khắc thì mỗi người đều tìm ra ở cô gái ấy ngoài cái hình thức bề ngoài còn có cả nội tâm được bộc lộ ra trên hình và cũng chính bằng hình, nó sẽ nhận được đặc điểm, cá tính của nhân vật, làm cho nhân vật đó sống mãi trong lòng mọi người và mọi thời đại. Ta hãy lấy tranh của Pi-cát-sô (Picasso) làm dẫn chứng. Ông có các bức tranh vẽ về các cô gái như *Cô gái chân đất* (1895 - Sơn dầu), *Các cô gái ở Avignon* (1906 - Sơn dầu), hoặc như tượng *Vệ nữ ở Mi-lô* (1943), tượng *Vua và Hoàng hậu* (1952) của Henry Moore. Đó là những nghệ sĩ bậc thầy ở cuối thế kỉ XX đã đưa nền mỹ thuật đến những đỉnh cao mới.



Lợn - Tranh dân gian Việt Nam



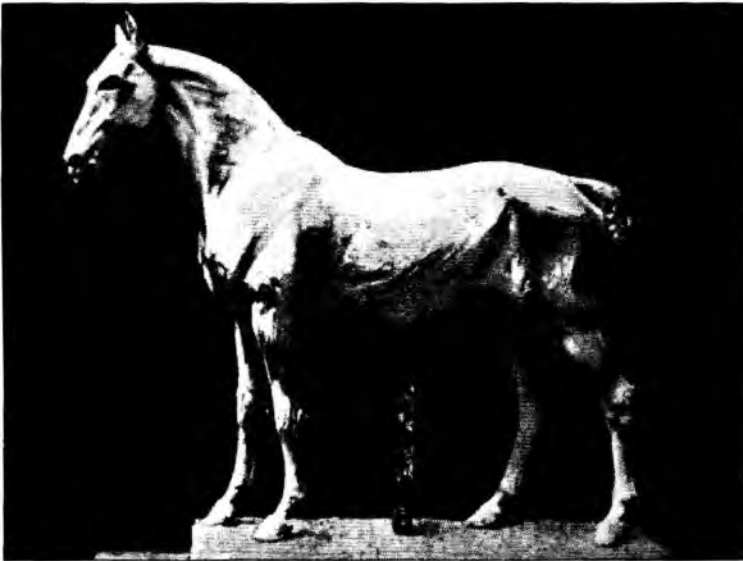
*Lợn - Trích tranh Niềm vui
của Mộng Bích*

Ở Việt Nam điều này càng thể hiện rõ nét. Xem những con trâu, con lợn trong tranh dân gian và con trâu, con lợn của các họa sĩ hiện đại, ta thấy mỗi loại tranh gợi cho ta một cảm xúc khác nhau. Và như vậy, hình của mỗi họa sĩ, mỗi thời đại đã giúp ta nhìn cuộc sống phong phú hơn, đa dạng hơn. Cũng là hình đó nhưng nó được biến đổi muôn hình vạn trạng vì người ta phải cách điệu nó và tạo cho nó phong phú hơn cái hiện thực vốn có. Ví dụ như hoa lá được cách điệu trong trang trí trên các diêm bia và các đồ thờ

chạm gỗ. Hay một con vật gần ta nhất là con mèo, qua tay người nghệ sĩ cũng được biến hoá thành bao nhiêu con vật ngộ nghĩnh mà vẫn thấy rất thân thương.

2.3. Sự khác nhau giữa hội hoạ và điêu khắc là hội hoạ dùng đậm nhạt để diễn tả khối, còn điêu khắc dùng khối để tạo ra đậm nhạt

Như chúng ta thấy, mọi sự vật trước mắt chúng ta đều mang rõ nét là hình khối. Từ cái cây đến núi đồi, hoặc con người hay con vật, tất cả đều có hình thù riêng. Có cái tĩnh, có cái động. Tất nhiên cái động sẽ cho ta nhiều hình dáng khác nhau. Và hội hoạ chỉ có mặt phẳng để biểu hiện dù đó là tờ giấy hay vải hoặc vóc sơn mài. Nếu chỉ vẽ nét tạo thành hình không thôi thì nó không rõ ý và nếu có dùng nét để vẽ thì cũng phải tìm cách nhìn thành khối hoặc gọi khối để người ta hiểu. Vì vậy, muốn tả được tất cả những cái mà người nghệ sĩ vẽ thì phải có xa có gần, có người đi lại, có những con vật làm vui vẻ của nhà v.v..., và tất nhiên ta phải dùng kĩ thuật đậm nhạt để diễn tả. Nhờ vào đậm nhạt mà ta biết được sự vật trước mắt ta như cây hình tròn, nhà cửa hình vuông, núi hình chóp, và vật nào ở gần ta, vật nào ở xa ta v.v... Ngay từ những ngày đầu mới học vẽ, trước khi dùng màu, người vẽ cũng phải tập xử lí bằng đậm nhạt để diễn tả không gian đa chiều vì mỗi độ đậm nhạt tương ứng với một màu, nhờ đó mà hoà sắc mới đẹp. Nắm được đậm nhạt thì khi vẽ có thể bằng mọi cách diễn tả các vẻ đẹp khác nhau.



Bài nghiên cứu ngựa



Chạm nổi vải bay (Đất)

- Tài liệu tham khảo

Từ nặng, thô như đá ong đến độ mỏng nhẹ và bay như voan hay giấy, thậm chí còn cho người xem cảm nhận hoặc liên tưởng đến phía sau của sự vật. Nhờ có đậm nhạt, hình vẽ trên tranh đã giúp ta có thể nhìn được không gian bao la, trời xanh với hồ nước sâu thẳm trên một mặt phẳng hoặc gồ ghề khúc khuỷu của ghềnh đá hay thác nước mà ta không cần phải đi vào những nơi cụ thể đó. Tuy vậy, ta không thể sờ thấy mà chỉ cảm nhận thấy. Chính vì vậy mà khi trang trí nội thất, người ta muốn làm cho cảm giác một phòng nhỏ rộng ra thì họ gắn quanh tường là gương để phòng rộng nhân đôi hay nhân ba, hoặc họ dùng màu vẽ lên mặt tường những cảnh đồng quê, rừng cây như thật v.v... Tất cả là nhằm đánh lừa cảm giác của người xem qua thị giác.



*Hội dân trâu (Composit - 2002)
của Nguyễn Hồng Dương*

Cũng thông qua thị giác, các nhà điêu khắc đã tạo khối để tạo nên những độ đậm nhạt khác nhau. Nhờ vào đậm nhạt mà tác phẩm điêu khắc uyển chuyển, làm mê hoặc lòng người. Chúng ta thấy rất rõ các công trình tượng đài ở ngoài trời, nhìn ở hai phía Đông và Tây không gọi được khối bởi do ánh sáng chiếu võ mặt nên không tạo được sáng và tối. Chỉ có hai phía Bắc và Nam thì lúc nào cũng rõ vì nhờ chiếu sáng mà khối đã tạo ra sáng tối rõ rệt. Nhờ sáng và tối giúp cho thị giác phân biệt được chỗ cao, chỗ thấp, chỗ dày, chỗ sâu..., nhất là chạm nổi. Nhận xét trên nhắc nhở chúng ta khi bày một tác phẩm điêu khắc đặt ở trong nhà hay ngoài sân, dù để chơi hay đặt mẫu vẽ cũng cần lưu ý đến những điều kiện ánh sáng cần thiết và thích hợp thì mới đẹp, mới gợi cảm cho người ngắm hay người vẽ, tạo những xúc cảm về hình khối và không gian ba chiều.

2.4. Là một ngành nghệ thuật dùng hình khối, màu sắc để phản ánh cuộc sống nhưng dù sao hội họa và điêu khắc vẫn có một ngôn ngữ chung, đó là hình tượng hoá chủ đề và xây dựng nhân vật



Bài hình họa của sinh viên trường ĐH Mỹ thuật Hà Nội

Còn với điêu khắc, nó hoàn toàn không có màu, chỉ duy nhất có màu của đất, đá, đồng... Tất cả đều khô cứng nhưng qua tay các nghệ sĩ đã trở thành sống động, mềm mại. Điêu khắc có thể miêu tả các chủ đề như hội họa nhưng nó không thể diễn đạt như hội họa. Nó phải rất cô đọng và dùng hình tượng con người để biểu cảm hoặc dùng ẩn dụ, ví dụ như gió. Nếu với hội họa thì tả cây cối ngả nghiêng, trời đất âm u. Nhưng với điêu khắc thì phải sử dụng đến quần áo bay trên cơ thể vận động chống đỡ của con người trước gió. Tuy mỗi sự biểu cảm có khác nhau nhưng tất cả đều giúp cho người xem biết là gió. Mỗi tác phẩm điêu khắc dẫn dắt người xem đến với bao ẩn dụ của tác giả. Ví dụ như tượng *Công nông* của Mu-khi-na. Tác phẩm nói lên sức mạnh của công nhân và nông dân Nga sau Cách mạng tháng Mười năm 1917.

2.5. Điêu khắc góp phần đắc lực vào các công trình văn hoá lớn cũng như đồ dùng hàng ngày

Những tác phẩm nghệ thuật được bày đặt ở mọi nơi trong bảo tàng, trong gia đình, ở phòng khách, các công trình văn hoá hoặc ngoài trời chỉ làm bằng những chất liệu gỗ, đá, kim loại... nhưng được các nghệ sĩ thổi vào một tâm hồn làm cho nó sống cùng với sự tồn tại của loài người ở mọi thời đại. Thường nhật hơn là những đồ dùng hàng ngày như các bộ đồ dùng trà. hay các phương tiện đi lại như ô tô, máy bay, người ta cũng dùng những hình khối gợi cảm, bắt mắt nhằm lôi cuốn sở thích và đáp ứng nhu cầu của mọi người tiêu dùng. Rõ ràng, những hình khối đó được kết hợp với màu sắc đã tô điểm, phục vụ đời sống của con người hàng ngày. Đặc biệt, dùng hình khối và trí tuệ có thể hướng con người vào một cõi tâm linh, như vườn đá ở đền Ryôan-Jic được xây dựng vào thế kỉ XV tại Nhật Bản. Vườn chỉ là cát trắng được cào thành những luống nhỏ, tạo nên hình ảnh của đại dương: 15 hòn đá được chia làm 5 nhóm như hình các đảo nhô lên giữa biển cả, phù hợp với tiêu chuẩn mỹ học và triết học của nước Nhật. Ryôan-Jic là vườn không để dạo chơi mà để được nhìn ngắm từ hàng hiên của ngôi đền. Theo mỹ học Nhật Bản, trong một công trình nghệ thuật thì ngoài cái ta được nhìn thấy còn phải tạo cho người ta được cảm thấy. Vườn đá Ryôan-Jic đã cho người xem thấy được ngôn ngữ hình và khối qua sự trang nghiêm và vẻ giản dị đến cao độ của nó trước những tương phản giữa đá đen và cát trắng. Và nó cũng như một bài thơ triết học ca ngợi thiên nhiên với ý nghĩa tượng trưng sâu sắc.



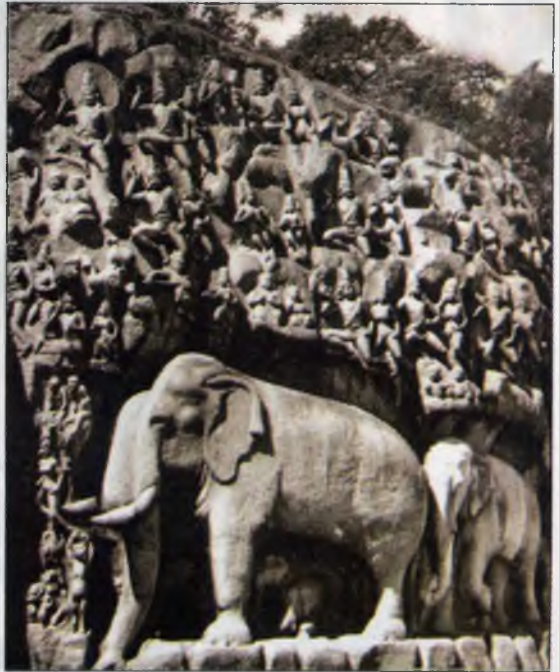
Vườn Ryōan-Jic (Thế kỉ XV) ở Kyōtō - Nhật Bản

Có những tác phẩm điêu khắc khổng lồ như Kim tự tháp Ai Cập, tượng Nhân sư hoặc tượng Phật được đục nguyên từ một quả núi như ở Trung Quốc, Áp-ga-nit-tăng, Ấn Độ, Ăngko v.v... Những khối khổng lồ đó đã làm phong phú thiên nhiên rộng lớn, đồng thời nó cũng đánh dấu được tài năng, sự khéo léo của nhân dân lao động cũng như ý chí của con người. Sự gắn kết giữa đời sống thường nhật của con người với những hình khối từ cổ đại đến hiện đại đều phải thông qua tài năng, nhân cách của người nghệ sĩ. Họ đã dùng trí thức, tay nghề để thể hiện những hình khối có trí tuệ, tâm hồn, dẫn dắt con người đến với những điều thiện và chống mọi cái ác.

Ở Việt Nam chúng ta điều này cũng được thấy rõ nét nhất ở trong các đình, chùa. Trong mỗi làng, mỗi gia đình đều có những tác phẩm điêu khắc, ngay từ chiếc cột tròn thượng thu hạ thác được bào nhẵn óng mượt chạy thẳng từ chân bệ đá để đỡ vì kèo đến những trụ đầu, ván nong được chạm trở tinh vi với mọi tình tiết từ rông mẹ với rông con và những cảnh tám, trai gái trêu nhau... Tất cả đã làm cho cuộc sống của làng xã đẹp hơn, đáng yêu hơn và đó cũng chính là tình cảm đậm thắm nhất của quê hương. Quê hương ai cũng có, và khi nhớ về quê hương, ai cũng nhớ đến gốc đa đầu làng, mái đình, ngôi chùa và đương nhiên là có cả các tác phẩm điêu khắc. Người ta tự hào về đình chùa làng mình cổ, có nhiều tượng và đồ thờ đẹp để nói lên sự giàu có và tài hoa của quê hương mình.

Tóm lại, nghệ thuật nói chung và điêu khắc nói riêng vô hình chung đã gắn chặt vào tâm thức con người và mặc nhiên người ta sống không thể không có nó, như cơm ăn nước uống hàng ngày. Chính vì vậy điêu khắc đình làng đã đi vào cuộc sống, nó đã tồn tại và phát triển trong quá khứ, hiện tại và cả tương lai.

Tượng Nhân sư ở Ai Cập



Chạm nổi trên vách núi của Ấn Độ

Chạm khắc ở đình làng



Hổ vẽ trên mo nang



3. Các thể loại của điêu khắc

Điêu khắc có hai loại hình thức thể hiện: đó là tượng tròn - phục vụ cho người xem ở mọi phía và chạm nổi, hay còn gọi là phù điêu - chỉ cho người xem thấy được trên mặt phẳng như tranh vẽ, nhưng không dùng màu sắc diễn tả mà lại dùng khối. Trên cơ sở hai hình thức thể hiện và trong quá trình sử dụng, nó tạm được phân loại:

3.1. Điêu khắc trong nhà

3.1.1. Tượng

Tượng là một loại hình nghệ thuật có từ thời kì cổ đại. Ví dụ như ở Ai Cập cổ đại có tượng *Viên thư lại Kai* (Bảo tàng Lu-vơ-rơ - Pháp), tượng *Đầu người phụ nữ* (Bảo tàng Boston - Mĩ). Đầu thế kỉ thứ V và thứ VII trước Công nguyên, các nhà sử học gọi là tiền cổ điển, có hai nhà điêu khắc nổi tiếng là Pi-ta-gô-nát với tượng *Người xa phu*, tượng *Vệ nữ Êt-ki-tanh* (thường gọi là nữ thần Ái tình thần thoại) và Cananut với tượng *Thiên vương Ích-tiatê*. Đó là những kiệt tác ở thời kì đó. Thời Phục hưng có nhiều tác phẩm ra đời, xuất hiện ở châu Âu và nước Ý như những tác phẩm của Mi-ken-lăngơ (Michelangelo): *Pi-e-ta* (1498 - 1499) và vĩ đại hơn là *Đa-vít* (1501 - 1504) bằng đá cẩm thạch. Thần thoại Hi Lạp kể rằng: Người anh hùng Đa-vít đã chiến thắng người khổng lồ Gô-li-át. Đây là một tác phẩm hoàn hảo nhất về cơ thể con người. Tượng đã đạt đến đỉnh cao của sự hài hoà giữa thể chất và trí tuệ của con người.



Viên thư lại Kai (Đá) của Ai Cập

Thế kỉ XIX ở Pháp xuất hiện nhiều tài năng như Rô-danh với những tác phẩm *Nụ hôn*, *Mùa xuân vĩnh cửu* hay *Những công dân thành phố Ka-le...*

Ở Việt Nam thì tượng trong nhà được đặt ở hầu hết trong những ngôi chùa hoặc đền thờ, tiêu biểu là những tượng *La hán* ở chùa Tây phương, chùa Trăm gian... hay tượng *Tuyết sơn*, *Nghìn mắt nghìn tay* ở chùa Bút tháp - Bắc ninh.

Đặc điểm của tượng trong nhà là làm bằng các chất liệu gỗ, gỗ sơn, đá, đồng. Trước đây nó phục vụ chủ yếu cho tôn giáo trong các đền thờ và sau này nó đã đi vào cuộc sống đời thường như phòng khách, phòng ngủ v.v... hay trong các bảo tàng. Tượng trong nhà có thể có nội dung kêu gọi đấu tranh như tượng *Phú Lợi* của Diệp Minh Châu, ca ngợi chiến thắng, tinh thần dũng cảm như *Chiến thắng Điện Biên*, *Nguyễn Văn Trỗi* của Nguyễn Hải, hoặc chỉ là tượng trang trí như đề tài phục vụ với tượng *Cả nước ra trận* của Lưu Danh Thanh.



Cả nước ra trận (Đồng - 2003) của Lưu Danh Thanh

Vì tượng được đặt trong nhà nên nó thường có kích thước vừa phải, phù hợp với những nơi đặt tượng. Về phong cách nghệ thuật thì nó có thể diễn tả hiện thực hoặc cách điệu, đôi khi nó còn đơn giản hoá để thích ứng với các vật xung quanh, nhất là trang trí nội thất hiện đại. Khi con người có đủ mọi nhu

cầu, có đủ mọi thứ phục vụ đời sống tinh thần như truyền hình, vườn cây, bồn phun nước ở trong nhà thì tượng chỉ còn là vật trang trí như mọi thứ đồ vật khác.

3.1.2. Phù điêu - hay còn gọi là chạm nổi

Tùy theo độ cao của hình khối so với mặt nền của bức chạm, người ta chia ra làm ba loại để phân biệt cách thể hiện khi ứng dụng.

- Chạm nổi thấp (Relief) - Các hình tượng được chạm với độ nổi rất thấp, đủ để diễn tả độ tương quan tương đối giữa hình khối của đối tượng miêu tả hoặc thể hiện hoa văn trên mặt phẳng bức chạm để làm nền cho các hình tượng khác. Như trên phù điêu của Ai Cập hay trên các trán bia ở Văn miếu Quốc tử giám với hình lưỡng long châu nguyệt được cách điệu hoa lá hay trang trí hoa dây chạy xung quanh mặt bia để tôn vinh hàng chữ ghi tên các tiến sĩ. Ở trong chùa thì được thể hiện trên các trang trí đồ thờ như hoành phi câu đối hay án gian thờ.



Cánh cửa chùa Keo (Gỗ) - Thái Bình



Người đội chữ (Đá) ở Lăng Vũ
Hồng Lương - Hưng Yên

- Chạm nổi vừa - Đó là loại được dùng để diễn tả cao hơn chạm nổi thấp, nhưng độ cao nhất của cả hình tượng vẫn nằm trên một mặt phẳng tương đối, như những bức chạm gỗ Thập bát La Hán tại chùa Trăm gian..., hay chạm Lộng (chạm thủng) trên cửa vồng ở đình Diêm - Bắc Ninh.



Trang trí trên cửa vồng



Uống rượu (Gỗ - Thế kỉ XVII) ở đình Liên Hiệp - Hà Tây

- Chạm nổi cao - Các hình tượng được chạm với độ nổi cao, dường như chúng được đắp thêm lên mặt phẳng nền. Nó tạo được độ tương phản mạnh giữa khối nổi nhận ánh sáng và những hốc tối sâu ánh sáng không đến được, tạo nên những độ đậm nhạt mạnh nhằm diễn tả chiều sâu không gian, khẳng định những phần chính, phần phụ của bức chạm... Ví dụ như trong bức chạm diễn tả một ổ rồng mẹ và con thì thân rồng vẫn bám vào mặt nền, còn các đầu rồng thì nhô hẳn lên trên mặt nền. Hình

thức này được dùng nhiều trên các thành phần kiến trúc ở đình chùa cổ Việt Nam. Tiêu biểu là bức chạm trên cổng đình Thổ Hà (Hà Bắc), đình Ngọc Canh, Thổ Tang (Vĩnh Phú) thế kỉ XVII.

3.2. Điều khắc mỹ nghệ

Thuật ngữ chạm khắc gây cho ta một sự liên tưởng đến trang trí của những đồ gia dụng trong sinh hoạt hàng ngày. Dù là tượng hay chạm nổi thì đặc điểm của nó vẫn là nhỏ, tinh xảo và khéo léo với các chất liệu quý hiếm như gỗ, ngà voi, vàng, bạc v.v... Ngay từ thời Tiên sử, con người đã dùng đồ trang sức hay đồ gia dụng mà khảo cổ học đã phát hiện cho ta thấy, với công cụ thật thô sơ, họ đã làm được rất trau chuốt những tượng người trên cán dao găm thời Đông Sơn hay tượng người thổi kèn trên cán môi đồng v.v... Hàng mỹ nghệ thường đi liền với các ngành thủ công mỹ nghệ như nghề chạm bạc, chạm gỗ, khắc ngà voi với các làng nghề truyền thống như Thanh Trì - Hà Nội, Thạch Thất - Hà Tây, Đại Bái, Từ Sơn - Bắc Ninh...



Chậu cảnh hình trâu (Thế kỉ XIX) - Gốm dân gian

Nói đến những sản phẩm chạm khắc thì phải nói đến tài hoa của người nghệ sĩ. Ngoài năng khiếu là cả một kì công rèn luyện tay nghề vì với con dao, cái đục, họ có thể tả một đoàn rước đủ thứ, nào kiệu, nào võng, cờ quạt và biết bao thứ khắc trên một cái nắp hộp đựng thuốc bằng bạc, hay một chiếc ngà voi với hàng đoàn voi gồm voi lớn, voi bé, voi mẹ, voi con rồng rắn nối đuôi nhau với những hình dáng sinh động, càng ngắm càng thấy thán phục.

Có một ngành nghề nữa là gốm, sứ, đất nung, tiêu biểu là Bát Tràng, Thổ Hà, Phù Lãng v.v... Ngoài việc làm những đồ gia dụng bằng đất nung như nồi, bát, ấm chén..., còn một mảng nghệ thuật nữa là làm các tượng nhỏ như nghệ, sấu, bát hương hoặc các loại chân đèn. Hay đơn giản hơn như lợn đất, cầu kì hơn như tượng Di lặc, Sư tử, Lã vọng có tráng men, đã đem lại cho cuộc sống của con người thêm phong phú. Đến nay, những làng nghề đó đã ngày càng phát triển, các nghệ sĩ được học hành nghiêm chỉnh và sự sáng tạo của họ đã thích ứng hơn với cuộc sống hiện đại của đất nước cũng như thế giới.

3.3. Điêu khắc ngoài trời

Đó là những tác phẩm điêu khắc được đặt ở ngoài không gian nhất định. Nó gồm các loại:

3.3.1. Các công trình tâm linh, tôn giáo

Đó là những công trình ghi lại uy quyền của một thời đại nhất định. Nhìn tượng Nhân sư nằm trên một sa mạc mênh mông bên cạnh những Kim tự tháp, ta thấy được sức mạnh vĩ đại và quyền lực của các vị Pha-ra-ông đại diện cho những vương triều cổ của vương quốc Ai cập phát triển thịnh đạt, nhất là nghệ thuật và kiến trúc có nhiều thành tựu rực rỡ. Kim tự tháp là một trong bảy kì quan của thế giới cổ đại:



Kim tự tháp của Ai Cập

- Quần thể Kim tự tháp Guizch;
- Tháp Babylone và vườn treo Babylone;
- Tượng thần Zeus bằng vôi và ngà voi của Phidias ở Olympie;
- Lăng mộ Halicarnasse;
- Hải đăng Alexandria của Sostrate Khnie;
- Đền thờ nữ thần săn bắn Artémis ở Ephese của hai cha con Khecxiphron và Métageni;
- Tượng Hélios ở đảo Rhode của Carets Lindote.

(Năm kì quan sau đều của các nghệ sĩ Hi Lạp cổ đại)

3.3.2. Các công trình kỉ niệm

Sự phát triển của các công trình điêu khắc ngoài trời đã dần dần tách ra khỏi những công trình kiến trúc và mang tính độc lập cả về tư tưởng lẫn phong cách nghệ thuật. Như tượng *Đa-vít* bằng đá cao 4m, người anh hùng của dân Hébreux đã chiến thắng người khổng lồ Gô-li-át, tượng *Những công dân thành Calais* của Rô-đanh nêu nên sự hi sinh dũng cảm của sáu vị tướng giả tình nguyện nộp mình cho vua Edouard III để giải vây cho thành phố quê hương mình, tượng *Nữ thần tự do* cao 93m (cả bộ) - Đây là quà tặng của nước Pháp



Những công dân thành Ka-le (Đồng) của Rodin

dành cho nước Mĩ vào năm 1886 được đặt tại NewYork. Để ca ngợi và ghi lại cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Liên Xô trước đây chống chủ nghĩa phát xít Đức, ở đất nước Nga cũng như các nước cộng hoà trong Liên Xô cũ đã dựng biết bao tượng đài hoành tráng như tượng *Bà mẹ Tổ quốc* cao 52m (kể cả kiếm là 102m) bằng bê tông đặt trên đồi Ma-mai-ép ở Stalingrat của nhà điêu khắc Vu-chét-nhích.



Bà mẹ Tổ quốc trên đồi Ma-mai-ép ở Stalingrat của Vu-chét-nhích

Sau ngày thống nhất đất nước, ở Việt Nam cũng đã dựng được hàng trăm công trình tượng đài, bia kỉ niệm, đài liệt sĩ trên khắp đất nước nhằm tôn vinh sự hi sinh của nhân dân Việt Nam cho nền độc lập dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, như: *Đài kỉ niệm núi Thành* của Lê Công Thành, tượng *Thủ Khoa Huân* của Nguyễn Hải, tượng *Chiến thắng sông Lô* của Tạ Quang Bạo, tượng *Quang Trung* tại công viên Đống Đa của Vương Học Báo, tượng *Nguyễn Trãi* của Lê Đình Quý, tượng đài *Nghĩa trang Hàng Dương* của Lưu Danh Thanh, tượng *Chiến thắng Điện Biên Phủ* của Nguyễn Hải v.v...



Chiến thắng Điện Biên Phủ (Đồng) của Nguyễn Hải

3.3.3. Tượng trang trí sân vườn

Đây là những loại tượng được trang trí trong công viên, trong các biệt thự hoặc sân vườn của các cơ quan. Nó không quá bé như những loại tượng mỹ nghệ nhưng nó không quá lớn như tượng đài. Nó được thực hiện bằng những chất liệu bền vững như đồng hoặc đá để thích ứng với những điều kiện khắc nghiệt của thời tiết và sự xâm thực của thời gian. Ở các nước châu Âu, đi đâu cũng thấy xuất hiện loại tượng này. Người ta có thể trang trí một dãy tượng hai bên thành cầu bắc qua sông như ở Tiệp Khắc, hoặc rải rác trong các vườn hoa như ở Anh, Pháp, hay trong vườn các cung điện của Nga hoàng. Nói đến tượng vườn không thể không nhắc đến Maillol. Đó là nhà điêu khắc tài ba với sở trường thiên về sự thể hiện cái đẹp thể chất và tinh thần của cơ thể con người, ví dụ tượng *Quả táo*. Giữa những năm 30 của thế kỉ XX này lại xuất hiện Henry Moore, một người Anh sinh năm 1898. Tác phẩm của ông đầy chất tạo hình với những hình hữu cơ, những lỗ trống và những chỗ



Quả táo (Đồng) của Maillol

lồi lõm có dáng dấp của thiên nhiên như núi đồi, toát lên một sức sống sâu thẳm và kì lạ như hút hồn người xem trở về với văn hoá nguyên thủy nhưng lại rất hiện đại. Ví dụ tượng *Hình người đàn bà nằm*, ông giải thích: “Những khoảng trống nối liền các góc cạnh của cơ thể là để làm nổi bật hình ảnh của không gian ba chiều. Một hốc trống là một điều bí ẩn, cũng như trong thiên nhiên, mỗi hốc trống trên sườn đồi hay vách đá đều chứa đựng rất nhiều bí ẩn trong quá trình nó được tạo thành qua thời gian, năm tháng”.

3.4. Các loại hình mới xuất hiện

Như chúng ta thấy, những trường phái như Trừu tượng, Siêu thực, Lập thể trên các tranh tượng xuất hiện đã lâu và dấu sao nó vẫn là những tác phẩm tồn tại bằng các chất liệu có thể lưu giữ mãi cho các thế hệ mai sau chiêm ngưỡng. Nó tồn tại bằng những triết lí của một xã hội mà kinh tế và khoa học kĩ thuật phát triển.



*Vua và hoàng hậu (Đồng)
của Henry Moore*



*Concubine (Gỗ)
của Brancusi*

Cuối thế kỉ XX đầu thế kỉ XXI, khi công nghệ thông tin bùng nổ, sự phát triển về công nghệ điện tử đã vượt quá những dự đoán, sự phá vỡ môi trường và sinh thái đã để lại những hiểm họa cho trái đất thì con người cần

phải lên tiếng. Từ những phế thải đồng nát của lon hộp, của ni-lông, của sắt thép v.v..., các nghệ sĩ đã tạo dựng thành những tác phẩm nghệ thuật nhằm kêu gọi mọi người hãy bảo vệ sự sống của trái đất.



*Nguyễn Văn Trỗi (Đồng)
của Nguyễn Hải*



*Bà má nghiên trâu (Đồng)
của Lê Công Thành*

3.4.1. Nghệ thuật sắp đặt (Installation)

Installation hay còn gọi là nghệ thuật sắp đặt không gian. Nó kết hợp một lúc nhiều phương tiện nghệ thuật khác nhau để tạo ra “không gian ý tưởng” bằng cách cho phép người nghệ sĩ cải biến không gian và sử dụng một địa điểm theo ý muốn của mình, vì ở đây tính tạo hình cho phép do được sự tự do của những con người và vật thể. Nghệ thuật sắp đặt ít có phong cách riêng vì nó có thể đưa tất cả những vật dụng của đời thường đến những tạo tác đặc thù của người nghệ sĩ để nói lên một tiếng nói nhất định. Những tác phẩm sắp đặt chỉ tồn tại trong một thời gian nhất định trước công chúng và chỉ được lưu giữ bằng ảnh hoặc bằng hình, khi kết thúc triển lãm nó không còn tồn tại nữa. Nghệ thuật sắp đặt đối với thế giới, nhất là Mĩ, Đức rất phát triển. Ở Việt Nam thì khoảng 10 năm trở lại đây nó được du nhập và đã có một số người

thể nghiệm như Nguyễn Bảo Toàn có *Đất qua lửa*. Tuy có hiệu quả thị giác cao, rất tượng trưng nhưng lại thiếu biểu tượng sâu sắc hay chứa đựng nội dung ẩn dụ.



Hãy nên như hình với bóng
(Sắp đặt) của Nguyễn Minh Thành



Đảo xuân (Trình diễn)
của Đào Anh Khánh

3.4.2. Nghệ thuật trình diễn (Performance)

Nghệ sĩ lấy ý tưởng mình định miêu tả, lấy thân thể mình làm trọng tâm cho cuộc trình diễn hoặc phối hợp với những cộng sự. Họ có thể kết hợp hành động với người xem làm thành một cuộc trưng bày. Ví dụ như Đào Anh Khánh đã tổ chức một cuộc triển lãm tại tư gia. Anh biến cả một trang trại thành một cuộc trưng bày và anh nhập vai một người nguyên thủy hoang dã sống với trời đất, khao khát thiên nhiên, sợ hãi nền văn minh đương thời. Anh đóng khố, vẽ mình như thổ dân, tự do nhảy múa, gào thét và bộc lộ các trạng thái bản năng như đau đớn, vật vã, sung sướng... Và tín ngưỡng lúc ấy của người nghệ sĩ duy nhất là “vũ trụ”.

Xem các loại hình mới xuất hiện như Installation (Sắp đặt), Performance (Trình diễn), Transformation (Biến đổi), người xem phải suy nghĩ, tìm ra ý nghĩa và sau đó là thưởng thức, thêm bớt vào nhận thức của mình, khi hiểu được rồi thì cảm thấy mọi sự việc rất đơn giản, thường gặp hàng ngày, đã đi qua mà không để ý.

Theo Bùi Như Hương (*Nghệ thuật Sắp đặt không gian và nghệ thuật Trình diễn* - Mĩ thuật số 42), nghệ thuật thị giác có thể mô hình hoá ý tưởng của người nghệ sĩ bằng nghệ thuật sắp đặt không gian (Installation), nghệ thuật trình diễn (Performance)... và còn nhiều hành vi ứng xử nghệ thuật na ná, tương tự với các tên gọi tùy ý như: hành động (Action), biến cố sự kiện (Happening), nghệ thuật thân thể (Body art). Một nghệ thuật trình diễn nhiều khi là một hay vật thể đối tượng (object) như một kiểu nghệ thuật sắp đặt đơn giản.

4. Chất liệu của điêu khắc

4.1. Đất sét

Gồm các thành phần chính: SiO_2 , Al_2O_3 , H_2O , thường gặp làm tạp chất. Nguồn gốc đất sét là các loại đá gốc chứa fenspat (tràng thạch) như pecmatit, granit, gabro, bazan..., chúng bị phong hoá rửa trôi, lắng đọng trong một thời gian dài, do đó hình thành đất sét.

Đất sét chủ yếu dùng trong công nghệ vật liệu silicat (gạch, ngói, gốm). Trong trường hợp này, các tính chất như thành phần hạt theo kích thước, khả năng trương nở thể tích, độ dẻo và khả năng tạo hình quyết định đánh giá chất lượng của đất sét.

Với những nhà điêu khắc thì đất sét là phương tiện đầu tiên để tạo dựng ý đồ cũng như làm ra tác phẩm. Tượng nặn bằng đất có thể làm nhỏ như đầu ngón tay đến các loại tượng to cao hàng chục mét. Đất để nặn phải nhuyễn, dẻo và không có sạn. Đất giúp người nặn đập vào hoặc lấy bớt ra trong khi tạo khối. Nó có thể làm vuông, tròn, ô van hoặc các khối đa giác v.v... với các kiểu khác nhau, từ sù sì đến nhẵn bóng v.v... Nhờ làm bằng đất trước khi thực hiện bằng các chất liệu khác, nhà điêu khắc có thể tìm tòi hoặc thể nghiệm trên tác phẩm của mình.

*Bài tập
cách nặn chân dung trên đất*



Ở Việt Nam, các nghệ nhân xưa đã dùng đất trộn với trấu, giấy bản, nhào nhuyễn với nhau và nặn những ông hộ pháp cao lớn đến gần 4m, như hai ông hộ pháp ở chùa Bút Tháp. Đất trộn trấu và giấy bản giữ được rất lâu và không bị nứt bởi giấy bản hay giấy dó là chất liệu kết dính khi khô, còn trấu để tạo độ rỗng cho khối đất. Khi thời tiết không bình thường nó có thể giãn nở, hoặc co lại mà tượng vẫn không bị vỡ. Để đảm bảo được độ bền trước sự thâm nhập của thời gian, các cụ ta xưa đã phủ lên một lớp sơn mài và sơn son thếp vàng, vừa giữ được tượng bền vững, vừa tạo được sự thần bí và uy nghi trong những ngôi chùa cổ.

Ngoài cách làm tượng đất để khô kiệt rồi phủ sơn để trong nhà thì ở Việt Nam còn có cách làm nữa là đem nung ở nhiệt độ cao khoảng một ngàn độ trở lên, biến chúng thành sành. Nó không bị thấm nước và tồn tại vĩnh viễn với thời gian.

Tượng đất nung có từ lâu đời và nó cũng là loại truyền thống của Việt Nam, từ những con nghê, con sấu trên các cột cổng đình đến những đồ mỹ nghệ.

Đất trở thành một loại vật liệu tạo được nhiều sản phẩm điêu khắc. Điển hình phải nói đến khu mộ tượng của Tần Thủy Hoàng ở Tây An - Trung Quốc. Mỗi khoang có hàng ngàn chiến binh với mũ giáp, binh khí, ngựa xe... Các tháp Chăm rải rác ở Việt Nam cũng bằng đất nung và được đẽ gọt rất công phu, nổi lên như tháp Cảnh Tiên ở Bình Định, khu di tích Mĩ Sơn v.v... Hiện nay, các nhà điêu khắc hiện đại cũng sử dụng loại đất này rất nhiều. Nếu muốn làm lớn họ có thể làm theo kiểu lắp ráp, hoặc chồng ghép v.v... để tạo ra tác phẩm nghệ thuật. Chỉ có điều, làm những loại tượng đất nung người nặn phải nắm chắc về kĩ thuật, về độ co ngót, về độ dày mỏng thích hợp để khi nung không bị nứt, vỡ.

Tháp Chăm - Đất nung



Tượng Hộ pháp bằng đất trộn trấu và giấy bản ở chùa Bút Tháp



Gạch trang trí - Đất nung



*Tượng niệm về một con đường
(Đất nung) của Phạm Sinh*

4.2. Đá

Trong điêu khắc người ta sử dụng nhiều loại đá:

Đá cẩm thạch - Loại đá biến chất từ đá vôi hoặc đá đô-lô-mi, có màu trắng, màu xám, màu hồng, màu đen đồng nhất, nhưng thường có vân đẹp, độ cứng thấp. Nếu là đá vôi nguyên chất thì đá cẩm thạch có màu trắng, cấu tạo bằng những tinh thể can-xit. Đá cẩm thạch có màu là do đá vôi có lẫn sét và các ôxit kim loại. (Ví dụ những tượng của Rodin được làm bằng đá cẩm thạch).

Đá cứng - Vật liệu tự nhiên có liên kết cứng và bền giữa các khối hoặc các hạt. Độ bền của liên kết giữa các hạt xấp xỉ độ bền của bản thân các hạt. Đá cứng có độ chặt cao, độ rỗng không đáng kể, không chứa ẩm, thực tế không bị hoà tan, độ bền và độ đàn hồi cao (sức chống nén 500 - 4000 lg/cm²), rất ít bị nén lún. (Ví dụ Đài tưởng niệm quốc gia ở núi Rosino, một công trình điêu khắc hùng vĩ của Mi).



*Tiên Dung - Chữ Đồng Tử
của Nguyễn Hồng Hưng*



*Chân dung (Đá)
của Nguyễn Nguyên Hà*

Đá ong - Là loại đá có nhiều tạp chất như đất và sắt. Nó nằm sâu trong lòng đất, có nhiều ở vùng Chương Mĩ hoặc Thạch Thất, Hà Tây. Xưa được khai thác để xây dựng, làm nhà cửa và có một số nơi tạo ra những tác phẩm điêu khắc như tượng Voi ở đình Thạch Thất - Hà Tây. Kế thừa những sáng tạo của ông cha, các nghệ sĩ điêu khắc đương đại đã tiến hành sáng tác thể nghiệm khá nhiều tác phẩm bằng đá ong có kích thước lớn để bày ở ngoài trời. Hi vọng nó sẽ là một chất liệu thích hợp với loại hình mới vừa mộc mạc, thô sơ, mang đầy tính thôn dã và nguyên thủy.

Đá sa thạch - Loại đá này có màu nâu, chất liệu sù sì, được dùng nhiều cho các công trình của tháp Chăm. Nó được liên kết với gạch để tạo ra một tác phẩm hoàn chỉnh. Đá này rất cứng, chịu đựng được mọi khí hậu, nằm rải rác trên các ngọn núi thấp ở các vùng từ Bình Định đến Bình Thuận. Có những khối to như cái nhà. Hiện nay, khu non nước ở Ngũ Hành Sơn - Đà Nẵng, những người thợ đá đang dùng loại đá này để phục chế các tác phẩm của đồng bào Chăm như các tượng vũ nữ...



*Vẻ đẹp (Đá ong)
của Lưu Danh Thanh*



*Tượng thần U-ma (Đá chàm)
ở Quảng Nam*



*Mùa đông Bắc Hà (Đá)
của Lê Lạng Lương*

Muốn tìm hiểu kĩ loại đá này, chúng ta vào thăm Bảo tàng Chàm tại Đà Nẵng, nơi lưu giữ được khá nhiều tác phẩm đẹp thu về từ các tháp cổ hoang phế để bảo quản, trưng bày và hiện nay cũng có một số tác phẩm đẹp được trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Hà Nội.

Mỗi loại đá sẽ tạo ra những tác phẩm thích hợp với nội dung và chủ đề, vì vậy khi xem nó chúng ta sẽ có những cảm thụ khác nhau về cách tạo dáng, về phong cách nghệ thuật.

4.3. Kim loại

Độ bền của loại chất liệu này không kém gì đá. Loài người đã biết sử dụng đồng tự nhiên từ 8000 năm trước Công nguyên và biết chế tạo đồng thau từ 3500 năm trước Công nguyên. Sự phát triển của nền văn minh loài người được đánh dấu bằng bước chuyển tiếp từ thời đồ đá sang đồ đồng.

Nói đến kim loại trong nghệ thuật điêu khắc, thường chúng ta đều nghĩ đến đồng là chính vì đồng là kim loại màu đỏ (kim loại vụn màu hồng), dễ rèn, dễ dát mỏng, dẫn điện và dẫn nhiệt tốt. Hợp kim của đồng với kẽm (tới 50% kẽm) thường có thêm Al, Sn, Fe, Mn, Ni, Si, Pb v.v... (tổng cộng đến 10%) để làm đồng thau. Từ trước Công nguyên đến cuối thế kỉ thứ XVIII, đồng thau được luyện bằng cách đun nóng chảy đồng với quặng kẽm và than gỗ. Đến thế kỉ XIX người ta mới biết luyện đồng thau bằng cách đun nóng chảy trực tiếp đồng với kẽm. Đồng thau dẻo, dễ gia công, có nhiều tính chất quý, màu sắc đẹp nên thường được dùng làm đồ mỹ nghệ và tượng, nhất là thêm kẽm từ 30% đến 40%, màu chuyển từ đỏ sang hồng rồi sang vàng. Những tượng bằng đồng chúng ta nhìn thấy rất nhiều ở trên thế giới. Nhờ có đồng mà người ta có thể làm những tượng rất chông chênh như tượng *Pi-e đại đế* ở Leningrat. Toàn bộ người cưỡi ngựa chỉ dựa vào hai chân sau và cái đuôi làm điểm đỡ cả một khối tượng khổng lồ. Còn ở Việt Nam chúng ta có pho tượng đồng lớn đặt trong đền Quán Thánh đã có cách đây mấy trăm năm và pho tượng Phật ở chùa Ngũ Xã đúc năm 1951. Gần đây nhất có pho tượng Trần Hưng Đạo ở Nam Định, tượng Lê Chân ở Hải Phòng, *Tượng đài Chiến thắng Điện Biên Phủ* (tháng 5 năm 2004) ở Điện Biên Phủ.

Ngoài chất liệu đồng thì có một số chất liệu khác như gang (tượng *Chân dung công nhân* của Nguyễn Thị Kim), hay tượng *Công binh cắt dây thép gai* bằng nhôm của Trịnh Dân đặt tại Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam.

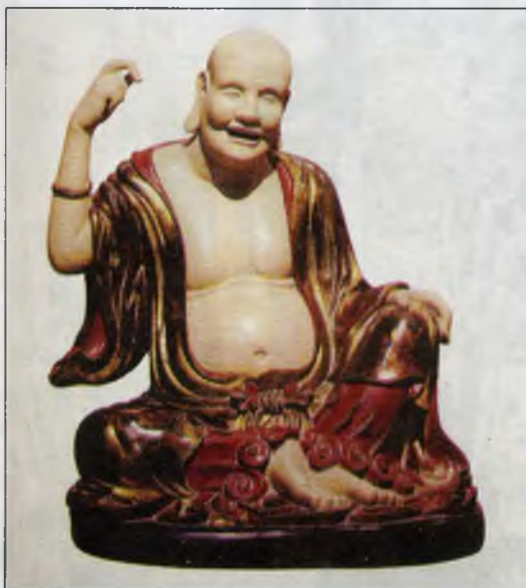
Gần đây nhất, sự phát triển của trường phái Trừu tượng đã đưa một số nhà điêu khắc sử dụng sắt để hàn, tạo thành tác phẩm như tượng *Không gian hồi tưởng* của Trần Hoàng Cơ, tượng của Đào Châu Hải...

*Công binh
cắt dây thép gai
(Nhôm đúc)
của Trịnh Dân*



4.4. Gỗ

So với hai loại chất liệu đá và đồng thì gỗ không thể bền bằng nhưng lại là vật liệu thông dụng ở Việt Nam. Do điều kiện thiên nhiên, gỗ rất sẵn, nhất là gỗ mít, loại gỗ chuyên làm tượng. Gỗ mít có ưu điểm là ít bị nứt, không bị mối mọt, hơn nữa lại thích hợp với sơn ta.



*Phật Đà nan đê (Gỗ sơn)
ở chùa Tây Phương*

Trong những ngôi chùa hoặc đình ở Việt Nam, những đồ thờ, tượng thờ hầu hết được chế tác bằng gỗ và sau đó được bó sơn để che lấp những phần gỗ ghép và phủ sơn hoặc bạc lá. Những tượng gỗ trong chùa Tây Phương là tiêu biểu vì ở đó hầu hết là tượng lớn như Bát bộ kim cương cao gần 3m, còn những vị La Hán cao đến gần 2m, đây là chưa kể đến những chạm trổ tinh vi.

Tượng gỗ trong những nhà mồ ở Tây Nguyên thì lại rất đặc biệt.

Vẻ đẹp trong tạo hình bằng những khối khác hẳn với tượng ở trong các chùa. Tượng gỗ Tây Nguyên giữ được những nét đẽo bằng rìu rất thô sơ nhưng lại thật tình cảm. Dưới bàn tay và những ý nghĩ mộc mạc của người Tây Nguyên, gỗ đã hoá thân vào trong buôn làng bằng những trang trí trên các nhà Rông. Nhưng đẹp nhất vẫn là sự hoá thân của gỗ trong những nhà mồ như ở làng ĐeBrangBrul thuộc đồng bào Bân. Hay như tượng *Người cầm dao*, cao 0m40 của đồng bào Gia-Rai (hiện đang lưu tại Bảo tàng Mĩ thuật) là một trong hàng vạn tác phẩm còn được lưu giữ trên vùng đất cao nguyên đầy gió và nắng.

Tượng nhà mồ Tây Nguyên





*Mặt nạ châu Phi
(Gỗ)*

*Giữ yên bản làng (Gỗ)
của Nguyễn Thị Hiền*

4.5. Thạch cao

Thạch cao được khai thác ở trong các mỏ dưới dạng cục. Để tạo ra thạch cao bột dùng trong điêu khắc hoặc bó bột cho những người bị gãy tay hoặc chân v.v..., người ta phải đem xay hoặc nghiền thành bột và đem rang qua lửa cho khô hết nước, đến khi dùng người ta pha thạch cao bột với một tỉ lệ nước nhất định, qua quá trình phản ứng, thạch cao dần dần đông cứng và trở thành dạng cục, nhưng không còn cứng chắc như lúc đầu. Sau khi nặn tượng bằng đất, người ta phủ thạch cao lên tượng gọi là đổ khuôn, khi moi hết đất ở bên trong sẽ được một cái khuôn của tượng hay còn gọi là bản âm. Khi có khuôn bản âm ta chỉ việc pha thạch cao đổ vào khuôn, sau đó gỡ khuôn ra ta có một pho tượng giống hệt như bản nặn đất. Đây là một cách làm để giữ bản mẫu tượng đất lâu dài hoặc để chuyển sang làm khuôn mẫu đúc đồng hay đục đá v.v...

Do sự phát triển của công nghệ vật liệu, khuôn thạch cao được ứng dụng vào việc thực thi cả những công trình điêu khắc lớn cao vài chục mét. Phương pháp làm như trên gồm các khâu: nặn đất mẫu - đổ khuôn thạch cao - lắp ráp khuôn thành hình và dựng lõi thép đúc bê tông như dạng đổ cột trong xây dựng.



Đổ khuôn Thạch cao



*Chiến sĩ đồng bằng (Đồng)
của Nguyễn Kim Giao*



*Vân đại
của Lê Công Thành*

Thạch cao còn góp phần vào việc phục chế các công trình văn hoá hoặc làm các phiên bản để lưu giữ, nghiên cứu về kĩ thuật. Ngoài ra còn được dùng để làm những sản phẩm mỹ nghệ sản xuất được hàng loạt, đảm bảo nhanh, rẻ, chính xác. Dùng thạch cao làm vật liệu sáng tác, người sáng tác có thuận lợi là có thể tu sửa, gọt rũa hoặc tạo cho khối nơ, căng trên thạch cao mà không phải bảo quản tượng bằng đất. Thí dụ như tượng *Vân đại* của Lê Công Thành, *Chiến sĩ đồng bằng* của Kim Giao.

4.6. Ngoài những chất liệu truyền thống như đã nêu ở trên thì sự phát triển các loại hình mới lạ đã tạo ra một loạt các chất liệu khác như nhựa tổng hợp, thuỷ tinh, tre, giấy, bìa, đồ đồng dát, rác thải. Tất cả đều là nguyên liệu để tạo ra những tác phẩm điêu khắc. Có điều những vật liệu trên có phù hợp với nội dung và hình thức thể hiện hay không? Có thích hợp với môi trường và tâm lí tình cảm của công chúng yêu nghệ thuật hay không?



Lời của biển
(Thép) của Phạm Ngọc Lâm



Đồng ca
(Composit và tre) của Trần Đức Quý

Cách mạng khoa học kĩ thuật và công nghệ mang lại biết bao lợi ích vật chất thì đồng thời cũng để lại hậu quả của việc phá hoại môi trường, làm mất cân bằng sinh thái trong tự nhiên. Cuộc sống công nghiệp xã hội căng thẳng,

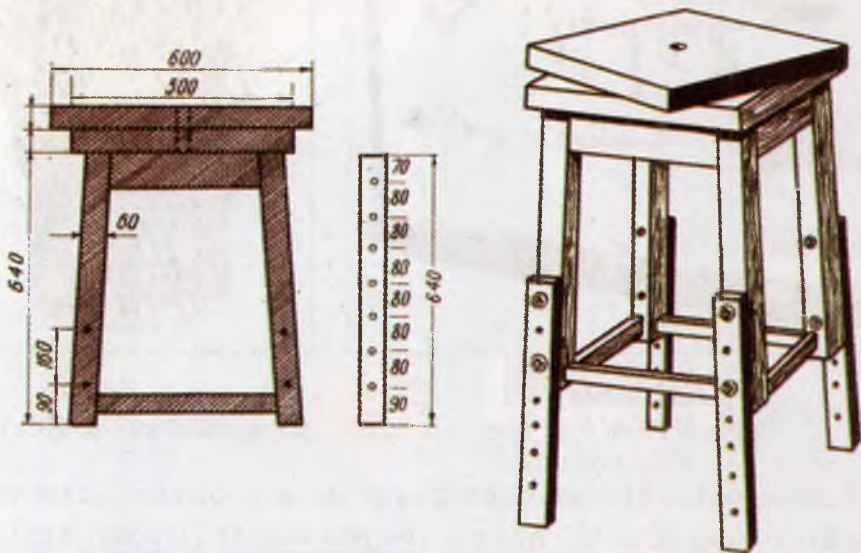
nhiều loạn mà hội họa và điêu khắc thuần túy không chuyển tải nổi. Mặt khác nó đòi hỏi phải được miêu tả với không gian và thời gian rộng hơn, với những điều kiện phong phú như dàn dựng, lắp ghép, hành động, biểu hiện, âm thanh, ánh sáng, mới nói hết được suy nghĩ, giải toả nỗi bức xúc của người nghệ sĩ và nhanh chóng chuyển thành những thông điệp của nghệ sĩ với người xem phù hợp với sự phát triển của điện tử và tin học. Nghệ thuật sắp đặt ra đời!

5. Đồ dùng trong học tập và sáng tác điêu khắc

5.1. Bàn nặn 1

Đó là loại bàn xoay bằng gỗ hay bằng sắt (nếu làm bằng sắt thì có thể nâng độ cao thấp thích hợp với tầm cao của từng người làm việc), có thể xoay tròn theo chiều kim đồng hồ hoặc ngược lại. Bàn xoay có nhiều kích cỡ khác nhau, nhưng luôn đảm bảo một khối lượng đất mà bàn xoay tải nổi và có thể xoay đi xoay lại dễ dàng.

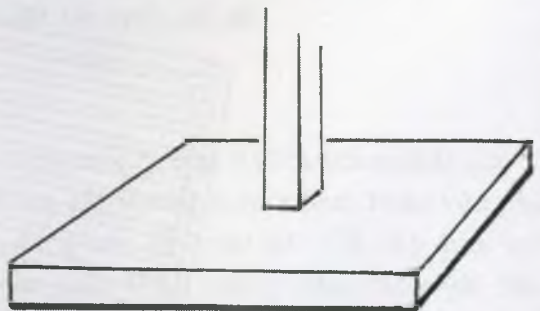
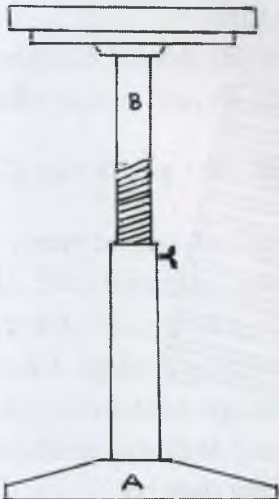
Mục đích của việc dùng bàn xoay là để giúp cho người ta nhìn ngắm, kiểm tra được nhiều chiều. Bởi khi nặn, tác giả thường đứng định vị ở vị trí thuận tiện để lấy ánh sáng một phía ổn định nhằm chỉnh các hình và khối cho liên hoàn, đảm bảo bố cục đẹp.



Giá nặn



- Bàn xoay nặn tượng bằng gỗ thường làm 4 chân, cao từ 0,70m đến 1m, chiều rộng trên mặt bàn xoay là 0,50m x 0,50m. Kết cấu bàn xoay gồm có chân bàn xoay và mặt bàn xoay. Mặt bàn xoay đặt trên bàn xoay phải có trụ hoặc vòng bi để xoay được.
- Bàn xoay bằng sắt thì chỉ cần một trụ đã ren ở trong ống cao 0m30 có ϕ là 4cm đến 5cm, dưới có chân đế bằng gang hoặc sắt nặng để đỡ và chống lật (A), trụ cao 1m, phía trên là một bàn xoay bằng sắt có ϕ lọt khít vào ống trụ, đồng thời tạo ren (B) để có thể nâng lên hạ xuống và xoay dễ dàng.



Đi đôi với bàn xoay bao giờ cũng có tấm gỗ dày 5cm có kích thước tương đương với chiều rộng của mặt bàn và đặt lên chính bàn xoay đó. Tác dụng của tấm gỗ này là để làm cốt tượng cũng như khi nặn tượng không ảnh hưởng tới mặt bàn xoay nhằm sử dụng được lâu dài.

5.2. Bàn nặn 2

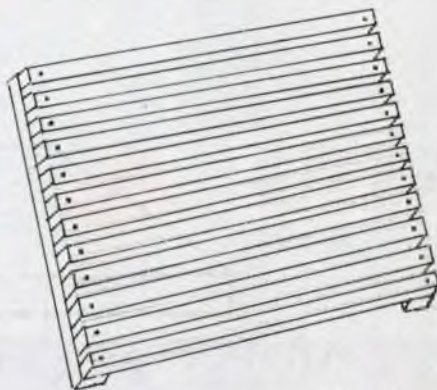
5.2.1. Làm tượng

Bàn bằng gỗ, nếu để nặn chân dung thì kích thước là 0,40m x 0,40m, dày 5cm, còn nếu để nặn tượng nói chung thì tùy theo bố cục tượng mà cần bàn nặn to hoặc nhỏ. Bàn nặn còn phải phù hợp với giá nặn thì tượng đất mới không bị lật. Bàn nặn để đặt cốt tượng và đặt đất nặn nên không thể làm vướng tầm với khi nặn tượng, nhất là phải quay thường xuyên. Tượng càng to thì bàn nặn phải dày để đóng đinh giữ được cốt tượng.

5.2.2. Làm chạm nổi

Bảng để nặn chạm nổi được làm bằng những thanh gỗ có bản rộng từ 3cm, dày 2cm được ghép thành hàng ngang, mỗi thanh cách nhau chừng 1 đến 1,5cm. Kẽ hở này nhằm mục đích giữ cho đất kẹt lại tạo độ bám đất vào mặt bảng nặn.

Thường bảng nặn ở các trường sư phạm dùng để chép phù điêu hoặc sáng tác nên hình của nó không lớn, kích thước là 0,40m x 0,60m. Nếu bảng nặn là những tấm ván ghép liền khít để vừa nặn chân dung, vừa làm chạm nổi thì chỉ khi dùng chép hoặc nặn những phù điêu nhỏ.



Bảng gỗ làm chạm nổi

5.3. Cốt nặn tượng

5.3.1. Nặn chân dung hoặc bán thân

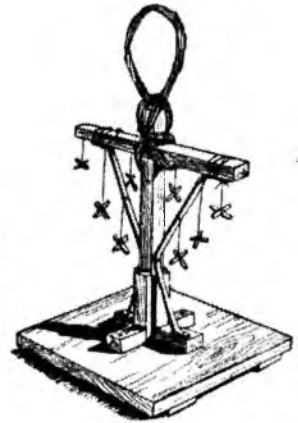
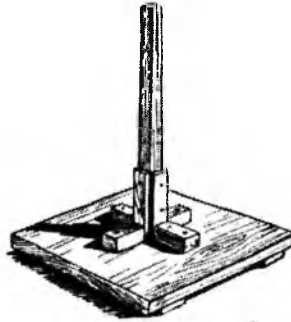
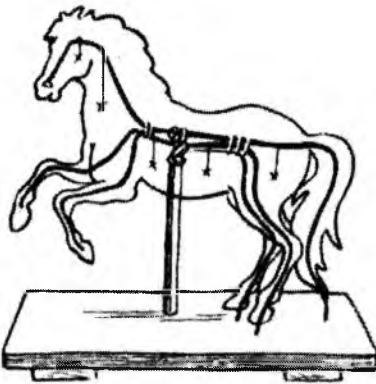
Muốn nặn được tượng đất mà không bị sụt thì phải có cốt. Cốt có thể bằng gỗ hay bằng sắt nhưng phải làm thế nào cho đất bám vào và giữ yên ở vị trí có kích thước định nặn. Nếu để nặn chân dung thì người ta dùng bàn nặn, đóng lên trên mặt bàn một cột gỗ có hình vuông, cao 40cm (thường gần với kích thước mẫu đặt), mỗi cạnh của cột gỗ có kích thước 4cm x 4cm. Dưới chân cột gỗ, phần tiếp nối với bàn nặn đóng tiếp 4 kệ gỗ, vừa đỡ cột gỗ đứng thẳng đồng thời chống lật sang 4 phía (xem hình vẽ).

Cốt nặn tượng

II. Chân dung

III. Bán thân

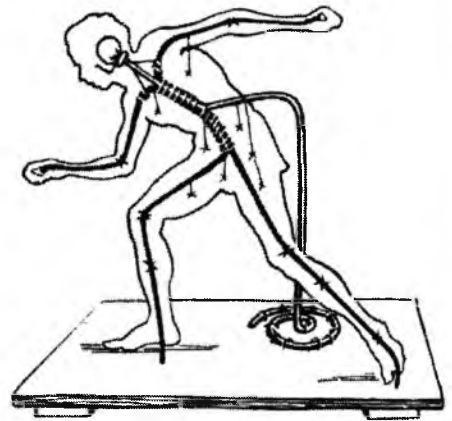
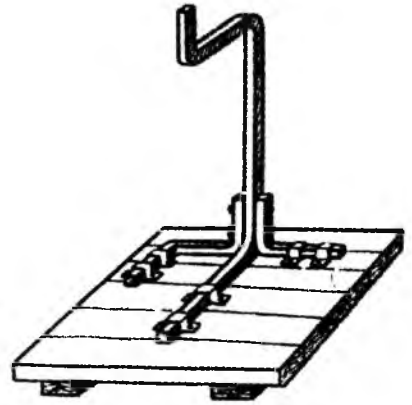
I. Ngựa



Nếu là mẫu có hai vai thì cột gỗ phải có một thanh ngang đặt dưới tâm vai so với mẫu chừng 5cm để còn đắp đất lên trên cột gỗ.

5.3.2. Cốt nặn tượng toàn thân

Dù làm tượng to, cao 2m hay làm tượng nhỏ chừng 0,20m cũng phải làm cốt bằng sắt. Nếu tượng to người ta dùng sắt vuông 5cm x 5cm hoặc vừa phải thì dùng $\phi 20$, tượng nhỏ nữa thì dùng sắt $\phi 6$ hoặc $\phi 4$. Cốt sắt được uốn thành chữ L nhằm mục đích giữ cho toàn thân tượng đứng được với dáng định làm. Nếu tượng người đứng, phía trên của cốt bao giờ cũng phải đỡ đúng vào điểm sau thắt lưng (xem hình vẽ).



Ứng dụng cốt tượng

Trên cơ sở của cốt sắt để giữ ổn định cho bộ khung người bằng sắt (tượng to), bằng dây thép (tượng nhỏ), chúng ta có thể bẻ dáng của tượng thoải mái. Phía dưới cốt ta có thể uốn thành hình tam giác làm bộ đỡ hoặc hàn chân đỡ rồi đặt lên mặt bàn nện và tìm cách đóng giữ chặt vào bàn nện phần đế tam giác. Trong quá trình làm tượng, đế sẽ là bộ đất của tượng, đồng thời giữ cho tượng không bị lật.

5.4. Ni lông ú tượng

Nếu tượng nhỏ như chân dung thì chỉ cần những túi ni lông úp chụp kín là được và buộc chặt ôm lấy bộ tượng. Nếu làm tượng to thì phải dùng ni lông khổ dài và quấn quanh tượng từ trên đỉnh đầu đến chân tượng. Ni lông giữ

kín nhằm không cho tượng bị tác động của thời tiết, nước ở trong đất không bị bốc hơi và do đó tượng luôn luôn ở một độ ẩm nhất định, vừa dễ nặn lại không bị nứt nẻ. Không có ni lông ủ tượng thì chỉ trong một thời gian ngắn để không vài tiếng đồng hồ, đất của lớp bề mặt tượng sẽ bị cứng, khi làm ta không chủ động nạo hoặc đắp được vì bên ngoài thì cứng do bị khô, bên trong đất vẫn còn ướt, trong quá trình va đập hình khối của tượng sẽ bị méo. Tuy vậy, khi ta làm việc liên tục, tượng được mở ra mà vẫn không bị cứng vì thường xuyên ta đắp lên tượng một lượng đất ẩm nhất định, và đôi lúc ta phải phun nước nhẹ lên tượng để giữ được độ ẩm thường xuyên.

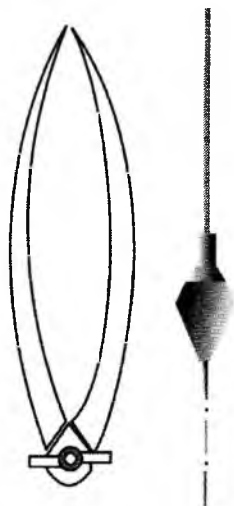


5.5. Dụng cụ nặn tượng

5.5.1. Compa

Về cơ bản giống như compa thường dùng, nhưng hình compa để ứng dụng do tượng là hình bầu dục (xem hình vẽ).

Compa có thể làm bằng sắt hay bằng gỗ, tác dụng của nó là để đo kích thước từ mẫu tượng thật sang bài nặn đang làm. Compa có thể giúp đo được khối hoặc phóng to hay thu nhỏ theo quy định của khối đó. Dù khối đó có đa hình chẳng nữa thì compa vẫn ứng dụng tốt. Compa giúp cho người mới nặn kiểm tra được ước lượng bằng mắt khi so sánh giữa khối này với khối kia hay giữa vật này với vật khác. Công dụng của compa dùng cho điêu khắc giống như que đo dùng cho hội họa, chỉ khác là compa thì đo trực tiếp vào mẫu, còn que đo thì gián tiếp.



5.5.2. Dây dọi

Như ta biết, khi xây nhà, người thợ xây luôn phải dùng thẳng bằng nước và dây dọi. Mục đích của dây dọi là để kiểm tra xem cột thẳng hay nghiêng. Nặn tượng cũng vậy, nếu không có dây dọi thì ta không biết độ nghiêng của

tượng ở mức nào, nhất là lại phải dọi cả ba chiều tuy chỉ có một điểm. Dây dọi được kết hợp sử dụng với compa là hai phương tiện chủ yếu giúp người nặn xác định được hình khối khi nặn, xác định được độ cao thấp và lồi, lõm của vật mẫu, hoặc sự nghiêng ngả của nhiều chiều mà vẫn hợp lí cũng như cấu trúc của vật thể.

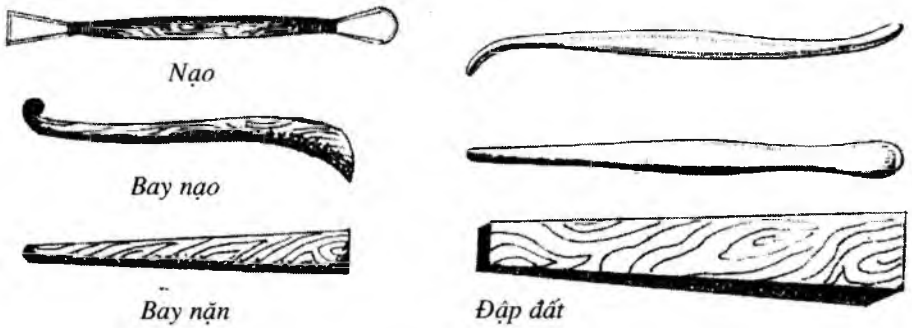
5.5.3. Dao nặn

Thông thường có bốn loại với các hình dạng khác nhau, dài 20cm, làm bằng gỗ hoặc kim loại như đồng, inóc (vật liệu không bị gỉ). Dù gỗ hay kim loại cũng cần làm cho dụng cụ có độ nhẵn bóng để khi nặn có thể tạo khối trên đất được nhẵn, mịn và diễn tả được chất cứng hay mềm của khối, đồng thời đất cũng không thể dính vào dao nặn.

Dao nặn có nhiều hình khác nhau và mỗi đầu có một tác dụng riêng, quá trình làm việc dần dần sẽ tạo cho người nặn một thói quen ứng dụng vào những chỗ khác nhau khi cần tới công cụ.

5.5.4. Nạo

Đó là một công cụ cán bằng gỗ, hai đầu là sợi đồng hoặc inóc được đập bẹp đi một chút và dũa cạnh cho sắc được buộc vào hai đầu của cán gỗ (xem hình vẽ)



Nạo có thể có nhiều loại to bé khác nhau hoặc hình hai đầu cũng có thể khác nhau như một bên có răng cưa, một bên là mặt phẳng. Bên có răng cưa nạo đất đi được nhiều hơn và ít bị lẹm khối. Đôi khi người ta còn dùng nạo để diễn tả khối như dùng bay nặn.

5.5.5. Dùi nện đất

Dài chừng 30cm, làm theo khối hình thang, một đầu to, một đầu nhỏ. Cạnh của đầu to là 6cm x 4cm, cạnh của đầu nhỏ là 2cm x 3cm, được làm bằng các loại gỗ tốt để sử dụng khi lên tượng đất. Vì mỗi lần đắp đất lên tượng xong thì phải dùng dùi nện đất đập vào chỗ đất vừa đắp để cho đất mới và đất cũ liên kết bám chặt vào cốt.

Lưu ý : Dụng cụ nặn là cần thiết, nhưng trong khi nặn phải hết sức linh hoạt, có khi dùng tay nặn để diễn tả chỗ cứng, chỗ mềm hoặc những vết tay nặn là biểu hiện sự rung động của người nặn. Nhưng có vị trí tay không thể làm được thì phải nhờ dụng cụ. Sự kết hợp giữa tay và dụng cụ là điều cần thiết, tuy vậy dù dùng tay hay dụng cụ thì vẫn rất cần đến tư duy và xúc cảm của người nặn.



Bài nặn chân dung bằng đất.

6. Phương pháp tiến hành một bài điêu khắc

Bước 1 - Đặt mẫu

Khi tiến hành bài tập trước tiên phải có mẫu để làm đề bài. Mẫu có thể là các khối, hoặc tượng, hoặc người thật. Căn cứ vào mẫu, người nặn phải có đầy đủ các dụng cụ làm việc như compa, dây dọi, dao, nạo v.v.... Chuẩn bị bàn nặn, cốt tượng và chọn vị trí thích hợp như khoảng cách đứng cách xa mẫu hay độ sáng của cửa hoặc ánh đèn v.v... Đặt mẫu hay chọn mẫu để đặt

vì những vật, hình người đẹp dễ gây xúc động và ham thích cho người nặn. Ngay cả những bài sáng tác cũng vậy, đề bài giúp người ta hứng thú và như thế mới có thể nặn hay và đẹp được.



*Cháu Phương Anh
(Thạch cao) của Nguyễn Thị Hiền*

Bước 2 - Quan sát, nhận xét mẫu

Sau khi chuẩn bị vật liệu, dụng cụ và trước khi bắt tay vào nặn tượng, phải quan sát và nhận xét về hình khối cụ thể của mẫu nặn dù đó là hình khối kĩ hà hay như đầu tượng thạch cao. Dù đơn giản hay phức tạp, việc quan sát nhập tâm là rất quan trọng.

Phương pháp quan sát là phải định hình vật mẫu, ví dụ như các khối kĩ hà, việc đầu tiên là phân biệt các khối vuông, tròn, trụ, ống v.v... và tỉ lệ của những vật đó tương quan với nhau. Tự đánh giá xem khối tích của vật nào lớn nhất, vật nào nhỏ nhất. Nếu không ước lượng bằng mắt được thì dùng compa đo từng mẫu và so sánh để có kết quả. Hoặc giả nặn hoa quả thì phải

xác định hình khối quả đó giống vật gì theo sự liên tưởng của mình. Nhờ sự liên tưởng để gây ấn tượng ban đầu mà chúng ta sẽ quy nạp các hình đa khối vào hình khối kỉ hà, nghĩa là quy từ hình phức tạp trở về hình đơn giản. Nếu như nặn chân dung, dù người thật hay mẫu thạch cao thì cũng phải nhận xét ngay đặc điểm của mẫu như mặt vuông hay trái xoan, tóc dài hay tóc ngắn v.v... , rồi đến những chi tiết mắt to hay tí hí, mũi thẳng hay tẹt, miệng rộng hay nhỏ, cằm nhọn hay đầy v.v... Từ tổng thể đến chi tiết, nhận xét như vậy xong ta có thể định hình và quy nạp những hình đó trong trí nhớ. Sau khi đã có nhận xét về mẫu, cần đo, dọi kiểm tra các hướng trục của mẫu.

Nếu quan sát tốt và quy nạp được hình khối thì sẽ làm việc nhanh và kết quả, không bị lúng túng. Không quan sát kĩ, không nhìn tổng quát thì được phía trước lại hỏng phía sau hoặc đằng trước hỏng, nhìn nghiêng lại vênh, và cứ thế bài nặn không biết lúc nào kết thúc được.

Chúng ta hãy chú ý 3 loại quả dưới có đặc điểm gì để nhìn vào mà nhận được quả cà chua, quả lê và quả bí ngô?



Bước 3 - Lên đất

Sau khi có mẫu và làm cốt giữ đất, có những nhận xét qua kiểm tra bằng đo và dọi. Trước khi lên đất phải tưới một chút nước lên cốt tượng nhằm giữ cho đất gắn chặt với cốt.

Bước đầu nhìn tổng thể rồi lên theo khối lớn, ví dụ như hình vuông thì phải làm một khối đất, sau đó dùng que đo mỗi cạnh để đắp hoặc gọt đi. Hoặc làm khối trụ, lục lăng hay tròn thì cũng phải làm trụ vuông trước, sau đó lấy hình lục lăng hay tròn mà cắt gọt hoặc đắp thêm. Nếu như nặn đầu người thì phải lên thành hình quả trứng và dần dần vào chi tiết, đó là khối lớn nhất. Sau đó từ khối lớn nhất sang khối trung bình rồi đến khối nhỏ.

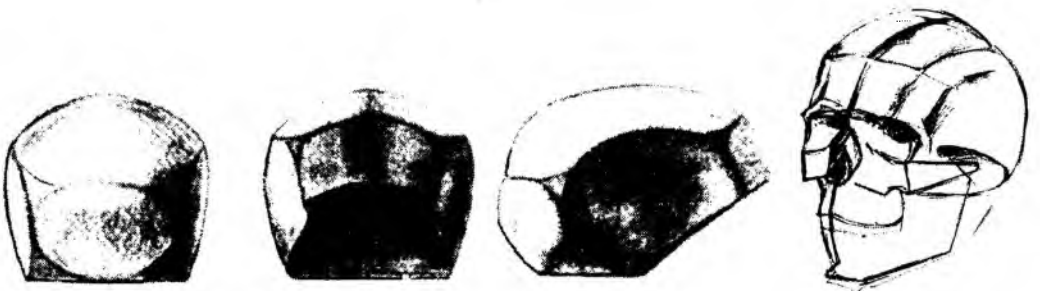
Quá trình lên đất phải nặn từ từ, làm dần từ nhỏ đến lớn, từ đơn giản đến phức tạp. Không nên nặn ô ạt dễ bị sụt vì đất bên trong và bên ngoài độ dẻo như nhau, mà độ bám ở trong chưa ổn định, lớp đất ngoài bám vào sẽ bị nặng, do đó gây sụt tượng.



Bài tập phương pháp nặn tượng chân dung

Bước 4 - Phác hình và tiếp tục lên khối cụ thể

Qua ba bước trên, khi khối lớn đã được kiểm tra bằng compa và dây dọi, nghĩa là tỉ lệ cao thấp đã chính xác bằng mẫu hoặc thu nhỏ hay phóng to theo quy định thì đồng thời phải dọi các phía xem độ nghiêng của tượng đất đã giống như độ nghiêng của tượng mẫu chưa, những cấu trúc của khối có chạy liên tục hoặc liền mạch chưa. Ví dụ như tai của chân dung có cân và thông từ phía trái hay phía phải, hoặc như đuôi mắt của bên này phải có độ nổi bằng đuôi mắt của bên kia, cũng như gò má không thể bên cao bên thấp được. Bước này là hình thức biểu hiện của khối nằm trong khối, ví dụ như quả đu đủ, tạo hình là những khối bán cầu nhỏ nằm ôm lấy hình trụ mà lại có một đầu to một đầu nhỏ. Trước khi tìm hiểu những khối nhỏ trên khối lớn, ta có thể vẽ những hình trên khối lớn và căn cứ vào những hình vẽ để định vị những khối nhỏ, nhất là trong phù điêu thì rất cần và còn phải chính xác. Vì vậy người làm điêu khắc trước tiên phải biết vẽ là thế.



Bước 5. Hoàn chỉnh khối theo mẫu

Nặn tượng thì chỉ nói đến hình và khối. Hình là đường nét mà mắt ta nhìn thấy trên mẫu, khối, không những nhìn thấy mà còn phải cảm thấy. Khi đã có khối lớn, cần kiểm tra thông qua nhận xét ban đầu đã gây ấn tượng. Qua cảm xúc và quan sát, cần xem tượng đất của mình đã có đặc điểm của mẫu chưa, toàn bộ khối đã sát với thực tế mẫu chưa. Trong khi kiểm tra khối, nên dùng compa, que đo, mắt nhìn để kiểm tra tỉ lệ các bộ phận trên bài làm so với nguyên mẫu. Khi các khối đã chuẩn xác thì tiếp tục thực hiện các yêu cầu bài học đặt ra. Trong khi hoàn chỉnh khối nên chú ý điều chỉnh những mảng phẳng thành những mảng có độ lồi cao hơn và đi theo các đường lượn cong; cũng nên đơn giản một số chi tiết không cần thiết của mẫu với mục đích làm cho tượng đẹp và đúng mẫu.

Đây là giai đoạn hoàn chỉnh, vì vậy cần nhấn các độ cứng của xương đầu, tá chất mềm mại của tóc, nhấn mạnh và cường điệu đặc điểm của người mẫu, chỉnh lại các độ nông sâu của khối để hoàn thiện bài làm.

Các bước trên chủ yếu là giúp cho người mới học nặn không bị lúng túng khi thấy mẫu trước mắt mình. Do lúng túng nên không biết nên nặn cái gì trước, cái gì sau, cũng như phương pháp thực hiện nó. Còn với các nhà điêu khắc chuyên nghiệp, khi làm việc họ lấy cảm xúc làm đầu nên họ nặn theo cảm hứng và họ thích cái gì, mong muốn cái gì họ thể hiện ra luôn, không nhất thiết phải theo tuần tự như các bước trên.



Hoạ sĩ Hoàng Tích Chù
(Đồng) của Vương Học Báo

Bước 6 - Cách bảo quản tượng

Một bài điều khắc chúng ta có thể nặn một tuần hoặc thậm chí một vài tháng do không có điều kiện làm việc liên tục, vì vậy mà việc bảo quản tượng rất quan trọng. Mục đích bảo quản là giữ được độ ẩm cho tượng lúc nào đất cũng có độ dẻo nhất định của bề mặt tượng hay chạm nổi. Muốn vậy phải chú ý về thời tiết. Nếu hanh khô thì phải phun nước thường xuyên, nặn trong khoảng một tiếng lại phun một lần, phun nhẹ như mưa bụi là tốt nhất. Ngược lại, trời nồm ẩm ướt thì một ngày chỉ cần phun một lần. Trước khi phun phải miết kín những chỗ có vết nứt để nước không lọt vào bên trong. Nếu không làm việc nữa thì phun nước xong phải ủ ni lông thật kín để hạn chế sự bốc hơi của nước trên tượng, đảm bảo đất không bị khô và tượng đất luôn giữ được độ ẩm.



Âu yếm (Đồng chạm nổi) của Maillol

Chương 2

NẶN KHỐI CƠ BẢN VÀ QUẢ

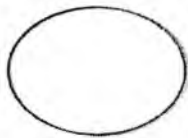
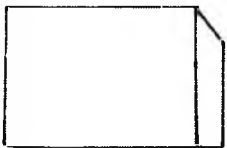
MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

- Giúp cho sinh viên hiểu được là điều khác bắt đầu làm quen bằng các hình khối, vì khối không phải chỉ có vuông như ta vẫn học thời phổ thông mà là khối tích nằm ở trong không gian với các hình dạng khác nhau của cảnh vật tự nhiên.
- Giúp cho sinh viên có nhận thức trong học tập để ứng dụng trong các bài vẽ hình hoạ hay bài nặn tượng với nhiều hình phức tạp, đa dạng trên hình mẫu.
- Nắm được phương pháp nặn tượng từ đơn giản đến phức tạp và những nguyên tắc cơ bản khi làm cốt, lên đất cũng như hoàn thiện bài tập.
- Làm được 2 bài theo yêu cầu của chương trình.

NỘI DUNG BÀI GIẢNG

1. Khái niệm

Khối cơ bản là những khối đã được quy nạp và được đơn giản hoá từ những hình phức tạp và người ta đặt cho nó một cái tên gọi cũng như mô phỏng để dễ liên tưởng như trời tròn, đất vuông hay nửa hình tròn mà ta gọi là “bán



nguyệt” v.v... Cách quy nạp đó giúp người ta biết dùng hình vuông, chữ nhật, tròn, tam giác, lục giác, hình thang, hình thoi v.v... được chia từ hình đa giác để tìm diện tích. Đó là cách làm của Toán học. Trong giảng dạy điều khác hay hội họa, người ta cũng cần dùng những hình khối cơ bản giúp sinh viên nhận biết và tìm cách đơn giản hình khối phức tạp để ứng dụng vào trong bài tập.

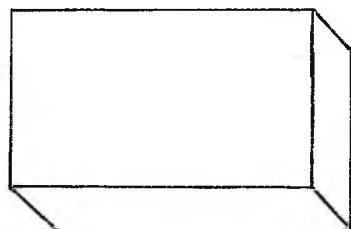
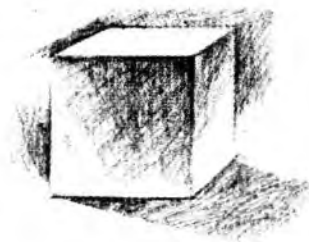
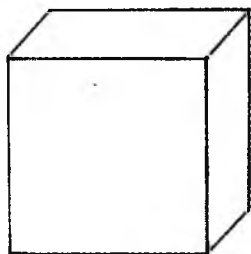
2. Giới thiệu hình khối cơ bản

Trong thế giới tự nhiên, mọi vật đều có hình khối và rất đa dạng, không thể đặt tên hay gọi một cách cụ thể là A hay B. Nhưng trong thực tế, cấu trúc của hình khối đa dạng ấy vốn có các hình cụ thể được xếp cạnh nhau, nếu như chúng ta nhìn ra nó và gọi đúng tên của nó thì đó là những hình khối cơ bản.

2.1. Khối lập phương (Hay còn gọi là khối vuông, hình hộp)

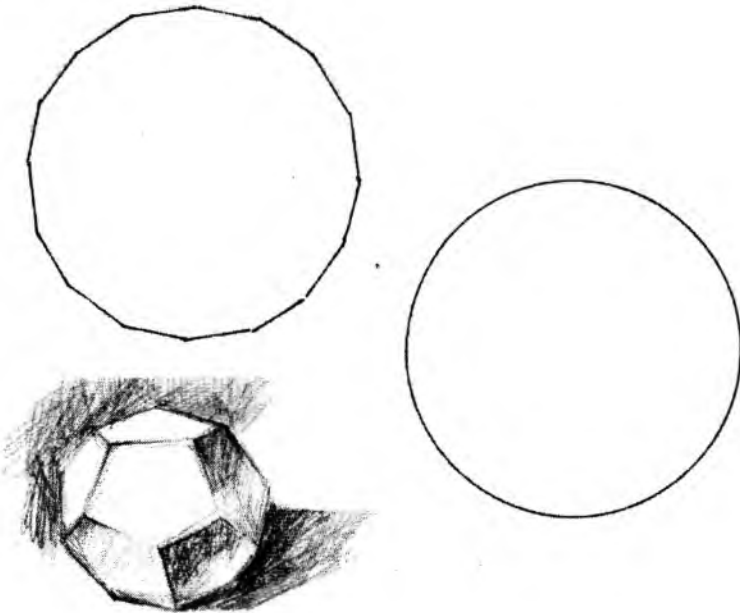
Đây là một khối có 6 mặt vuông tạo dựng, khép kín trong một khối mà mỗi mặt đều có diện tích bằng nhau. Về tạo hình, khối lập phương có các góc nhọn, hướng về bốn phía. Nhờ có góc nhọn và các cạnh nên khi nhìn vào hình khối nở thẳng sẽ có cảm giác khoẻ và chắc chắn. Cũng trên khối lập phương đó, nếu nặn các cạnh sắc và thật ke sẽ tạo được sự vuông vức, chuẩn xác của hình học, gây được cảm giác vững chắc, khi tiếp nhận ánh sáng từ một phía chiếu rọi vào bề mặt nào đó của nó thì sự phân chia thành hai mảng tối sáng bao giờ cũng có ranh giới rõ ràng, dứt khoát.

Khối lập phương giúp ta liên tưởng đến khối chữ nhật vì nó đồng dạng. Đây là một hình khối đơn giản, cho ta cảm giác thực của ba bề bốn bên. Nó cụ thể hoá không gian ba chiều một cách rõ nét nhất, dễ nặn nhất.



2.2. Khối cầu (Hay còn gọi là khối tròn)

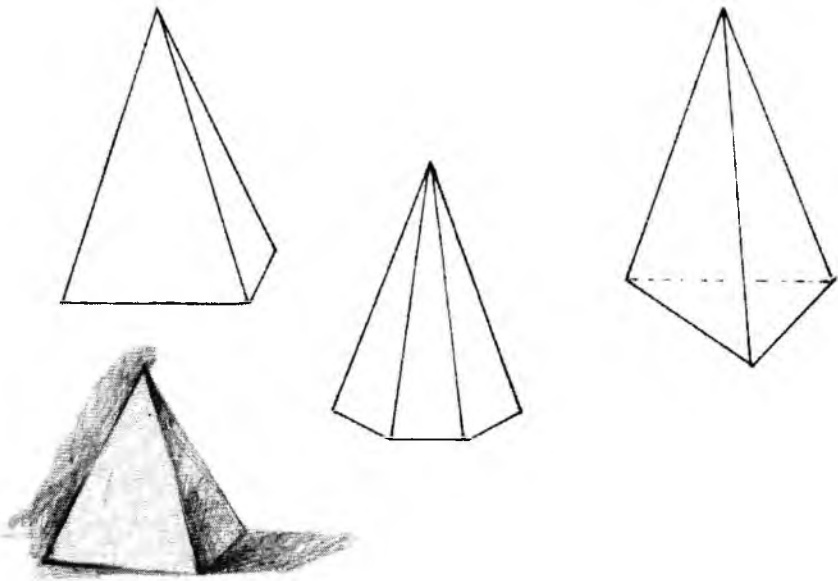
Nếu vẽ một hình tròn thì nét tròn đó là do nhiều đoạn thẳng được phân nhỏ ghép lại. Nhiều vòng tròn lồng vào nhau khấp khểnh thì tạo ra khối cầu. Hình khối cầu là hình khối hoàn chỉnh. Nó chỉ có một điểm tựa rất nhỏ để đứng yên trên mặt phẳng. Nó rất dễ chuyển động, chỉ cần tác động nhẹ là nó có thể di chuyển điểm tựa. Mặc dù vậy, ta nhìn ở bất cứ góc nào nó vẫn giữ nguyên khối tích và giống nhau như đúc. Nó không bị hướng nhìn làm biến dạng như khi ta nhìn các khối khác, vì thế khi ánh sáng chiếu vào thì giữa bên sáng và bên tối không có ranh giới thành một đường thẳng ngăn cách như khối lập phương, và khi chuyển từ mảng sáng sang mảng tối bao giờ cũng có độ trung gian. Kết thúc mảng đậm là một vệt sáng mờ chính là bóng phản quang. Nhờ có bóng phản quang mà mắt nhìn của chúng ta trên hình vẽ mặt phẳng biết được là hình vẽ khối tròn chứ không phải là hình tròn. Tuy vậy trên thực tế, khi nặn, vẽ các khối cầu đều không tròn như quả bóng mà đôi khi nó chuyển hoá gần như quả bưởi, quả cam v.v..., thì chúng ta phải hiểu gốc của nó vẫn là khối tròn và nguyên lí tạo dựng hình vẽ hay nặn khối vẫn là theo khối cầu.



2.3. Khối tam giác (Hay còn gọi là khối chóp)

Khối tam giác là do đáy của nó có hình tam giác. Khối tứ giác, ngũ giác, lục giác hay bát giác v.v... đều do đáy của nó mà quyết định tên gọi, nhưng chung quy là nó phải có chóp nhọn. Đặc điểm của khối tam giác hay khối chóp là đáy khối rất vững chãi, giúp cho khối không bị lật hay nghiêng được. Chính vì vậy mà Kim tự tháp Ai Cập được dựng theo kết cấu này đã gây cho ta ấn tượng của sự trường tồn.

Cũng như khối lập phương, nhờ có các cạnh mà khi ánh sáng chiếu vào một hướng cũng tạo ra sự phân chia thành các mảng sáng tối có ranh giới dứt khoát và rõ rệt. Tuy nhiên sáng tối biểu hiện theo đường chéo từ đỉnh góc xuống 1 góc cạnh đáy.



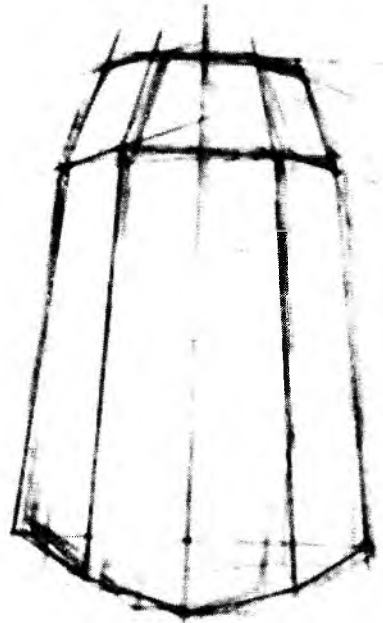
2.4. Khối trụ

Khối trụ là khối có hai đáy bằng nhau và có cùng một dạng. Ví dụ như trụ tròn thì hai đáy đều tròn, trụ lục lăng thì hai đáy đều có sáu cạnh và nối hai đáy là sáu hình chữ nhật được kéo dài theo trục đứng và cạnh ngắn có chiều dài bằng một trong sáu cạnh của hình lục lăng. Khối trụ có cảm giác vững chãi như khối lập phương và nhận được ánh sáng theo một chiều, đều cho kết quả sáng tối rõ nét.

3. Sự khác nhau và mối liên hệ giữa khối cơ bản và biến dạng

Khối cơ bản là khối cụ thể như vuông, tròn, chóp v.v..., có cấu trúc đơn giản, dễ phân tích, nằm trong một hình thái nhất định và có tên gọi. Còn khối biến dạng là hiện tượng khối nằm trong khối, không có tên gọi cụ thể mang tính hình học mà chỉ bằng cảm giác. Đó cũng chính là sự khác nhau và cũng là mối quan hệ giữa khối cơ bản và biến dạng. Các cụ ta đã có câu răn dạy: “Đẽo vuông rồi lại đẽo tròn mới nên”, nghĩa là trước khi đẽo trụ tròn phải có cây gỗ trụ vuông mới dễ làm và chuẩn xác.

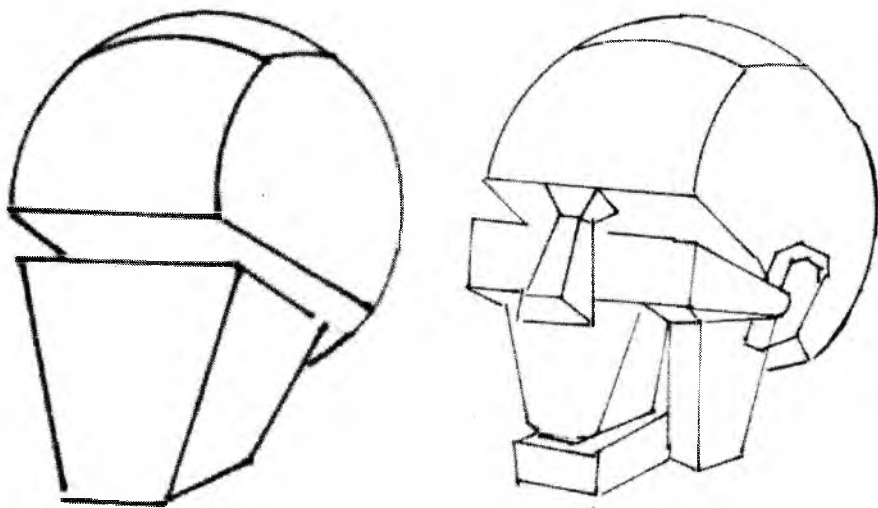
Khối nằm trong khối nhằm giúp chúng ta hiểu khi nặn tượng phải nhìn khối lớn trước. Khi khối lớn có các khối nhỏ ôm lấy hoặc nằm cạnh khối lớn, tạo cho ta hình dáng không còn nguyên bản mà tên nó được gọi. Ví dụ như quả đu đủ, ta chỉ còn cảm giác là khối trụ mà thôi. Việc biết quy nạp các khối phức tạp về các khối đơn giản của những người học nặn tượng là rất quan trọng. Nó giúp cho người nặn nhanh nhận biết đối tượng của mình là vật gì, gần với hình nào v.v..., từ đó thể hiện với các phía của không gian ba chiều để tạo ra sự vật cụ thể.



4. Vai trò của khối cơ bản trong điêu khắc

Cũng như trong hình hoạ, nếu như khối cơ bản giúp cho người vẽ biết được sáng tối để phân chia đậm nhạt, tạo cho vật mẫu trong không gian trên tranh được sinh động, thì đậm nhạt trên tượng lại chính nhờ vào việc biết xử lí những khối kỉ hà. Bốn khối cơ bản trên có thể ứng dụng vào mọi hoàn cảnh khi nặn tượng. Ví dụ khi nặn quả bí đao, ta liên tưởng đến hình trụ, nặn quả cà chua liên tưởng đến khối cầu và phức tạp hơn như nặn chân dung người thì ta thấy đầu người là hình quả trứng và liên tưởng đến hai hình tròn được lồng vào nhau. Chi tiết hơn là khối mắt tương ứng với khối cầu, mũi tương ứng với khối tam giác... Sự phối hợp giữa các khối ấy với nhau là rất quan trọng bởi nó góp phần tạo nên sự chuẩn xác cho tác phẩm.

Những khối cơ bản đã được quy nạp và định hình, nhờ vậy khi vẽ hay nặn ta dễ nhận được hình. Trước khi lên khối thì phải có hình. Hình khối là một cách nhìn thống nhất của điêu khắc vì trong hình có khối, trong khối có hình. Chạm nổi thì hình chính là những nét vẽ vật mẫu, còn khối là tả vật mẫu để tạo ra sự sáng tối, đậm nhạt hoặc chất của sự vật.



Trong tượng tròn thì hình là đường viền của vật mẫu chiếm trong không gian. Nhờ có khối mới nhìn ra hình, khi khối đủ độ căng, no thì sẽ tạo ra hình đẹp, chuẩn. Ví dụ như ta nặn khối vuông mà chỉ có 1 hình vuông, lại thiếu khối thì nó sẽ không còn là khối vuông nữa. Hoặc khối tròn cũng vậy, nặn được hình

tròn ở một phía, phía khác chưa đủ khối để tạo thành đường tròn thì khối tròn sẽ là khối méo. Vì vậy khi nặn luôn luôn phải chú ý đến ba chiều.

Tóm lại, khối cơ bản giúp cho người mới học nặn có phương pháp đơn giản hoá mẫu và biết quy nạp vào những hình cụ thể để dễ nhận hình khối, đồng thời biết cảm nhận độ đậm nhạt trên hình mẫu để có thể thưởng thức được những cái hay, cái đẹp trong các tác phẩm điêu khắc.

5. Chuẩn bị dụng cụ và vật liệu cho bài tập

5.1. Để làm một bài điêu khắc cần có các dụng cụ sau:

Nếu làm bài tượng tròn cần nhà trường cấp:

- 1 bàn xoay đặt mẫu;
- 1 bàn xoay cho người nặn;
- 1 bàn nặn;
- 1 cốt tượng;
- Túi ni-lông để ủ tượng;

Nếu làm bài chạm nổi cần nhà trường cấp:

- 1 bàn nặn chạm nổi 40cm x 80cm;
- 1 tấm ni-lông 60cm x 80cm;

5.2. Ngoài phần cung cấp của nhà trường, sinh viên phải tự làm lấy:

- Dùi nện đất;
- Nạo;
- Dao nặn;
- Compa;
- Dây dọi;
- Làm đất đủ độ dẻo, nhuyễn, không có sạn, đất chuẩn bị bằng khối tích bài mẫu.

Nên làm đất thành từng thỏi như viên gạch rồi dùng ni-lông bọc để giữ độ ẩm và dùng dây thép nhỏ cắt thành từng lát dày độ 2cm để đắp dần vào cốt tượng và dùng dùi nện cho chắc để đất bám vào cốt.

6. Bài tập nặn khối cơ bản

BÀI 1 - NẶN KHỐI VUÔNG, KHỐI TRÒN, KHỐI TRỤ ĐẶT CẠNH NHAU

(Kích thước bằng mẫu thật hoặc yêu cầu sinh viên thu nhỏ theo tỉ lệ 1/2 hay 2/3 mẫu bày để nặn)

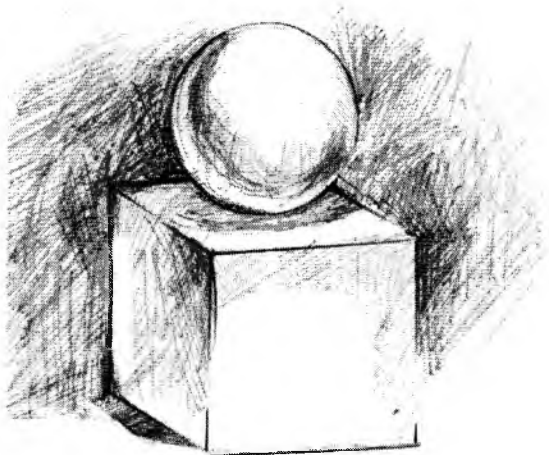
1. Đặt mẫu

Các khối mẫu bằng gỗ hay bằng thạch cao cần phải đồng màu, tốt nhất là màu trắng. Vì màu sáng tạo được sự ngăn cách giữa khoảng không với vật mẫu, thứ hai là ánh sáng chiếu vào thì các cạnh sáng và tối hiện ra rõ rệt.

Các mẫu được đặt cạnh nhau hoặc chồng lên nhau, như khối cầu hay khối trụ có thể đặt lên khối lập phương hoặc khối trụ có thể đặt nằm ngang v.v... Trình bày sao cho người nhìn ở các phía thấy có ý thức về bố cục.

Vật mẫu phải được bày trên bàn xoay với độ cao bằng bàn xoay của người nặn cũng như thích hợp với tầm nhìn và phù hợp với ánh sáng ở trong phòng.

Bày mẫu cho điều khác không giống với bày mẫu cho vẽ vì vẽ thì cần đặt ở một phía áp tường và người vẽ ngồi xung quanh, thậm chí ngược sáng vẫn là chỗ ngồi tốt để tập vẽ. Với bài nặn thì mẫu bao giờ cũng phải đặt ở giữa phòng để sinh viên đứng xung quanh. Nếu vật mẫu nhỏ thì chỉ nên 5, 6 người một mẫu, còn mẫu lớn như chân dung thì khoảng tối đa 10 người, vì tốt nhất là lấy vật mẫu nhân ba lần sẽ ra khoảng cách giữa mẫu và người nặn. Có

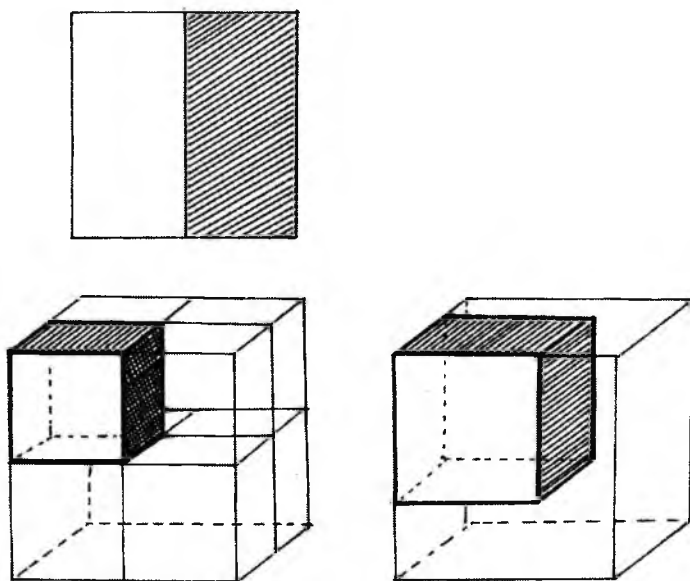


như vậy thì người nặn mới quan sát được hình, mảng, khối. Nếu xa quá thì việc phân biệt hình, mảng, khối bị nhòe, khó phân biệt và so sánh các khối nhỏ nằm trong khối lớn.

Sau khi bày mẫu xong, cứ khoảng 10 phút lại xoay mẫu một lần theo một hướng nhất định. Bài nặn của sinh viên phải xoay đồng chiều với mẫu để kiểm tra cùng với ánh sáng ở trong phòng cho cả mẫu và bài nặn. Ánh sáng trong phòng có thể là ánh sáng tự nhiên hay đèn đều được, nhưng tránh ánh sáng chiếu từ đỉnh đầu xuống.

*** Nặn mẫu bằng $2/3$ hay $1/2$**

Tùy từng điều kiện, từng nơi mà giảng viên ra đề bài nặn bằng mẫu thật hay theo tỉ lệ. Khi quý định tỉ lệ, nếu về hình thì $1/2$ tức là còn lại một nửa của hình vẽ. Nhưng quy định $1/2$ của khối thì nó chỉ còn lại $1/8$ (xem hình vẽ).



Biết được điều này để giảng viên hướng dẫn ước lượng từ vật mẫu đến sau khi thu nhỏ để ra đề bài phù hợp với nơi học và nhận thức của sinh viên.

Cách thu nhỏ của khối là bất cứ hướng nào, cạnh nào cũng đều phải rút đi chỉ còn $1/2$ hoặc $2/3$ và kiểm tra bằng cách lấy compa đo vào vật mẫu theo tỉ lệ được đánh dấu quy định và đối chiếu theo các hướng, các cạnh của bài nặn.

Với khối tròn, người ta lấy đường kính và chia theo tỉ lệ đã định $1/2$ hay $2/3$ để kiểm tra.

2. Cách sử dụng dụng cụ

2.1. *Compa*

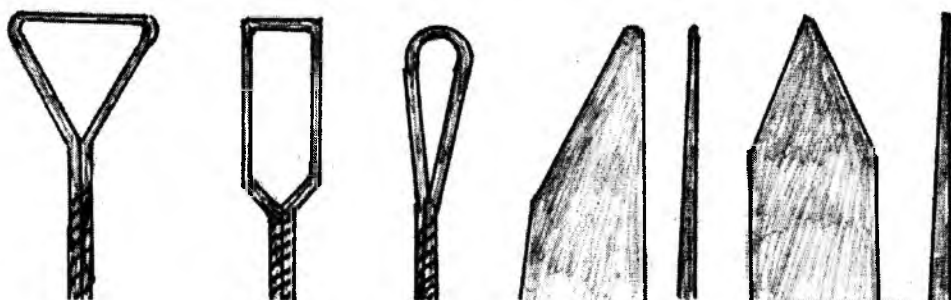
Khi cầm compa để đo, ta chú ý phải dựa vào hai điểm cố định, như khối vuông thì đo các điểm đầu của góc vì các góc còn lại là điểm để dọi. Với khối cầu thì cần đánh dấu vào hai điểm cao nhất của khối mỗi bên để dùng compa kẹp lại. Trường hợp compa nhỏ hơn khối cầu thì có thể chia chu vi của hình ra làm nhiều phần để đo. Khi kiểm tra khối cầu, ta chỉ cần đo vào đúng hai điểm cao nhất bất kì ở một góc nhìn nào cũng được. Nếu tất cả đều trùng khớp nhau thì yên tâm là khối cầu đó có độ chính xác cao của bài nặn đất.

2.2. *Dây dọi*

Dùng một sợi chỉ có một đầu buộc vào một cục đồng hoặc chì đủ nặng để kéo căng sợi chỉ nhằm xác định một đường thẳng đứng của một cạnh khối lập phương. Nhưng đặc biệt với khối chóp thì không thể không dùng dây dọi được vì để xác định được góc nhọn của khối chóp rơi vào điểm nào ở dưới đáy - nơi tiếp giáp với mặt bàn nặn là yếu tố đầu tiên định vị cho việc làm cốt. Vì cốt là một cây được đặt đúng tâm để đo ra các cạnh của đáy. Cũng từ các góc nhọn của đáy, nếu là khối tam giác hoặc góc tù của khối lục lăng, ta kéo một cạnh huyền lên đỉnh góc thì có thể nặn chính xác hình mẫu.

2.3. *Các dụng cụ khác: dao nặn, nạo, dùi nặn đất...*

Những dụng cụ này sinh viên phải tự làm lấy bằng dây thép nhỏ và bằng cật tre già.



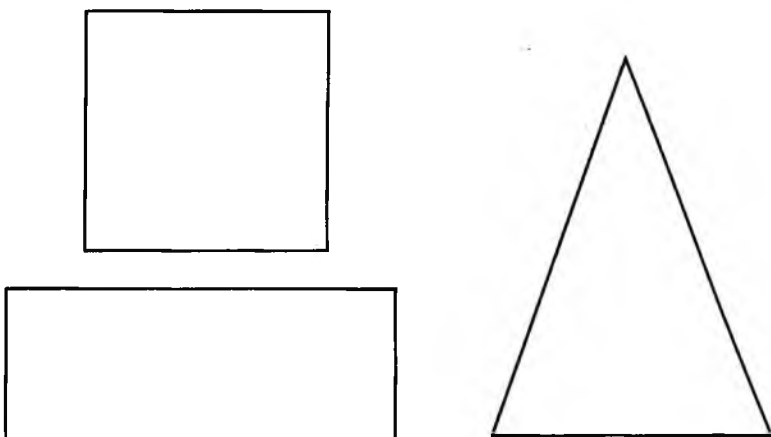
Dao nặn và nạo phải tùy thuộc vào mỗi bài mà có kích cỡ to, nhỏ thích hợp. Hơn nữa có người thuận tay phải, có người thuận tay trái... Khi làm bài có thể dùng tay để nặn khối, chỉnh khối, có người dùng bay, có người dùng nạo. Dù dùng cách nào cũng được nhưng yếu tố quan trọng là phải tạo khối đẹp, có sức hấp dẫn, hình phải chuẩn.

3. Tiến hành bài nặn

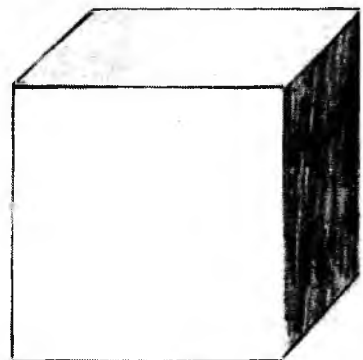
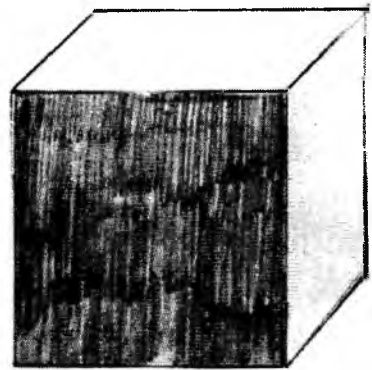
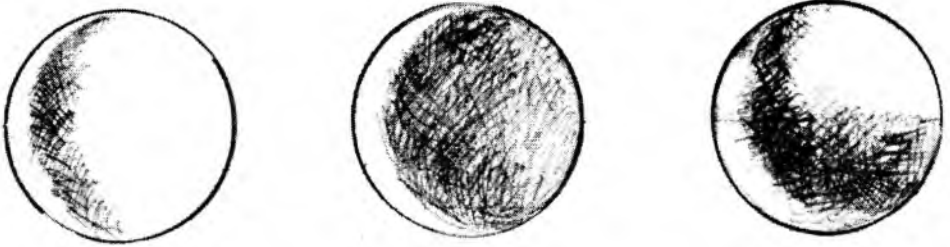
3.1. Quan sát, nhận xét mẫu

Để tiến hành bài nặn, trước tiên cần chọn chỗ đứng có đủ ánh sáng, khoảng cách từ chỗ người đứng nặn và bàn nặn đến bàn bày mẫu hợp lí, đồng thời cũng có đủ chỗ lùi để ngắm và đối chiếu giữa bài mình nặn với mẫu. Bàn nặn của sinh viên phải đủ điều kiện để xoay được bàn xoay.

Khi quan sát mẫu, chúng ta lưu ý các khối vuông, tròn, trụ... Sự khác nhau rõ rệt của các khối là một thuận lợi. Việc dùng mắt để ước lượng khối tích của vật mẫu nào to, khối tích của vật mẫu nào nhỏ trước khi dùng compa để kiểm tra là một việc làm rất cần thiết. Đó là cách luyện mắt bằng phương pháp so sánh để phân tích. Ví dụ như khối chữ nhật đặt nằm thì phải ước lượng cạnh ngắn bằng mấy phần cạnh dài hoặc chiều cao bằng mấy phần cạnh nằm. Cảm giác cũng dễ làm ta ước lượng sai. Ví dụ như ba hình dưới đều có diện tích bằng nhau nhưng nhìn vào chúng, ta có cảm giác chúng không bằng nhau, nhưng lại cảm thấy chúng nặng gần bằng nhau. Vì vậy dùng khoa học để xác định vật mẫu cùng cảm giác là sự phối hợp cần thiết của việc quan sát.



Một yếu tố nữa khi quan sát cần lưu ý là tác động của ánh sáng vào vật mẫu. Khi vật mẫu được quay theo 8 hướng thì mỗi chiều ánh sáng sẽ tạo ra các cạnh của khối có hình thù khác nhau do tầm nhìn và độ đậm nhạt gây ra cảm giác nặng, nhẹ hoặc to, nhỏ (xem hình mẫu).



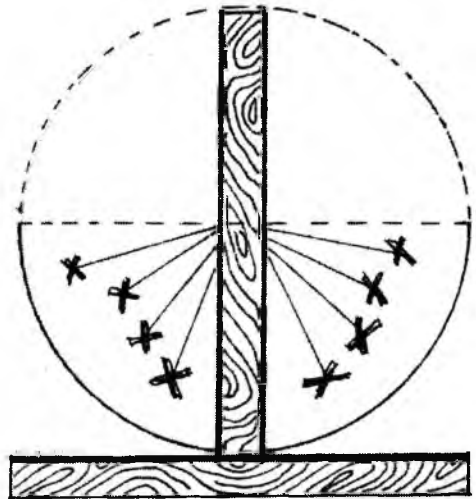
Qua những ví dụ trên chúng ta rút ra kết luận là, khi nặn không phải chỉ nhìn hình mà phải luôn luôn nhìn cả khối một cách bao quát vì khối sẽ tạo ra hình và dùng hình để kiểm tra khối.

3.2. Lên đất và hoàn thiện

Khi nặn khối cơ bản thì việc làm cốt, lên đất và hoàn thiện bài có thể tiến hành song song. Bởi khi nặn khối vuông, khối trụ, khối cầu dù đặt ở cạnh nhau hoặc chồng lên nhau thì ta vẫn có thể nặn và hoàn thiện ngay từng khối một. Hơn nữa, việc hoàn thiện bất kì khối nào trước sẽ giúp ta có thể so sánh với khối thực hiện tiếp theo. Các khối tuy đứng cạnh nhau nhưng bản thân nó vẫn là khối độc lập, có các cạnh rõ ràng, có số đo chuẩn và được định hình, mang tính khoa học và tính chính xác cao nhưng cũng dễ thực hiện. Tuy vậy nhưng khi nặn khối vuông, ta không nên lấy cả một khối đất đập thành thỏi rồi đo các cạnh và lấy dao cắt để tạo thành khối vuông mà phải làm bằng cách đo 2 cạnh tiếp giáp với mặt bàn nặn, đánh dấu rồi lên đất từ từ và đập vào thành từng khối. Quá trình lên đất phải luôn dọi 4 góc theo cả hai phía và kiểm tra đo 12 cạnh để có số đo bằng nhau.

Phương pháp nặn khối trụ hay khối chóp cũng tương ứng như cách nặn khối vuông, nghĩa là dùng cơ sở của các cạnh đáy và đắp dần lên phía trên của trụ hay chóp.

Với khối cầu thì điểm tựa có rất ít phần tiếp giáp với bàn nặn, hơn nữa nó không có các cạnh để làm cơ sở cho số đo mà chỉ có đường kính là số đo duy nhất. Vì vậy ta nên lấy chuẩn là 1/2 khối cầu phía dưới vừa làm cốt vừa làm bướm để kiểm tra đường kính của khối bán cầu. Khi đã có cơ sở của 1/2 khối cầu ở phía dưới thì nặn tiếp 1/2 khối cầu phía trên với cách xoay đều các góc và kiểm tra độ tròn liên tục của đường chu vi theo mọi chiều như có thể nhìn từ trên xuống, từ dưới lên hoặc chếch theo các hướng. Nếu chu vi các chiều đều tròn thì khối cầu là chuẩn.



3.3. Yêu cầu cần đạt

Bài nặn khối cơ bản thường là bài đầu tiên cho những người mới học nặn, vì vậy yêu cầu được đặt ra phải cụ thể gồm:

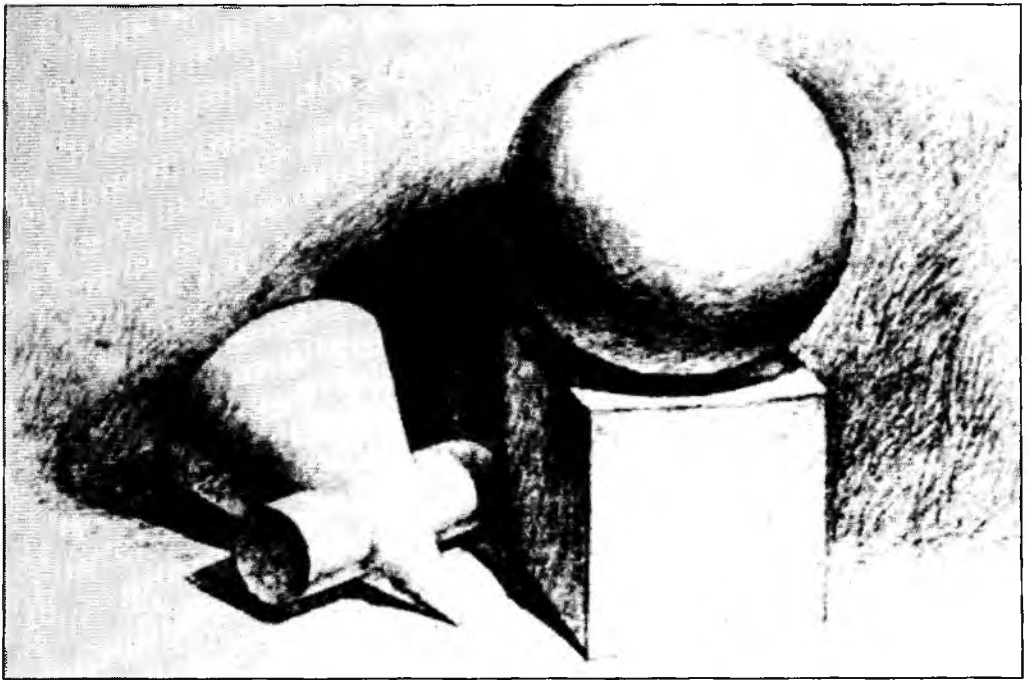
- Tỷ lệ các khối phải đúng vì có điều kiện đo, kiểm tra trực tiếp chứ không phải ước lượng.
- Tỷ lệ các cạnh, các góc của khối phải chính xác, hợp lí, ví dụ như cạnh của khối vuông và các góc của khối phải đảm bảo 90° , các khối khác có các góc tù, góc nhọn cũng vậy. Nếu góc đúng thì cạnh chuẩn và ngược lại.
- Các cạnh của khối phải song song với các điểm dọi, nếu không khối sẽ bị nghiêng hoặc sẽ bị vẹo và đổ.
- Tùy theo cách nặn và cảm xúc của mỗi người, làm nhẵn hay để sẵn những vết đất hoặc vết bay, vết nạo đều không ảnh hưởng đến kết quả của bài. Duy nhất chỉ yêu cầu các học viên không được dùng nước tưới bài rồi lấy tay xoa cho nhẵn bóng, vì cách làm này sẽ làm cho khối không rõ và vô hồn.
- Luyện mắt nhìn để so sánh đảm bảo đúng tương quan tỷ lệ của hình, mảng và khối.



Thầy Phạm Gia Giang
(Đồng) của Nguyễn Thị Hiền

1. Sự khác nhau giữa khối cơ bản và khối biến dạng

Khối cơ bản là các khối có một hình cụ thể được đặt tên để gọi như khối vuông, khối cầu, khối trụ v.v... Các khối biến dạng được cấu thành trên cơ sở của khối cơ bản mà vật thể hoặc loại đồ vật,... mang hình thù gần khối cơ bản. Các khối này xuất hiện nhiều trong tự nhiên và trong sinh hoạt thường nhật của con người, ví dụ như quả bóng, quả hồng, quả bưởi, quả cam... có dạng gần với khối cầu; cái chai, cái phích thường đi liền với khối trụ. Hiểu như thế để thấy rằng, nặn khối biến dạng thì cần phải hiểu quy luật và cấu trúc của các khối cơ bản, qua đó sẽ phân tích được những khối biến dạng có đặc điểm riêng nhằm dễ phân biệt như khối tròn của quả cam, khối tròn của quả bưởi, khối cầu của quả bí ngô với quả cà chua hay quả cà bát. Những khối đó rất gần nhau về hình thù, chỉ khác nhau về kích cỡ, màu sắc. Vậy khi nặn phải nhận ra được sự khác biệt trong điều kiện chỉ có một màu của đất. Muốn phân biệt được vật đó thì ngoài sự giống với khối cơ bản còn phải phân tích thêm đặc điểm cấu tạo của khối quả đó như những nét chung và những nét riêng để dễ phân biệt.



2. Bày mẫu quả

Bày mẫu quả cho điêu khắc không cần lưu ý đến màu sắc như bày mẫu cho vẽ tĩnh vật. Nếu như bày mẫu vẽ người ta lưu ý đến các màu đặt cạnh nhau trên các nền vải màu để cho sinh viên học tập và ứng dụng về hoà sắc thì việc bày mẫu cho điêu khắc cần lưu ý những điểm sau:

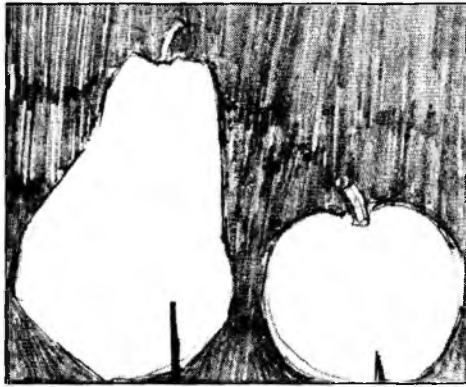


- Mẫu của điêu khắc chủ yếu là khối. Cần tìm các loại quả có kích cỡ thích hợp, to quá thì phải thu theo tỉ lệ (như quả dưa đỏ), hoặc là khối đơn điệu nhẵn bóng như quả táo ta, quả mận, quả mơ v.v..., những quả quá nhỏ đó rất khó điều khiển tay khi nặn.
- Tìm những trái cây có các khối không đơn điệu về hình dáng, có các chất bề ngoài khác nhau như quả bí đỏ nhỏ, quả na, quả đu đủ, quả phật thủ, quả khế v.v... hay những quả có hình dài như quả mướp, quả bầu (hình nậm rượ).
- Khi bày mẫu không nên dàn trải trên mặt phẳng mà phải sắp xếp các quả theo các chiều khác nhau để tạo một bố cục đẹp. Thậm chí phải kê, hoặc đặt lên một vật khác cho cao lên cũng được. Tuy vậy, không nên đặt quả sát vào nhau mà nên có khoảng cách để dễ đưa tay hoặc bay, nạo vào nặn.
- Số lượng quả chỉ nên bày vừa đủ với số tiết quy định của bài. Nếu ít quá mà khối đơn điệu thì sinh viên không sử dụng hết thời gian, dễ chán, nhưng quá nhiều thì không đủ thời gian, bài sẽ thực hiện sơ sài, không diễn tả được khối hoặc những đặc điểm cần thiết.

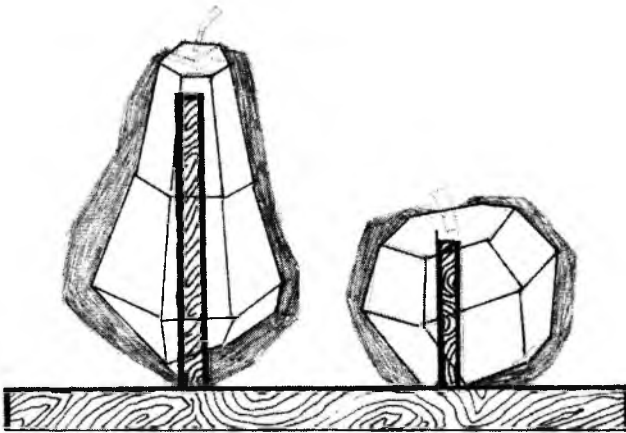
*** Thực hành: Nặn quả đu đủ và quả bưởi**

Đặt mẫu: Quả đu đủ có kích cỡ dài từ 18cm đến 22cm. Chọn loại quả xanh, đều màu, có các hình múi rõ và còn cuống. Khi đặt mẫu chúng ta có thể đóng một cái đinh xuống mặt gỗ, tạo ra đầu nhọn để cắm quả cho quả khỏi lăn, tránh làm sai lệch mẫu, đồng thời chủ động đặt theo hướng quả mà mình

thấy đẹp về hình dáng và bố cục. Hai loại trái cây trên cho ta hình khác nhau, như quả đu đủ thì liên hệ với khối trụ, quả bưởi gắn với khối cầu.

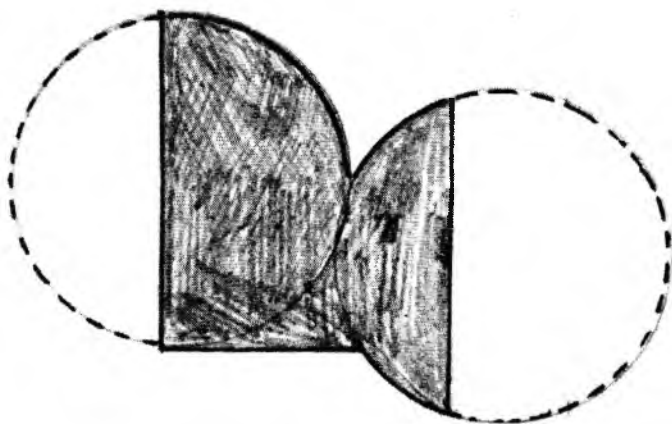


Nặn tượng: Phương pháp làm cốt và lên đất tương ứng với cách nặn khối cơ bản như đã hướng dẫn ở trên. Tuy vậy phải đo và dọi, sau đó phác khối cơ bản và so sánh tỉ lệ giữa quả đu đủ và quả bưởi (xem hình vẽ).



Tiếp tục đi sâu vào các khối có tính đặc thù để tạo thành khối quả đu đủ hay quả bưởi. Cần lưu ý: khi nặn quả đu đủ thì rãnh lõm giữa các khối múi là do hai khối lồi hai bên tạo thành, vì vậy những khối lồi phải có sự khác nhau về hình, độ cao thấp về khối.

Ngay cả rãnh lõm cũng có khối, có độ no căng và sự chuyển tiếp sang các khối khác.



Yêu cầu cần đạt: Bài nặn này có yêu cầu chính là giúp người nặn làm quen với cách tạo khối trong điêu khắc, nhất là sự chuyển tiếp giữa khối này với khối kia.

CHÉP PHÙ ĐIỀU

(Chạm nổi)

1. Giới thiệu về phù điêu

Trước khi học và chép phù điêu, ta cần phải hiểu về phù điêu một cách tổng thể. Đó là loại hình dùng khối diễn tả trên mặt phẳng mà người xem thấy khối nổi như tượng tròn. Tuy chỉ nhìn được chính diện nhưng vẫn như nhìn thấy cả phía đang bị che khuất. Đó chính là nhờ ánh sáng tác động đến độ lồi lõm, cao thấp của khối tạo ra một hiệu quả của đậm nhạt và nhờ vào độ đậm nhạt mà tác phẩm trở nên đẹp lung linh, quyến rũ.

Nét đẹp trong phù điêu nhờ vào tính trang trí. Người ta sử dụng các đường khái quát cho các hình cụ thể như các hình lượn sóng, các đường cong uyển chuyển và những đường thẳng mạnh mẽ, nhất là sự kết hợp với các điểm đậm của độ sâu, các điểm sáng của khối nổi đã tạo nên một tác phẩm. Chúng ta hãy quan sát những chạm nổi bằng gỗ trong các đình làng ở Việt Nam thì thấy rõ.



Tính trang trí cao đã phá vỡ tất cả sự gò bó của cơ thể học nếu là hình người và luật cận viễn nếu là phong cảnh - phía trước và phía sau chỉ là khái niệm, chủ yếu được xử lí bằng cao thấp, trên dưới. Người ở phía sau vẫn to như người ở phía trước..., mục đích là để phô diễn điều người xa muốn nói, muốn biểu đạt cho người xem nhận biết nhanh nhất, thắm mĩ nhất. Ví dụ như các tác phẩm: *Tiên dâng hoa* (Chùa Thái Lạc, Hưng Yên - TK XIII, XIV), *Gheo gái* (Đình Phùng, Tỉnh Hà Tây - TK XVII); *Đánh cờ* (Đình Ngọc Canh, Vĩnh Phúc - TK XVII); *Thập điện diêm vương* (chùa Huyền Kì, Hà Tây - TK XIX)... Ngoài ra chúng ta còn được xem nhiều tác phẩm chạm nổi của thế giới, từ những loại đơn giản nhất bằng nét của Ai Cập cổ đại đến nghệ thuật Át-xi-ri nổi tiếng hay các tác phẩm hiện đại sau này của châu Âu trong những thế kỉ XVII, XVIII, XIX, XX. Đó là những tác phẩm: *Các bà khóc mướn* của Ai Cập; *Con sư tử bị thương* của Át-xi-ri; *Mặt nạ* của châu Phi; các tác phẩm của châu Âu thời Phục hưng và hiện đại đã được giới thiệu trên sách và tạp chí.



*Các bà khóc mướn (Đá)
Ai Cập*



*Sư tử cái bị thương (Đá)
nghệ thuật Át-xi-ri*

Nói đến chạm nổi thì việc đầu tiên phải chú ý đến là bố cục. Dù bất cứ là hình tròn, hình ôvan, hình vuông, hình chữ nhật hay đa cạnh, người ta vẫn có thể làm được. Chất liệu chủ yếu để làm chạm nổi là đá, đồng, gỗ ...- những vật liệu phổ biến trong xây dựng đã tạo ra tác phẩm nghệ thuật tạo hình, đồng thời tồn tại được lâu dài với thời gian và khí hậu khắc nghiệt.



Đánh cờ - Trên cột gỗ đình Ngọc Canh

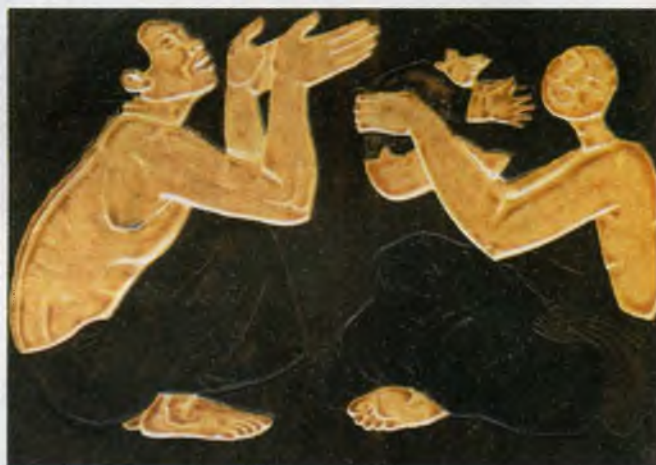
Trong bố cục chạm nổi thì rõ nét nhất là không để các hình vẽ dồn nén, chật chội hoặc phá vỡ sự hài hoà với khuôn khổ cũng như không vì tự nhiên chủ nghĩa mà để hình quá nhỏ, trống trải hoặc sơ lược làm mất đi tính thẩm mỹ.

Trong chạm nổi có rất nhiều cách thể hiện. Có loại mỏng thường gọi là chạm nổi thấp, có loại dày vừa phải, có loại nổi rất cao và có loại làm thủng dùng mảng trống là khoảng ánh sáng của không gian tự nhiên. Nó được ứng dụng theo địa hình, vị trí đặt và môi trường cụ thể để thực hiện các loại hình trên nhằm đáp ứng được yêu cầu của việc sử dụng.

Nếu có điều kiện, chúng ta nên đi tham quan Bảo tàng Lịch sử, Mĩ thuật, các đình chùa của Việt Nam, chúng ta sẽ được chiêm ngưỡng và học hỏi được rất nhiều từ bố cục đến cách biểu hiện mà ông cha ta đã từng làm và để lại cho các thế hệ sau nhiều tác phẩm vô giá.

1.1. Đặc điểm của phù điêu

Đặc điểm rõ nét nhất của phù điêu là tạo khối trên mặt phẳng. Dù đục gỗ hay đục đá, thậm chí nặn trên đất... thì phù điêu vẫn chỉ ứng dụng trên một bình diện nhất định. Mặt phẳng ở đây nên hiểu là một mảng bẹt nằm độc lập hoặc gắn vào tường hoặc một vật thể nào đó chứ không phải là một mặt phẳng hiểu theo nghĩa đơn thuần. Như vậy chúng ta sẽ dễ dàng ứng dụng và thực hiện thoải mái. Đặc điểm đó chỉ cho phép ta nhìn được theo một phía duy nhất như tranh vẽ, nó không đáp ứng được như tượng có thể xem nhiều chiều khác nhau. Yếu tố để tạo nên một phù điêu đẹp, ngoài bố cục ra thì hình vẽ rất quan trọng, nó là phần cơ bản để nặn hình khối. Hình vẽ và khối sẽ tạo nên độ đậm nhạt và cảm xúc của người xem được gây hưng phấn hay phản cảm chính là từ những yếu tố này.



Hạnh phúc
(Sơn đắp)
của Phạm Gia Giang

Sự diễn tả phong phú, đa chiều của phù điêu đã giúp cho sự sáng tạo nghệ thuật đạt tới mức độ tối đa. Chúng ta có thể thấy nhiều phù điêu được đơn giản hoá như phù điêu *Uống rượu* ở đình Liên Hiệp, Hà Tây thế kỉ XVII và sự phức tạp, phong phú như tác phẩm *Cửa địa ngục* bằng đồng của Rodin (1840 - 1917).

Hai tác phẩm trên đều cho ta cảm nhận rõ ngay điều tác giả muốn nói. Mặc dù hai cách miêu tả khác hẳn nhau, thậm chí rất xa nhau về phong cách nghệ thuật nhưng hiệu quả lại giống nhau là người xem nhận ra và xúc động thật sự.

*Tứ nhạc (Gỗ)
Chùa Thái Lạc*



*Uống rượu (Gỗ)
Đình Ngọc Canh*

*Cua (Phù điêu gang)
của Đình Công Đạt*



1.2. Các loại phù điêu

Để thích ứng với từng vị trí, từng nội dung, người ta chia phù điêu làm 3 loại:

1.2.1. Loại mỏng

Hay còn gọi là phù điêu thấp, lấy nền làm chủ yếu. Người ta vẽ hình vẽ cần thiết rồi khoét nét theo đường viền vào hình bên trong tạo độ cong để gợi khối. Phổ biến cách làm này là phù điêu cổ và chữ tượng hình của Ai Cập. Cách tạo khối này còn giúp người Ai Cập tô màu hoặc dát vàng vào những hình khắc. Nói chính xác hơn là những hình khắc sơ sài của người tiền sử trong các hang động đã để lại là tiêu đề cho những hình khắc sau này của một xã hội đã có sự văn minh nhất định. Do những yếu tố chạm mỏng nên hình phải cần trang trí, thậm chí phải sử dụng nhiều chi tiết như hoa văn trên trang phục làm cho hình được vui mắt hay trang trí dày đặc trên nền trống bằng hoa lá, cây cảnh như nghệ thuật chạm khắc trong đền Angko Thom của Campuchia với gần 4000m² chạy xung quanh đền kể về những câu chuyện thần thoại trong sử thi Mahabharata. Nó vừa giáo dục các tín đồ đến lễ và khách hành hương, vừa làm vui mắt, đồng thời lại không phá vỡ sự ổn định của mặt phẳng cần thiết trong không gian kiến trúc của hành lang.



Phù điêu châu Phi



Chữ tượng hình cổ Ai cập

1.2.2. Loại cao

Ứng dụng chính vào các công trình đồ sộ và cũng thường gắn liền với kiến trúc. Loại cao này vẫn phải coi trọng mặt phẳng nhưng mặt phẳng này cho phép đến mức tối đa của khối nổi. Người ta lấy sự cân bằng của khối nổi thành nhịp điệu. Tuy có những độ sâu lớn, nhưng khối nổi sẽ lấy lại cảm giác được cân bằng với sự trả lại theo hình sin (~) hay từ vẫn dùng trong nghệ là khối âm và khối dương. Sự tương phản của hai khối này trong một hình chạm nổi cao là tiếng nói, là âm điệu của sự diễn tả những nét bi hùng tráng, mạnh mẽ như là những chạm nổi đá xung quanh đền Paethenon dài 276m được xây dựng dưới thời Périclès trị vì (theo tài liệu thần thoại). Sau này, người ta đã xây dựng những khối hình gắn kết với chạm nổi trong một không gian rộng lớn và hoành tráng, gây ấn tượng mạnh cho tác phẩm. Đó là đài chiến thắng đặt trên đồi Mamaiep tại thành phố Sta-lin-grát (Liên Xô).



Gheo gái - Đình Đông Viên, Hà Tây

Các phù điêu loại cao không những được ứng dụng trong các công trình kiến trúc lớn mà đôi khi còn được thể hiện trên những tác phẩm nhỏ trang trí như những tác phẩm gỗ được thể hiện ở đình làng Việt Nam. Ví dụ *Trai gái vui đùa* trên cột ở đình Hương Lộc, Nam Định thế kỉ XVII, hay *Táng mã Hàm Rồng* trên hạ điệp đình Liên Hiệp tỉnh Hà Tây (1663)...

Tóm lại, phù điêu ở thể loại cao rất đa dạng, đáp ứng được nhiều công dụng khác nhau trên nhiều chất liệu và nhất là thích ứng được ở mọi nơi, mọi chỗ mà nhu cầu thẩm mĩ đòi hỏi.

1.2.3. Loại thủng

Thực chất loại này cũng không khác loại chạm nổi mỏng về cách làm mà chỉ là ứng xử của khoảng trống trong một phù điêu. Lẽ ra để nền phẳng bằng gỗ thì người ta đục thủng nó và có thể nhìn xuyên suốt ra phía bên kia. Đây là cách xử lí nhằm tạo mục đích thông thoáng.



*Võ sĩ đấu khiên (Gỗ) -
Đình Hương Canh*

Về thẩm mỹ, nó làm cho hình còn lại được rõ nét và nhất là cách làm đậm đặc hình vẽ thì chính nhờ những lỗ thủng đã tạo cho hình còn lại thành những mảng trang trí duyên dáng. Và bản thân những lỗ thủng đó cũng tự tạo thành hình trang trí vì nếu phía bên kia của hình vẽ là tối thì lỗ thủng sẽ đậm đen, như vậy hình khắc nổi sẽ sáng và ngược lại, nếu lỗ thủng sáng sẽ làm cho hình khắc đậm đi. Khi ta nhìn những án gian thờ hay những ván nong trong chùa thì thấy hiệu quả này rất rõ khi đi vào tiền đường hay từ trong đi ra khỏi tiền đường.

Ngoài tính thẩm mỹ, nó tạo nên sự thông thoáng giữa bên trong với bên ngoài và tạo ra ánh sáng cần thiết cho việc sử dụng. Chạm nổi làm bình phong ngăn cách. Nhờ công năng này mà đình chùa Việt Nam vừa thích ứng được với thời tiết khắc nghiệt để tồn tại qua hàng trăm năm, lại vừa là sản phẩm mỹ thuật tuyệt vời để lại cho hậu thế.

1.3. Mục đích sử dụng phù điêu

1.3.1. Tôn giáo

Ngay từ thời kì xa xưa, phù điêu thường gắn liền với kiến trúc, nó là một thành tố không thể thiếu được, nó là những cuốn sử thi trong các đền chùa miếu mạo. Ví dụ gần bốn ngàn mét vuông chạy dài theo chu vi ở đền Ăngko Thom của Campuchia là những câu chuyện kì thú của thần thoại được kể bằng phù điêu. Ở Việt Nam phù điêu biểu hiện rõ nét nhất ở trong những ngôi chùa hoặc đình. Trừ cột, vì kèo, còn lại là những trang trí hoa lá hoặc rồng phượng như ở chùa Tây Phương, chùa Mía... Trong những vật dụng trang trí như cửa võng, hương án, hoành phi, câu đối đều dùng phù điêu và được gia giảm liều lượng cho phù hợp với chất liệu gỗ hoặc gỗ sơn son thiếp vàng. Những thành tố điêu khắc đó đã làm cho những ngôi đình hay chùa về mặt tâm linh được nhân lên gấp bội và về mặt thẩm mĩ lại là niềm tự hào của những người đi xa khi nhớ về quê hương, nơi chôn rau cắt rốn của mình.

Hình rồng trang trí trên đầu bẩy



Nhịp hành quân (Gò đồng) của Phạm Ngọc Tuấn



1.3.2. Tôn vinh, ca ngợi

Đất nước ta đã trải qua hàng ngàn năm đấu tranh chống ngoại xâm và biết bao thế hệ đã hi sinh vì nền độc lập, thống nhất của dân tộc. Các gương anh hùng liệt sĩ được ghi lại bằng văn tự và được chuyển thể sang một loại hình cụ thể dễ nhận biết, đó là phù điêu bằng các chất liệu như đất nung, ví dụ bức chạm nổi lớn tại núi An Phụ, Hải Dương ca ngợi cuộc chiến đấu vĩ đại của quân dân nhà Trần chống quân Nguyên Mông, hay những phù điêu ở trước cửa nghĩa trang liệt sĩ đồi A1 Điện Biên Phủ... Cũng nhờ những bức phù điêu này, các thế hệ sau biết được các thế hệ trước gian khổ, anh dũng ra sao, chiến đấu bằng những vũ khí gì, và những gương lấy thân chèn pháo, lấp lỗ châu mai, lấy thân mình làm giá súng... mới được hiện lên trên những tượng đài hoành tráng.



*Thiếu nữ và trâu (Gò đồng)
của Lê Đức Lai*

*Hạnh phúc (Sơn đắp)
của Nguyễn Thị Kim*



Chạm nổi ở Đài kỉ niệm trên đồi Ma-mai-ép tại Stalingrat

1.3.3. Trong sinh hoạt đời thường

Chỉ cần chú ý một chút chúng ta cũng nhận thấy rằng, những đồ dùng hàng ngày, từ cái thìa, con dao cho đến những tấm huân chương hay sợi dây chuyền đều xuất hiện những hình chạm nổi rất nhỏ, tinh tế. Tất cả những sinh vật như bông hoa, con nhện, con bướm hay những hoa lá được cách điệu đều được in đậm nét trên mọi chất liệu như vàng, bạc, nhôm, gỗ... Chính những nét trang trí chạm khắc trên những vật dụng hàng ngày đã làm cho cuộc sống văn hoá, tinh thần của con người thêm phong phú. Nhìn lại từ thời tiền sử ta thấy, trong những đồ gia dụng bằng gốm đã tìm thấy đã có sự hiện diện của điều khác, dù chỉ là những nét gạch ngang dọc đơn giản hoặc những nét chuốt còn để lại vân tay một cách cố tình. Đến nay, văn minh của loài người đã thoả mãn mọi việc bằng tính công nghiệp của những công nghệ cao, giá thành hạ tạo cho con người mọi sự hưởng thụ làm đẹp là một lẽ đương nhiên.



Người cồng nhau - Nghệ thuật Đông Sơn

2. Sự khác nhau giữa phù điêu và tượng tròn

Như chúng ta biết, tượng tròn phục vụ cho không gian ba chiều, nghĩa là người ta có thể nhìn từ mọi phía với cung là 360° . Còn phù điêu thì cũng như xem tranh vậy. Với công năng và cách biểu hiện khác nhau nên hiệu quả hai loại có những khác nhau nhất định.

2.1. Khác nhau về xây dựng hình tượng

Một yêu cầu đặt ra đối với tượng tròn là hình tượng phải thật cô đọng và mang tính biểu trưng giúp người xem chỉ thoáng qua là nhận biết rõ vấn đề định nêu, hơn nữa phải gây được ấn tượng mạnh. Ví dụ như tượng *Công nông* (1936) của Mu-khi-na (người Nga) bằng chất liệu inôc, hay như tượng *Nguyễn Huệ* (1976) của Lưu Danh Thanh được đặt tại thành phố Quy Nhơn... Tất cả đều đơn giản, dễ hiểu, nhìn ở các phía đều đẹp và nhất là những hình bóng được in lên trên nền trời mây lồng lộng. Ngược lại, những hình ảnh trong phù điêu không thể xem cả 4 phía mà chỉ có một phía, đồng thời lại phải có ánh sáng tự nhiên hoặc đèn điện thì mới cảm thụ được đầy đủ về tác phẩm. Tuy vậy, làm phù điêu người ta có thể kể lể sự việc hoặc dẫn dắt một câu chuyện mang tính sử thi hoặc một sự kiện nào đó có tính chất dẫn giải để người xem lĩnh hội được đầy đủ chi tiết của sự kiện. Sức mạnh của phù điêu về xây dựng hình tượng chính là ở điểm đó, điều mà tượng tròn không thoả mãn được ý muốn của công trình. Vì vậy, người ta thường kết hợp giữa tượng tròn và phù điêu để tạo ra một công trình nghệ thuật thoả mãn được mọi đối tượng và phù hợp với những tiêu chí đặt ra cho công trình.



Tượng Nguyễn Huệ ở Quy Nhơn của Lưu Danh Thanh

2.2. Khác nhau trong cách thể hiện

Cách làm tượng tròn hay phù điêu, dù nặn bằng đất hay đục trên gỗ, đá thì tất cả đều phải tạo khối, nhưng cách xử lí khối có khác nhau. Nếu khối ở tượng tròn nhằm phục vụ cho nhìn ba chiều thì phù điêu chỉ để nhìn một chiều. Tuy cùng dùng ánh sáng để tạo khối nhưng ánh sáng của tượng cần phải ứng dụng đa chiều, còn chạm nổi duy nhất chỉ có một chiều. Nếu nặn tượng thì cần đáp ứng ánh sáng ở mọi nơi, mọi chỗ, đặt bất cứ nơi nào, từ ngoài trời đến trong nhà. Chạm nổi chỉ nhận biết ánh sáng từ một phía nhất định, thậm chí ở một vị trí cố định và ánh sáng cố định. Đây là một đặc điểm cần được lưu ý. Vì vậy khi nặn tượng mới dùng bàn xoay để xoay vòng tròn, vừa giúp người nặn kiểm tra mọi góc độ từ tầm nhìn đến ánh sáng, còn chạm nổi thì không thể để ở bàn xoay mà phải đặt ở một hướng ánh sáng nhất định, trên cơ sở đó mà tạo khối. Khối của chạm nổi, dù là chạm nổi cao hay chạm nổi thấp thì các khối không thể đầy đủ như tượng tròn, hay nói cách khác là không phải tượng tròn cắt đi một nửa để dán vào mặt phẳng mà phải tạo đủ độ cao cần thiết thích ứng với các loại hình của chạm nổi. Vì thế người nặn phải biết chọn những hình vẽ phù hợp. Thông thường, nặn người thì chú ý đến hình nghiêng hoặc 3/4 nhiều hơn là những hình chính diện. Về ánh sáng thì không thể dùng ánh sáng phía phải chạm nổi lúc làm, sau lại đặt theo ánh sáng từ trên xuống. Nếu làm như vậy hình sẽ bị méo hoặc biến dạng, vì thế khi làm chạm nổi phải lưu ý vị trí đặt để thực hiện.



Bài làm của sinh viên
trường CĐSP
Nhạc - Hoạ TW

Sự khác nhau giữa tượng tròn và phù điêu còn ở phạm vi xây dựng chủ đề và bố cục. Tuy cùng một chủ đề, cùng một nội dung nhưng tượng phải bố cục khác phù điêu, từ việc chọn hình tượng cho tới cách biểu hiện. Tượng phải hoàn toàn cô đọng, phải dùng nội tâm động tác ẩn ý để thể hiện. Còn chạm nổi ngoài những yếu tố cần thiết như tượng, nó còn được phép tả nhiều hơn phạm vi hoạt động và những ngoại cảnh giúp cho ý tưởng chính được thực hiện thoải mái, miễn là bố cục phải đẹp, hấp dẫn.



*Bất khuất (Đồng)
của Nguyễn Xuân Tiến*



Tài liệu tham khảo



*Mẹ con (Đồng)
của Tạ Quang Bạo*

3. Chuẩn bị đồ dùng để tiến hành bài tập

Những đồ dùng để phục vụ cho một bài chép phù điêu gồm có:

3.1. Mẫu chép bằng thạch cao

Những mẫu phiên bản phù điêu cổ hoặc của một nghệ sĩ nào đó đã sáng tác ra đều sử dụng được. Những phiên bản này cần có kích thước vừa phải, hợp với trình độ của giáo sinh, đồng thời phải phù hợp với thời gian quy định của một bài tập và cũng tùy theo trình độ của giáo sinh mà giảng viên cần tìm mẫu có độ dày đảm bảo được yêu cầu của bài nặn. Nếu ở trình độ mới tiếp cận thì cần tìm mẫu đơn giản về khối, dễ nhận về hình và đã được đơn giản hóa. Nếu là những giáo sinh đã qua một vài bài nặn thì cần những mẫu có hình phong phú và nhiều lớp với độ dày mỏng khác nhau, giúp cho giáo sinh nhận ra các đặc điểm của phù điêu.



*Hoa sen và cò
(Đá - TK XVII)
chùa Bút Tháp*



*Phượng mùa kì lân
(Đá - TK XVII)
chùa Bút Tháp*

3.2. Bảng nặn

Tuỳ theo yêu cầu của bài và thời gian, giảng viên có hai cách đặt ra yêu cầu về kích thước. Nếu là bản mẫu vừa phải thì cho bài mẫu và bản chép bằng nhau, như vậy thì bảng gỗ phải bằng mẫu chép hoặc lớn hơn đôi chút. Nếu là bài mẫu quá lớn hoặc bảng nặn nhỏ thì có thể cho chép với tỉ lệ là 2/3 hoặc bằng 1/2. Bài yêu cầu bằng bản mẫu thì học viên dễ chép hơn và sự động não của học viên cũng ít hơn. Còn chép theo quy định có tỉ lệ thì học viên phải động não nhiều hơn với hai việc là vừa phải biết thu tỉ lệ về hình, lại phải biết thu tỉ lệ cả về khối và đặc biệt là phải biết cảm nhận về khối mới chuyển hoá được tinh thần từ bản mẫu sang bản chép.



Bướm bằng tre hay gỗ để quấn và treo vào cốt giữ đất

Bảng nặn là một bảng gỗ, có thể là những thanh gỗ litô được ghép lại có kẽ hở khoảng 1cm hoặc 1 tấm gỗ dày chừng 5cm, kích cỡ khoảng 30x40 hoặc to là 40x50. Nếu là bảng dùng gỗ litô có kẽ hở 1cm thì kẽ hở đó sẽ giữ đất không bị tụt, còn nếu bằng gỗ ván phẳng thì phải đóng đinh 2cm để chừa đầu độ 1cm, dùng dây thép 1 li đan chéo nhau thành lưới giữ đất hoặc bướm treo để khi đắp đất, đất có chỗ bám, không bị rời và tụt khỏi bàn.

3.3. Bàn đặt chạm nới

Bảng gỗ được đặt ngang tầm mắt của người nặn trên bàn hay giá đỡ song song với tầm của bản mẫu, đặc biệt lưu ý ánh sáng được chiếu vào từ một phía theo chiều ngang. Dù dùng ánh sáng tự nhiên hay ánh sáng đèn cũng vậy, tránh để chỗ có nhiều ánh sáng tác động vào mẫu và bài nặn.

3.4. Đất nặn

Đất nặn phải đặc biệt làm kĩ, vừa tránh có sạn, vừa tránh màu không giống nhau. Đất không đồng màu dễ đánh lừa mắt về khối. Khi đã có đất vừa ý, ta cắt thành từng miếng đập vào bảng nặn, sau đó dùng một thanh gỗ đập tạo mặt phẳng dày bằng độ dày của bài mẫu hoặc dày hơn. Vì đất dày có tác dụng giữ được độ ẩm, đất mềm lâu không bị khô cứng. Đất dày còn tránh được dính và dây thép khi ta tạo hình lấy nền cho chạm nổi. Một bài làm sẽ tốt khi giáo sinh đạt được một bảng nặn chuẩn có độ dày ở các cạnh bằng nhau và một mặt phẳng vừa ý.



*Chân dung ông già (Gò đồng)
của Nguyễn Đức Thục*

3.5. Dụng cụ nặn

Thông thường, mỗi khi làm một loại bài nào thì người nặn tạo những dụng cụ thích hợp với công việc đó. Ví như nạo thì có nạo to, nhỏ khác nhau vừa với kích thước những chi tiết cần thiết. Nạo chỉ cần làm bằng dây thép, được đập bẹt phần ở giữa để nạo và xoắn phần dây thép còn lại cho dài vừa tay là đã có một dụng cụ vừa ý. Còn bay nặn thì chỉ cần một thanh tre mỏng của cật tre và tùy theo kích thước tạo cho một phía có đầu nhọn, một phía có đầu bẹp để khi sử dụng được thích hợp với bài.



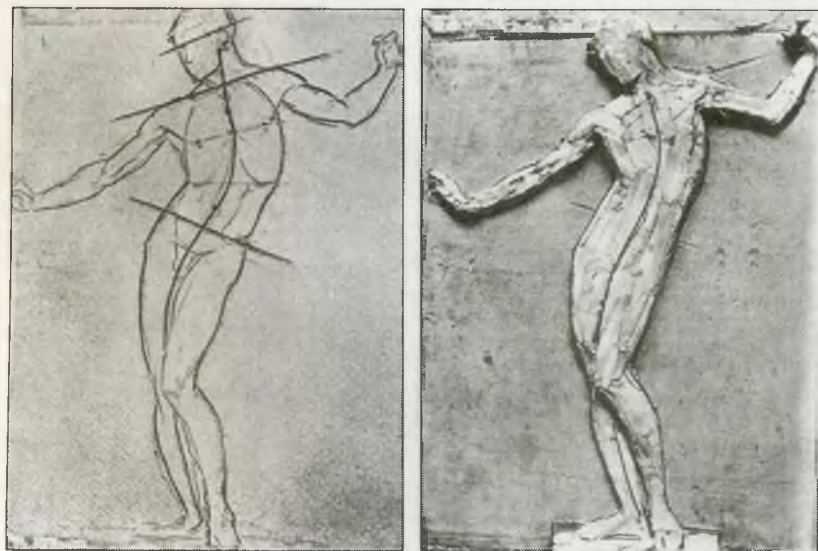
Bài tập của sinh viên trường CĐSP Nhạc - Hoạ TW

4. Cách chép một bài phù điêu

Trước khi chép một bài phù điêu, người nặn phải quan sát mẫu và nhận ra những đặc điểm cần thiết trước khi làm. Đó là loại phù điêu mỏng hay dày, có nhiều chi tiết hay đơn giản, và nhất là sự uyển chuyển của hình khối, vừa phải dùng trí tuệ để phân tích, vừa phải dùng cảm thụ thẩm mỹ để nhận biết giá trị của mẫu, đặc biệt người nặn phải thấy thích thú.

Các bước được tiến hành như sau:

Phác hình trên bảng đất. Sau khi đã làm đất có mặt phẳng thích hợp, để phác hình được chính xác, dù chép tỉ lệ bằng mẫu thật hay thu nhỏ, phóng to theo tỉ lệ mà giảng viên quy định thì cần phải kẻ hình bàn cờ hoặc ô vuông trên mẫu. Có hai cách làm. Nếu điều kiện cho phép làm trên mẫu thì có thể dùng bút chì kẻ, còn nếu không thì dùng chỉ căng, các đầu chỉ được dùng băng dính dán hoặc đóng đinh tùy vào sự cho phép của mẫu. Như vậy trên bảng đất ta cũng kẻ theo như bản mẫu. Tiếp theo là dùng bút hoặc que tre vót nhọn phác hình. Khi phác hình cần lưu ý các lớp nổi chìm khác nhau. Để phân mảng, không nên vẽ chi tiết ngay mà chỉ nên vẽ những chỗ cần khoét đi để tạo thành mặt phẳng của nền chạm nổi như bản mẫu. Hình vẽ phải được kiểm tra kĩ lại một lần nữa bằng cách đo những hình đã vẽ của bản đất với bản mẫu với tỉ lệ bằng nhau hay đã được rút gọn.



Phương pháp nặn chạm nổi

5. Chép mẫu bằng hình khối

Sau khi có hình vẽ và được phân những mảng cao thấp khác nhau, trước tiên ta lấy lớp nông thứ nhất, sau đó lấy lớp thứ hai, thứ ba và cuối cùng đến phần nền hay là điểm sâu nhất của chạm nổi. Nếu ước lượng và quan sát bằng mắt mà chuẩn trước thì tốt nhất, nếu không thì dùng que đo các độ dày của từng lớp mà chép (nên lưu ý là những chi tiết nhỏ nhất bên trên những mảng lớp thì chưa cần nặn vội).

Công cụ để tạo nông sâu trên mặt phù điêu là nạo. Chú ý khi nạo cần phải lựa tay cho đúng với độ nông cần thiết, tránh nạo trên một mặt nền mà chỗ sâu chỗ nông, mặt nền không phẳng.

Khi đã tạo được các mảng nông sâu cần thiết khớp với hình vẽ, ta bắt đầu đến khối. Nói đến khối khi chép phù điêu thì nên hiểu trước tiên là độ cao thấp của các mảng đã được phân, sau đó là các phần lồi lõm trong các mảng. Thực chất độ cong của mảng là độ nông sâu của đường khắc chìm (như hình vẽ theo mặt cắt).



Cách nạo đất và giữ hình

Sự hoàn thiện trong việc chép mẫu được diễn ra trong quá trình tạo khối, nhưng luôn phải chú ý đến chi tiết nằm trong khối đó, ví dụ khối mặt có hình bán cầu nhưng trên mặt lại có mắt, mũi, miệng, tóc, tai... Tất cả những chi tiết này nếu đặt không đúng vị trí, tạo khối không giống mẫu thì nó vừa không đạt, thậm chí lại phá vỡ cả mảng lớn của hình bán cầu, và mảng lớn

đó không còn trong cái chung của cả bố cục chạm nổi. Nhấn mạnh như vậy để thấy được giá trị của nhận xét, quan sát, hiểu được tính liên tục của khối và sự chuyển hóa của các khối lúc cao, lúc thấp, chỗ to, chỗ nhỏ; sự to nhỏ ấy đôi khi lại khác nhau cả về hình nữa. Vì vậy phải luôn chú ý so sánh các khối lớn, các khối nhỏ với nhau, thậm chí cả các khối có khoảng cách.



*Chân dung Hồ Chí Minh
(Đồng) của Vũ Cao Đàm*



*Chân dung bà già (Gò đồng)
của Nguyễn Thị Hiền*

Ánh sáng luôn là người kiểm tra chuẩn mực về hình khối, vì vậy phải kiểm tra ánh sáng trên mẫu với bài chép. Độ đậm nhạt sai thì khối sẽ sai. Do đó phải biết vận dụng, phân tích khi có ánh sáng chiếu vào mà kiểm tra những chỗ đậm, chỗ đậm vừa và những điểm sáng, tất nhiên điểm sáng là chỗ nổi của khối, nó được tiếp nhận sáng nhiều nhất. Đó là những dấu hiệu để xem bài khi hoàn thiện.

Ánh sáng gây cho ta cảm xúc khi nhìn bản mẫu để chuyển sang bản chép. Cảm xúc này rất cần khi chép xong, vì khi nhìn vào bản chép mà cảm xúc vẫn giữ được như nhìn vào bản mẫu tức là bản chép đã đạt được những hiệu quả nhất định.

Nếu chép phù điêu cổ trong kho tàng nghệ thuật của dân tộc thì cần tìm hiểu xuất xứ, đặc thù về phong cách của tác phẩm, nhất là tính giản đơn, ngộ nghĩnh phi tỉ lệ nhưng vẫn hợp lí. Còn nếu chép những bản mẫu của Hi Lạp hay hiện thực thì phải chú ý đến giải phẫu cơ thể học để vận dụng vào bài chép.

6. Yêu cầu cần đạt

Một bài chép cần đạt ra những yêu cầu phải đạt trên cơ sở trình độ từ thấp đến cao, từ chưa biết gì đến cách phân biệt được đặc tính của chạm nổi... để giúp người hướng dẫn chương trình đạt ra các mức độ cho giáo sinh.

6.1. Giáo sinh tiếp cận lần đầu

Nói lần đầu không có nghĩa là giáo sinh chưa bao giờ vẽ hoặc không hiểu mỹ thuật là gì. Hầu hết các giáo sinh đã được học một số bài về trang trí, vẽ hình họa. Kiến thức này rất cần trước khi tiếp cận với điêu khắc. Phù điêu là một thể loại của điêu khắc, nó có hình họa, trang trí ở trong đó, vì vậy yêu cầu đạt ra với đối tượng này là:

- Hiểu được sự cần thiết của các mảng, khối trong bố cục.
- Giá trị của các mảng khối.
- Phương pháp thực hiện một bài chạm nổi.

6.2. Giáo sinh đã qua một, hai bài

Hiểu được phương pháp thực hiện một bài chạm nổi thì sẽ hiểu được giá trị của học chạm nổi vì nó giúp ta nhìn ra tính trang trí - trang trí không phải chỉ có màu sắc mà còn có hình, có mảng. Nếu như điêu khắc chỉ có một màu và nhờ đậm nhạt với tác động của ánh sáng đã ra được những tác phẩm quyến rũ thì trong hội họa ứng dụng được giá trị sẽ được nhân lên gấp đôi. Vì vậy đối tượng này cần:

- Nắm được thủ pháp của phù điêu thông qua các bài chép để ứng dụng vào trang trí cũng như bố cục, nhất là đậm nhạt.
- Phải tự vận dụng và tạo ra được một bố cục chạm nổi, dù đơn giản hay phức tạp nhưng phải đạt được tính nghệ thuật.

7. Bài tập

7.1. Chọn mẫu

Khi chọn mẫu cần chú ý xem đối tượng ở trình độ nào, không phải về nặn tượng mà về trình độ vẽ. Vì trước khi tiếp cận với điêu khắc thì ai cũng phải qua một thời gian tập vẽ.

- Nếu là những giáo sinh tiếp cận lần đầu thì chọn những tấm phù điêu có hình hoa lá, chim muông hay các con vật có kích thước vừa phải trong kho tàng điêu khắc cổ Việt Nam.
- Với những giáo sinh đã qua một hai bài thì nên chọn mẫu có hình người và loại có độ dày với nhiều lớp kết hợp với sự phức tạp của bố cục để nâng trình độ tư duy cho giáo sinh.

7.2. Đặt mẫu

Một lớp học thường đông giáo sinh mà mẫu thì ít, do đó phải dùng nhiều mẫu khác nhau. Vì vậy giáo viên nên đặt ra yêu cầu của bài trước các loại mẫu khác nhau, thậm chí kể cả kích thước để đảm bảo thời gian quy định. Khác với tượng tròn là một mẫu có thể phục vụ hàng chục người ngồi vây xung quanh và mẫu được xoay tròn để mọi người vẫn đứng một chỗ có thể quan sát và nặn được cả mọi phía. Phù điêu thì không thể làm được, vì một mẫu phục vụ được tối đa là 4 người. Tốt nhất là 2 người một mẫu vì một người ngồi bên trái và một người ngồi bên phải mới quan sát được mẫu (xem hình minh họa dưới đây).

Người ngồi nặn số 1



Người ngồi nặn số 2

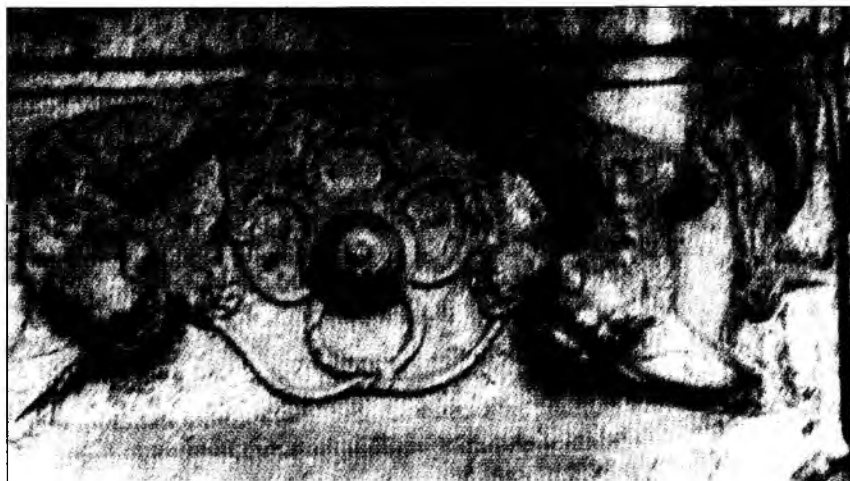
Mẫu để nặn

Đề bài: Chép phù điêu “Sư tử hí cầu”

- *Tìm hiểu về giá trị bài mẫu:*

Đây là một phù điêu bằng đá được đặt theo hành lang dọc thượng điện ở chùa Bút Tháp, xây dựng năm 1647 tại Thuận Thành, Bắc Ninh. Phù điêu gồm có hai sư tử được cách điệu đang vờn quả cầu đặt đối xứng với nhau. Mới thoạt nhìn tưởng là hai con sư tử giống hệt nhau nhưng nhìn kĩ thì thấy có sự khác nhau.

+ Trước tiên về bố cục thì tâm của quả cầu không nằm đúng giữa mà lệch sang trái một chút và phía phải của con sư tử có một khoảng trống được biểu hiện bằng hai khối trang trí của đầu dây mà sư tử đang vờn. Lưu ý khi phân tích cho học viên cần chú ý mảng thoáng này. Bởi nếu ta che đoạn trống này vào sát hai chân sư tử như con bên trái thì chúng ta thấy bố cục bị bức bối và hai con sư tử không còn sống động nữa.



Sư tử hí cầu (Đá - TK XVII) chùa Bút Tháp

+ Về tạo hình: là hai hình độc đáo, vì trong toàn bộ số lan can được diễn tả hoa lá, chim thú thì hầu hết đều dùng hình nghiêng hoặc 3/4. Riêng hình sư tử được nhìn thẳng từ trên xuống và rất rõ hoạt động của 4 chân tạo cho thân sư tử như được căng ra khi đùa vui với quả cầu. Những chi tiết được nhấn nhá đặc tả vào mặt và 4 đầu ngón chân là sự tài tình của người nghệ sĩ.

+ Về khối thì rất giản đơn. Chỉ có một lớp nền, lớp dây trang trí và 3 khối lớn là 2 con sư tử với quả cầu. Trên các khối lớn của sư tử thì có 2 khối nhỏ là thân và đầu. Trong hai khối đó mới nhìn có những chi tiết rất phức tạp nhưng phân tích và chia mảng cũng như độ cao thấp như giải thích ở trên thì lại thấy rất giản đơn.

+ Về chất liệu: Đây là tác phẩm được đục từ một tảng đá có độ dày nhất định nên người nghệ sĩ đã đơn giản các lớp và tập trung chính vào chủ đề là 2 sư tử vờn quả cầu. Với những chi tiết gọi các nét trên khối tả lông sư tử tạo cho tác phẩm thêm duyên dáng, sống động và rất thích hợp với ngôn ngữ đá.



Mùa xuân (Gò nhôm) của Nguyễn Thị Hiền



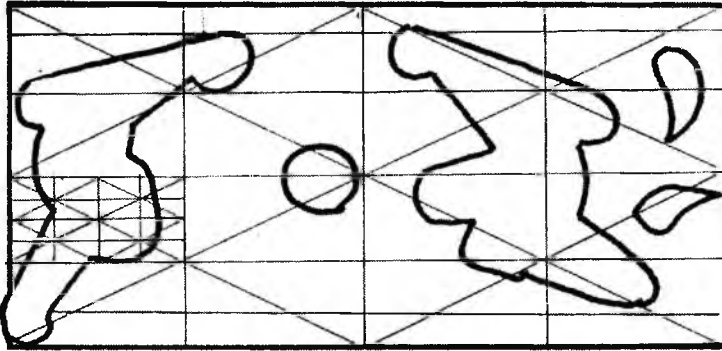
Khi giới thiệu về tìm hiểu bài mẫu thì có thể kết hợp với những phần đã nêu ở trên trong các phân tích phù điêu loại mỏng, vừa và cao... nhằm giúp cho giáo sinh có thể tự liên hệ với bài mẫu để phân tích và ứng dụng.

*Mẫu huy chương (Đồng đúc)
(tài liệu tham khảo)*

- Phương pháp cụ thể trên bài "Sư tử hí cầu":

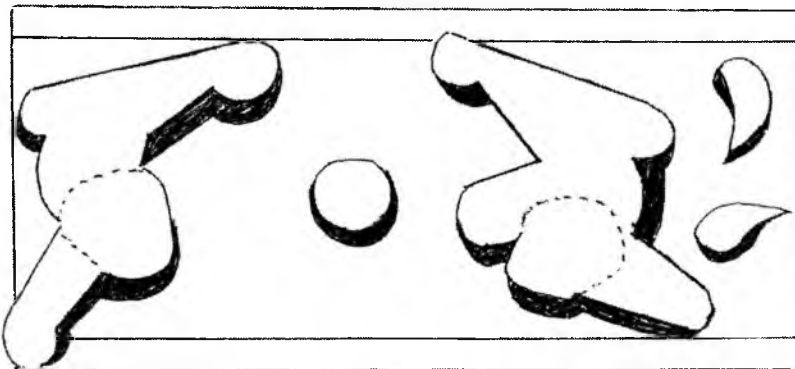
+ Kẻ ô hoặc bàn cờ để chép hình.

+ Kẻ theo bàn cờ thì những chi tiết như ở đầu lại tiếp tục kẻ theo hình bàn cờ nhỏ hơn (hình vẽ).



+ Lên khối.

Sau khi đã chép được hình đôi sư tử và những hình có độ cao tương ứng như quả cầu và đầu dây thì bắt đầu khoét lấy nền, hoặc dùng nền phẳng đã vẽ hình rồi đắp cao đuôi sư tử cũng như quả cầu và đầu dây bằng độ cao của mẫu. Cần lưu ý đây là một phù điêu bằng đá, bởi vậy phương pháp đục đá là chỉ lấy đầu từ khối cao đến thấp dần, khác với nặn thường nặn từ khối thấp lên cao dần. Do đó ta ứng dụng theo phương pháp lấy dần từ khối cao đến thấp. Làm như vậy luôn luôn lấy được toàn bộ, không bị sa đà vào chi tiết.



Trên cơ sở có khối của hình đôi sư tử, dần dần giải quyết các chi tiết lớn như khối đầu và hạ dần độ cao đến các chi tiết khác của 4 chân.

- *Yêu cầu của bài:*

- + Chép bằng mẫu tỉ lệ 1/1. Nếu không chép được cả 2 con thì có thể chép 1/2. Lấy tâm từ nửa quả cầu về mỗi phía làm một bài.
- + Đảm bảo chính xác về hình, tỉ lệ giữa các mảng trong hình có khối và các mảng trống của nền.
- + Chép được các khối và nắm được tỉ lệ cao thấp giữa các khối cũng như mối liên hệ giữa các khối với nhau.
- + Hiểu được giá trị nghệ thuật của vốn cổ.

Điều đặc biệt khi hướng dẫn giáo sinh chép mẫu là phải tạo cho giáo sinh sự thích thú tìm hiểu và làm việc chứ không phải thụ động chép một cách chiếu lệ.

*Bài tập của sinh viên
trường CDSP
Nhạc - Hoạ TW*



CHÉP ĐẦU TƯỢNG PHÁC MẪNG

1. Vai trò của tượng phác mảng trong học tập điêu khắc

Ai cũng hiểu khi học mỹ thuật thì vẽ hình hoạ là yếu tố cơ bản. Trong hình hoạ thì vẽ người là chủ đạo. Trước khi tiếp cận vẽ toàn thân thì bao giờ cũng phải học vẽ chân dung để tìm hiểu những đặc tính của phương pháp vẽ hình hoạ, dù là bằng bút chì hay bằng than hoặc các vật liệu khác..., đều phải lấy gốc là tỉ lệ làm cơ bản. Trong điêu khắc cũng vậy, khi nặn chân dung thì tỉ lệ luôn luôn được các giảng viên nhắc nhở. Hiểu tỉ lệ đơn giản là các khoảng cách của cấu trúc đầu người hay giữa khối này với khối kia, giữa mảng này với mảng nọ. Tuy vậy trong một bài chân dung, khi vẽ hay nặn cần phải giải quyết nhiều vấn đề có liên quan đến nhau.



*Tượng Tuyết sơn (Gỗ)
chùa Tây Phương*

1.1. Tại sao lại phải học nặn chân dung?

Trong cơ thể con người, đầu là bộ phận quan trọng về cấu trúc và hình khối. Đầu người là một hình khối phức tạp, là sự tổng hợp hài hoà nhiều loại khối cơ bản. Những khối nhỏ nằm trong những khối lớn và hoà quyện uyển chuyển giúp cho chân dung người thành một khối hoàn chỉnh về cấu trúc và đẹp về thẩm mỹ. Việc tiếp cận được với chân dung sẽ giúp ta vẽ hoặc nặn toàn thân, do đó người ta thường lấy đầu để làm thước đo cho toàn thân. Ví dụ người đứng thì bằng 7 đầu, ngồi thì bằng từ 5 đầu đến hơn 5 đầu một chút... Đó là chuẩn mực để kiểm tra khi vẽ hay nặn.

Chân dung còn biểu hiện đặc điểm giữa người này với người kia. Dù tất cả những bộ phận trên chân dung ai cũng giống ai nhưng mỗi người đều có những nét riêng ở những chi tiết như khuôn mặt, mắt, mũi, miệng ... mà tạo hoá đã sinh ra để không nhầm giữa ông A với ông B.

Nét mặt của con người còn biểu hiện các trạng thái và tâm sinh lí ở mọi góc độ như vui, buồn, cáu giận... Nói như thế để thấy, chỉ cần nặn được chân dung tốt thì ta đã học được bao điều thú vị.



1.2. Học tượng phác mảng có lợi gì?

Đây là đầu tượng mà nhà điêu khắc quá cố Nguyễn Phước Sanh đã nặn. Ông là người nặn cơ bản rất chuẩn mực, đồng thời cũng là một nhà giáo có uy tín và nhiều kinh nghiệm.

Để giúp cho giáo sinh về phương pháp học tập và nhanh chóng nhận ra cấu trúc của đầu người, ông đã đơn giản hoá từ một chân dung, nặn chân phương thành tượng phác mảng làm giáo cụ trực quan khi hướng dẫn sinh viên năm thứ nhất.

Nhìn vào tượng thấy ông sắp xếp những mảng phẳng nằm cạnh nhau được phân ra rất khúc triết nhưng vẫn đảm bảo cấu trúc của khối đầu người và giữ trọn vẹn hình quả trứng. Như ta biết, đường tròn là những đoạn thẳng ghép lại, vì vậy hình khối ta cũng có thể ứng dụng khối tròn là do nhiều mảng phẳng ghép lại với đa chiều. Nhờ sự phân tích này ta dễ nhận ra các điểm cao nhất của khối khi có tác động của ánh sáng. Bởi thông thường độ đậm đều nằm cạnh vệt sáng nhất của khối. Trong một khối có nhiều mảng phẳng được phân chia như trên, chúng ta sẽ dễ nhận ra mảng nào là mảng đậm nhất trong toàn bộ cấu trúc của đầu phác mảng.



*Tượng phác mảng
của Nguyễn Phước Sanh*



*Chân dung Đa-vít
của Mi-ken-lăng*

Sự đơn giản khối bằng các mảng đã giúp ta nhanh chóng tiếp cận được với sự phức tạp của chân dung người, và cũng dễ nhận ra được việc phải làm là: nhận thức được từ phức tạp ra giản đơn và từ giản đơn đến phức tạp, hợp lí đúng như sự vật vốn có. Nhưng nắm được phương pháp để tạo cho mình một cách tư duy mới là điều quan trọng. Nó sẽ giải mã mọi ẩn số về cấu trúc của con người.

Nói đến nghệ thuật thì không thể dùng khoa học thay thế được, mà khoa học chỉ giúp người ta nhanh chóng tiếp cận và hiểu sự vật đúng như vốn có của nó. Nhưng để làm được đẹp và có hồn phải có xúc cảm và sự sáng tạo của người làm. Muốn có xúc cảm thì người làm phải có tâm. Một cái tâm đầy yêu thương, quý trọng mọi sự vật chính là điều tâm niệm cả cuộc đời của người nghệ sĩ.

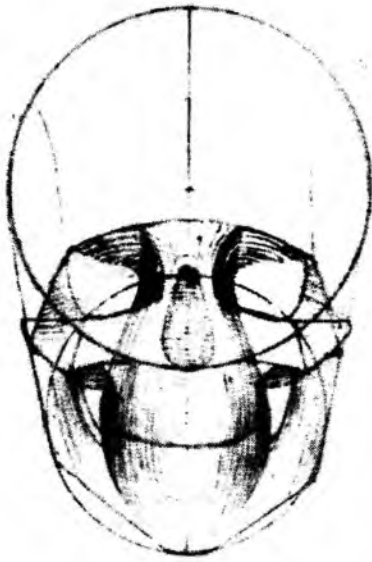
2. Cấu tạo của đầu người

Trước khi đi vào nặn chân dung phác mảng, ta cần phải hiểu cấu trúc của đầu gồm có những gì. Bởi mọi sự diễn biến trên mặt người đều có nguyên do và có sự tác động của giải phẫu học.

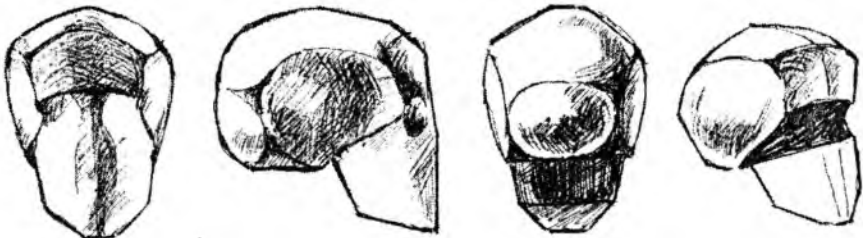
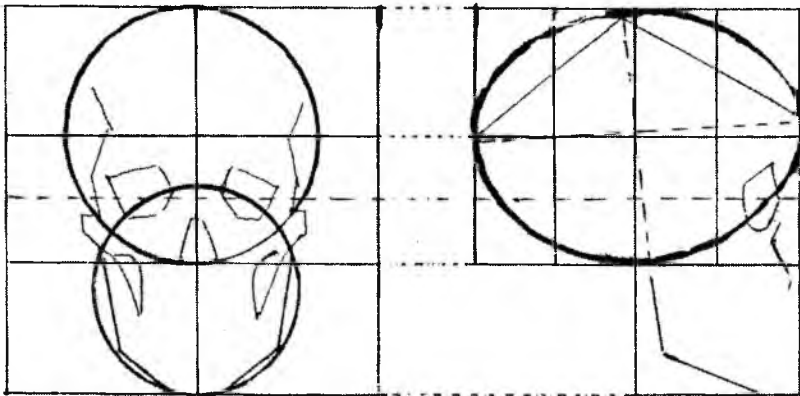
2.1. Xương sọ

Nói đến cấu trúc đầu người thì trước tiên phải kể đến xương sọ. Nó là cái khung để tạo ra những nét khác biệt giữa người nam và nữ, giữa người lớn với trẻ con và người này với người khác. Vì thế các nhà khoa học chỉ căn cứ vào những xương sọ của người vượn cổ đã tạo ra được chân dung người vượn ở các vùng khác nhau trên thế giới, đồng thời giúp chúng ta biết khoảng cách giữa con người văn minh với con người tiền sử. Để giúp chúng ta tìm hiểu vài đặc điểm của hộp sọ khi làm bài, học viên cần chú ý:

- Hộp sọ của nam giới thường lớn gấp hai xương mặt, xương hàm to, khỏe nên tạo khuôn mặt nam giới có nhiều chỗ lồi lõm rõ rệt.
- Hộp sọ của nữ giới nhỏ, xương hàm bé, biểu hiện má nhỏ, cằm nhỏ, ít có độ lồi lõm nên thường là mặt tròn.
- Hộp sọ của trẻ em do phát triển chưa đầy đủ, nhất là xương mặt nên tỉ lệ giữa mặt và xương hộp sọ chênh lệch rất nhiều tùy theo lứa tuổi. Biểu hiện rõ nhất là càng ít tuổi thì hộp sọ càng lớn so với xương mặt.



Tuy vậy, hộp sọ của nam, nữ hay trẻ nhỏ đều có một cấu trúc chung mà ta có thể quy nạp, đó là hình ô van hay quả trứng.



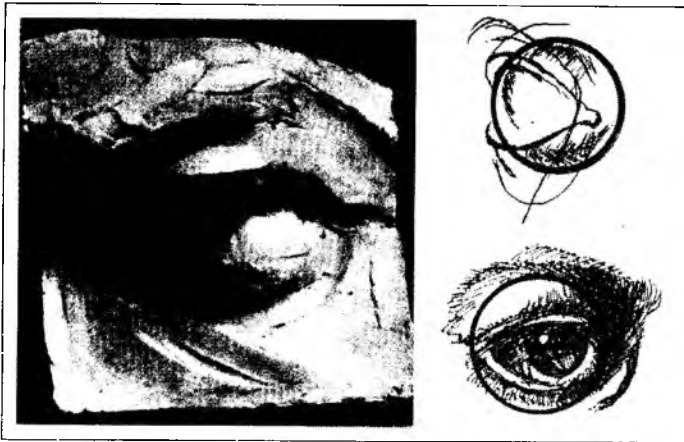
Hình vẽ trên đây sẽ giúp chúng ta dễ nhận ra đặc điểm cấu trúc và những tỉ lệ cần nhớ. Cụ thể là nếu sọ nhìn thẳng thì có hai hình tròn lồng ghép vào nhau trong một ô vuông. Cấu trúc hình tròn to là sọ, còn hình tròn nhỏ là xương mặt, nối hai hình tròn đó với nhau nó tương ứng với hình quả trứng.

Tuy vậy trên thực tế, khi nhìn ở các góc độ 2/3 hoặc 3/4 của sọ nó vẫn giữ được nét cấu trúc đó. Hình vẽ sọ theo các khối đơn giản trên đây giúp học viên tham khảo và giảng viên có thể vẽ các khối trên lên bảng để khi nhận giáo sinh dễ liên hệ giữa cấu trúc với bài làm thực tế.

2.2. Cấu tạo các bộ phận chi tiết và các cơ trên mặt

Để có một tạo hình chi tiết cho khuôn mặt, trước tiên phải tìm hiểu những bộ phận cấu thành của khuôn mặt, đó là các giác quan.

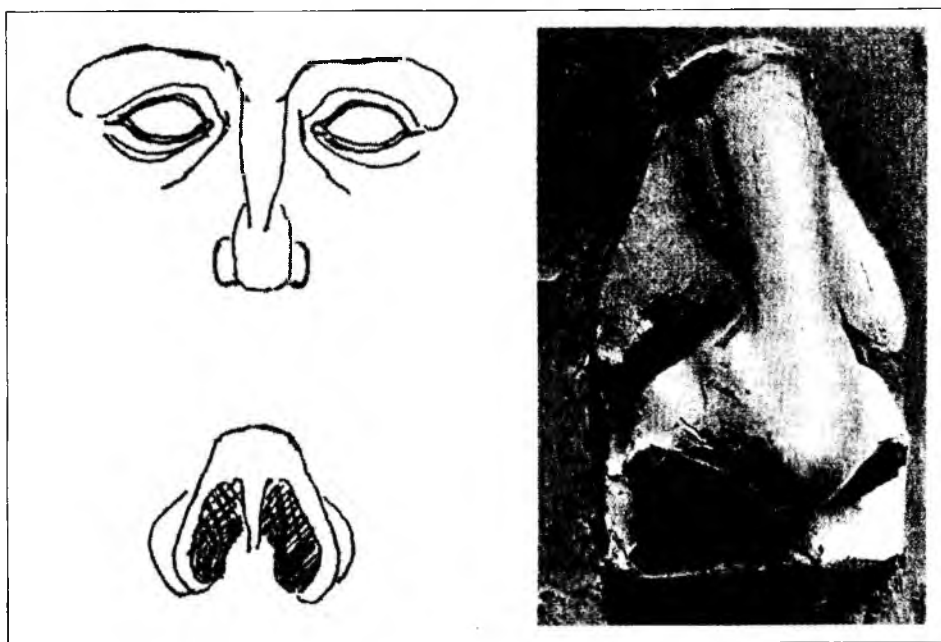
- **Mắt.** Đặc điểm của mắt là hai khối có thể tự xoay trong hố mắt, vì vậy mắt có thể đưa qua phải hay qua trái và còn có những biểu hiện khác như mở mắt hoặc nhắm mắt... Nhờ là hình khối cầu nên dù ở trạng thái nào thì nó vẫn giữ nguyên là hình cầu. Nắm được đặc điểm như vậy để tránh nhìn theo vị trí đậm nhạt như con người màu đen, lông mày màu đậm... hoặc hoá trang nên mắt cảm giác về khối cơ bản mà tưởng đó là đậm nhạt do khối tạo nên.



Mắt nằm đúng ở vị trí giữa mặt (xem hình vẽ sọ tr.119), mỗi mắt chiếm 1/3 chiều ngang của mặt tính từ đuôi mắt bên này tới đuôi mắt bên kia. Mắt luôn gắn liền với trục ngang, nằm theo hình vòng cung của mặt, vì vậy bao giờ đuôi mắt cũng nằm lui vào phía trong (xem minh hoạ cấu trúc sọ).

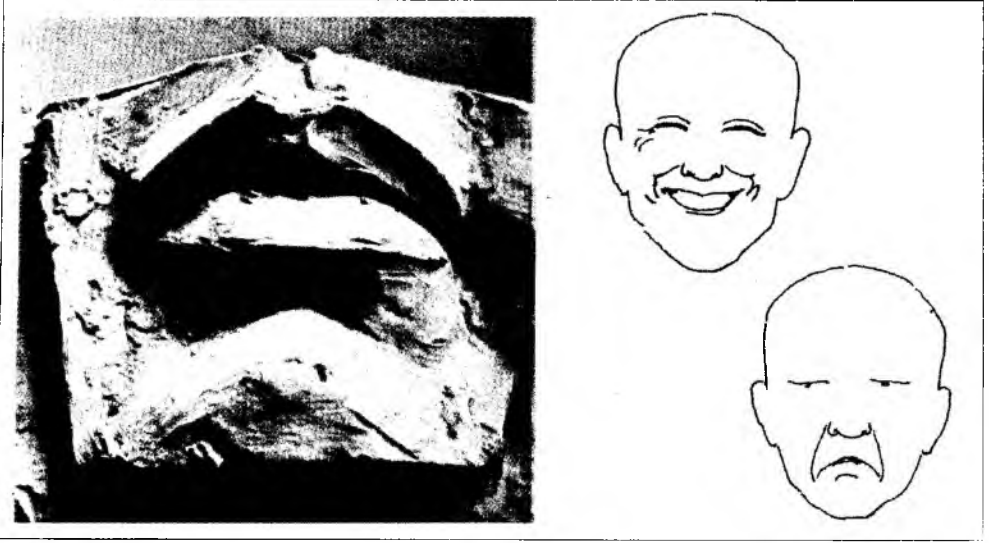
Mắt nam giới và nữ giới tuy bằng nhau nhưng vì cấu trúc của sọ nam to hơn sọ nữ nên tưởng mắt phụ nữ to. Tuy vậy trên thực tế thì có người mắt híp, có người mắt ti hí, có người mắt ốc nhồi. Tất cả những cái đó đều nằm ở biểu hiện bên ngoài và do các cơ điều khiển chứ bản thân khối cầu không thay đổi.

- **Mũi.** Trên bình diện của mặt thì mũi nổi trội lên cao hẳn. Mũi chủ yếu được cấu tạo bằng sụn. Dù là mũi thẳng hay mũi tẹt với nhiều tên gọi khác nhau như mũi điều hâu, mũi nhòm mồm... là những đặc điểm mà người ta quy nạp để xem tướng, nhưng nhờ đó chúng ta cũng dễ nhận ra đặc điểm của từng người. Sống mũi là nơi tiếp giáp với trán và sự chuyển khối rất tế nhị với mắt. Những người đẹp thường có tỉ lệ của mũi rất hài hoà với khuôn mặt.



Khối mũi là một khối có hình tương ứng lớn với 3 cạnh nằm nổi trên hình mặt, vì vậy khi nặn hay vẽ phải chú ý đến tính liên tục của cánh mũi bên này với cánh mũi bên kia. Tỉ lệ của mũi thường chiếm 1/3 tính từ cằm đến hết trán (không kể tóc), cụ thể ba phần bằng nhau gồm: từ cằm đến chân mũi; từ chân mũi đến lông mày; từ lông mày đến hết trán.

- **Miệng.** Miệng là một đặc điểm thường dễ nhận ra nét riêng của từng người, có người miệng nhỏ, người miệng rộng ... và biểu hiện trực tiếp là đôi môi.

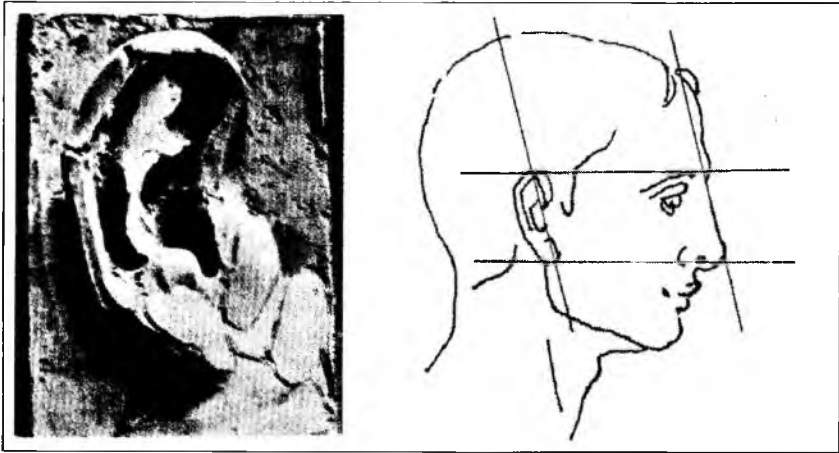


Cấu trúc của miệng nằm trong xương mặt và không thể tách rời bộ răng giúp sự tạo hình khối cho miệng cũng như tạo đặc điểm của từng người. Tuy là có môi trên và môi dưới nhưng nó lại là một khối thống nhất được tạo hình liên tục và uyển chuyển. Khi nặn nên lưu ý đừng bị nét hằn sâu và đậm của đường kẻ giữa hai khối môi mà làm mất tính liên tục và sự chuyển tiếp giữa môi trên và môi dưới. Cũng như mắt, miệng là bộ phận biểu hiện tình cảm trên khuôn mặt. Mọi chuyển động của miệng đều gắn liền với chuyển động chung của các bộ phận trên mặt. Cần lưu ý là các trạng thái của con người khi biểu hiện trên nét mặt thì bộc lộ chính là ở vùng mắt và vùng miệng. Sự thay đổi của các trạng thái như cười, vui, buồn, khóc đều biểu hiện rõ nhất trên mắt và miệng.

Khối miệng cũng là đặc điểm lớn của cấu trúc người già, thanh niên và trẻ em. Vì vậy khi nặn miệng luôn phải gắn liền với xương hàm cũng như hai bên gò má. Toàn bộ phần thay đổi của nét mặt đều gắn phần lớn với phần mặt, nhất là các phần cơ sẽ được giới thiệu ở phần sau.

- **Tai.** Là một bộ phận nằm trong các khối ở đầu. Tuy nó chỉ là hai khối sụn được gắn vào hai bên thái dương nhưng không phải vì thế mà nó tách ra

khối cấu trúc đầu người. Khi nặn chú ý đặt hai tai ở hai vị của hai bên thái dương phải chuẩn. Để dễ liên tưởng cho sự cân xứng là đưa một vật xuyên từ lỗ tai bên này thông sang lỗ tai bên kia thành một đường thẳng. Chính nhờ có khối của hai tai mà khi nặn dễ nhận xét hai khối má hai bên có cân nhau không.



Vành tai của mỗi người đều có hình dạng khác nhau. Đây cũng coi là một trong những đặc điểm để nhận dạng.

Tai nằm ở vị trí phía trên của xương quai hàm, nằm ngang với lông mày và chân mũi, được đặt song song với sống mũi.

Mọi sự thay đổi trên trạng thái của nét mặt đều không làm tai có sự thay đổi. Đó là do tai không có các cơ liên quan đến cơ mặt, thậm chí đến cả xương sọ.

Ngoài ra, khi nặn đầu người có một bộ phận không thể thiếu được, đó là râu và tóc. Tuy chỉ là sự gắn kết vào cơ thể và người ta có thể cắt bỏ mà không ảnh hưởng đến sự sống nhưng nó lại chi phối đến tính thẩm mỹ rất nhiều. Bộ tóc góp phần không nhỏ trong việc làm đẹp cho phụ nữ, và bộ râu làm cho người già đẹp lão. Tuy nhiên, khi nặn không thể nhìn theo mẫu đen hoặc từng sợi tóc được liên kết mà phải nhìn nó bằng một khối được ôm vào sọ hoặc bọc lấy khối miệng (râu). Nếu không có hiểu biết về cấu trúc và xử lý khéo thì tóc sẽ làm cho đầu nặng thêm hoặc râu sẽ làm mất phần miệng và cằm. Chúng ta đã được xem tượng Các Mác. Râu tóc

chiếm gần hết khuôn mặt nhưng vẫn giữ được cấu trúc về giải phẫu cũng như vẻ đẹp của râu tóc.

Các cơ trên mặt là những phần tạo cho khuôn mặt sự khác nhau giữa người trẻ và người già, bởi các cơ được căng đầy với người trẻ làm cho mặt người trẻ tròn trĩnh, còn khi già các cơ bị lão hoá và teo đi tạo cho mặt người hốc hác, thậm chí có những chỗ cơ teo đến mức không còn gì và lộ rõ hẳn cả phần xương. Trên mặt có rất nhiều cơ và mỗi cơ đều có một vị trí đặc biệt để tạo ra những trạng thái biểu hiện khác nhau như cười, khóc, giận dữ... Vì ở đây không có điều kiện để giảng về giải phẫu học một cách chi tiết nên chúng ta tạm bằng lòng với hình vẽ có tính minh hoạ.



2.3. Các loại chân dung

Để giúp các giáo sinh mở rộng khái niệm tượng chân dung, cần phân biệt:

Chân dung nặn theo mẫu một con người cụ thể là ông A hay ông B hoặc một nhân vật anh hùng nào đó. Trước tiên là phải giống nhân vật về cấu trúc và thần thái, lột tả được tính cách và đặc điểm của nhân vật đó dù nặn trực tiếp hoặc nặn theo ảnh. Nó cần phải mang tính hiện thực.

Chân dung nặn theo sự tưởng tượng hoặc quy nạp vào một tính cách nào đó của nhân vật. Đó là các loại chân dung tượng thần thánh, những con

người, nhân vật chỉ ghi lại trong sử sách bằng miêu tả và không có ảnh chụp hoặc mẫu cụ thể. Vì vậy các cụ ta xưa thường quy cho mặt vua, ngọc hoàng, Phật là mặt chữ dưng đại diện cho người hiền. Các loại hộ pháp hoặc những nhân vật võ tướng mặt chữ điền (vuông) và những nhân vật người hầu, người xu nịnh mặt chữ tiểu. Tuy vậy vẫn giữ theo phong cách tả thực.

Chân dung mang nặng đặc điểm về cấu trúc, tâm lí. Đây là loại hình có nhiều chất hài hước, vui vui mang chất biếm hoạ (caricature), nó được đẩy tới mức cường điệu của nhân vật đó như mũi to, cằm lẹm... Loại chân dung này người ta sử dụng cấu trúc giải phẫu như là một phương tiện chuyển tải ý đồ biểu hiện của tác giả. Nó không giống về cấu trúc nhưng rất giống về đặc điểm (chân dung minh hoạ Hoàng Tích Chù, Tuyết Sơn, Nguyễn Tuân của Diệp Minh Châu).



*Chân dung nhà văn Sơn Nam
(Đồng) của Trần Thanh Nam*



*Chân dung nhà văn Nguyễn Tuân (Đồng)
của Diệp Minh Châu*

3. Mối quan hệ giữa hình hoạ và tượng chân dung phác mảng

Như ở phần đầu của chương 4 đã giới thiệu về vai trò của tượng phác mảng trong học điêu khắc. Vậy mục đích nặn chân dung phác mảng giúp cho người vẽ hình hoạ điều gì? Đó là tỉ lệ và bóng. Đánh bóng trong hình hoạ là tạo khối trên mặt phẳng, các độ đậm nhạt khác nhau trên tờ giấy trắng sẽ tạo ra khối. Các khối trên bài vẽ hình hoạ không phải là các hình kỉ hà mà là sự uốn chuyển liên tục của khối cơ bắp theo những hình cầu, có chỗ đơn giản, có chỗ phức tạp. Khối hình cầu khi nhận được ánh sáng tác động sẽ tạo ra độ đậm nhạt trên chân dung.



*Nghệ sĩ Nguyễn Diên (Tổng hợp)
của Lương Xuân Thanh*

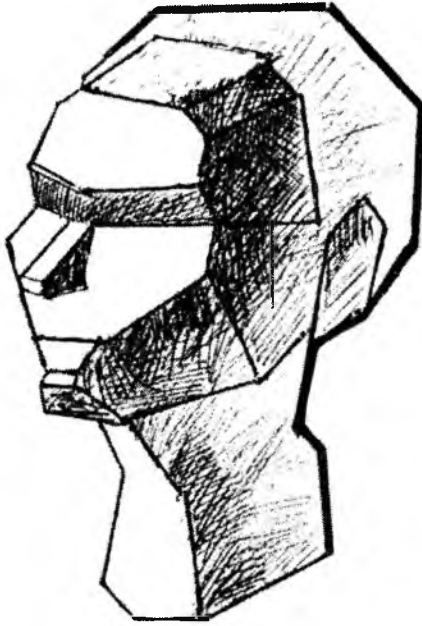
- Chân dung phác mảng là khối đã đơn giản hoá và quy nạp cấu trúc con người vào những khối cụ thể. Khi nhìn sự vật rất phức tạp như chân dung con người gồm biết bao bộ phận cấu thành như mắt, mũi, miệng, người ta đã quy nạp vào hai khối tròn ghép lồng vào nhau và khi nhìn tổng thể nó là hình quả trứng.

Với ánh sáng chiếu vào, người vẽ sẽ nhận ra độ đậm nằm ở vị trí nào, và những độ đậm chi tiết được dàn trải trên những mảng lớn đã phác khi vẽ hình bằng nét. Ví dụ như các mảng ở khối trán của hình vẽ cho ta thấy những mảng to, nhỏ đã phân chia thành khối bán cầu của sọ.



- Điều quan trọng nhất của người mới tiếp cận học vẽ là khi nhận xét và phân chia một khối bán cầu bằng nhiều mặt phẳng ghép lại. Một khối bán cầu không đều nhau như hình vẽ khối tròn ở trên mà đứng ở các góc nhìn khác nhau thì người học phải tự tìm hiểu. Nhờ có tượng phác mảng do nhà điêu khắc đã tìm và tạo thành tượng thì người vẽ đứng ở góc nào cũng chia được các mảng trong khối đó. Từ cách xử lí trên tượng, khi nặn hoặc vẽ mẫu người thật, người học có thể ứng dụng theo cách giải quyết trên vào cấu trúc của người khác mà không phải là tượng phác mảng trước mắt mình nữa. Vì vậy vẽ hình hoạ chân dung hay toàn thân thường được giáo viên hướng dẫn phác bằng những đường thẳng khoẻ khoắn và dứt khoát. Đó cũng là cách ứng dụng tốt nhất từ chếp đầu tượng phác mảng sang vẽ hình hoạ.

- Để phân biệt và tạo được khối khi vẽ thì phía nhận ánh sáng là trắng và phía không có ánh sáng trực tiếp thì đen. Tuy vậy, với khối cầu thì phía không tiếp nhận được ánh sáng sẽ không đen đều một màu mà nó có sự chuyển ngược lại bởi phản quang của nền sáng bên trong phía tối. Vì vậy những mảng nằm cạnh mảng sáng sẽ đậm hơn (xem hình vẽ)



Độ sáng phản quang của nền

Quan sát theo sự lí giải trên giúp cho người học hiểu được giá trị của việc phân mảng trong các khối hình cầu và việc chia được các mảng trên hình cầu giúp giáo sinh dễ tiếp cận với các khối phức tạp, đan xen chồng chéo lên nhau như chân dung con người.

4. Cách tiến hành bài tập

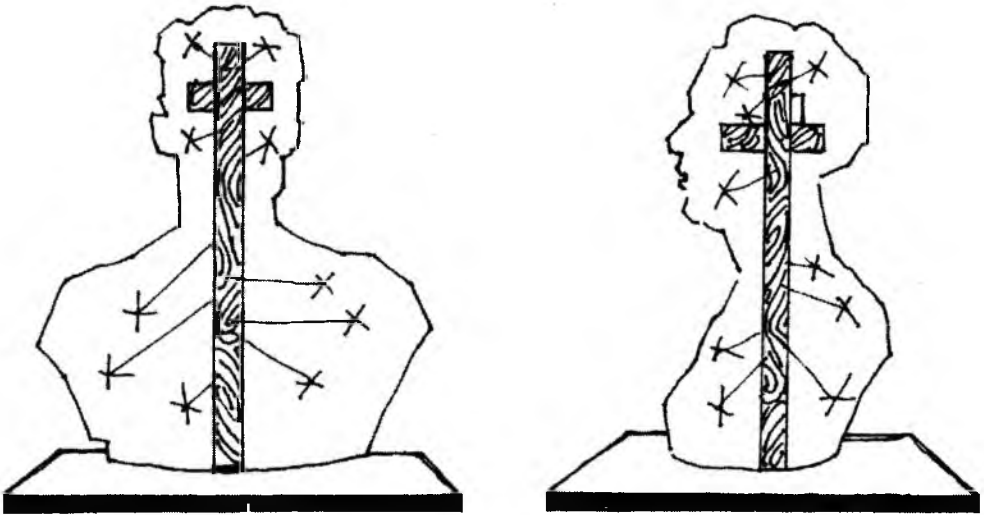
Trước khi vào bài tập cụ thể, giảng viên cần giúp giáo sinh chuẩn bị các phương tiện để thực hiện bài tập, đặc biệt là nơi làm việc, phải đảm bảo có độ sáng nhất định, có phòng rộng thích ứng để có thể lùi xa quan sát mẫu cũng như bài nặn.

Để bài nặn theo đúng phương pháp, giảng viên cần lưu ý giáo sinh chuẩn bị:

4.1. Cốt và bướm

Cốt tượng chân dung là một cây gỗ vuông, mỗi cạnh khoảng 4cm, cao 40cm, được đóng chặt vào mặt ván gỗ có kích thước 40cm x 40cm. Cốt tượng nhằm đỡ cho đầu tượng khi đắp đất vẫn đứng thẳng như ý muốn, đồng thời tránh bị nghiêng hoặc bị lật đổ. Để đất có độ bám chắc vào cốt thì phải có những bướm bám xung quanh cốt gỗ và giữ cho đất bám chắc hơn vào cốt. Bướm là những thanh tre nhỏ dài độ 3cm buộc chéo nhau theo hình dấu X bằng loại dây thép nhỏ 1li hoặc nhỏ hơn. Phía đầu còn lại của dây thép dài khoảng 10 đến 15cm để buộc bám vào cốt gỗ. Khi quan sát mẫu tượng và ước đoán đất chỗ nào sát cốt thì buộc bướm ngăn lại, chỗ nào đất dày thì nối dài bướm ra một chút mới giữ đất được.

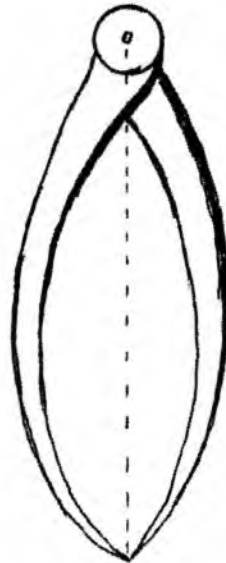
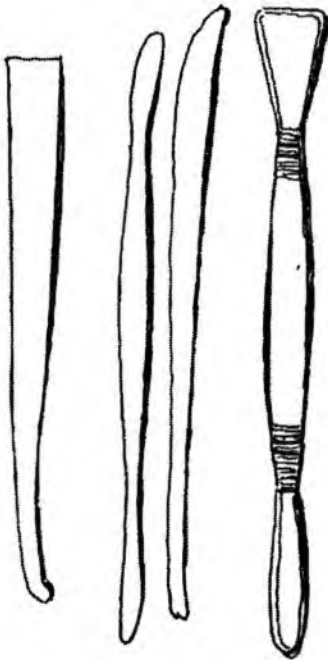
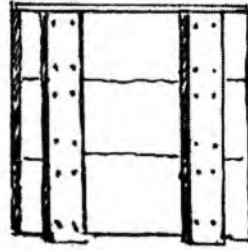
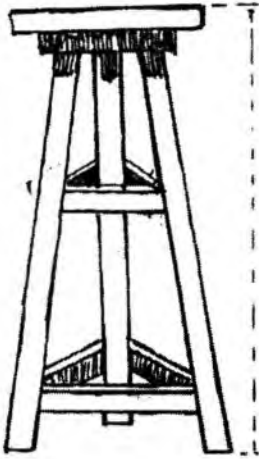
Mục đích cốt và bướm là giữ đất không bị sụt hoặc bị tả ra mỗi khi tưới nước bảo quản.



4.2. Dụng cụ nặn

Dụng cụ nặn gồm có giá nặn, com pa, dây dọi và bay, nạo.

Những dụng cụ trên kích thước to bé phụ thuộc vào mẫu tượng khi làm. Tượng càng lớn thì dụng cụ phải lớn theo, tuy vậy vẫn phải cầm vừa tay.



4.3. Cách nặn tượng chân dung phác mảng

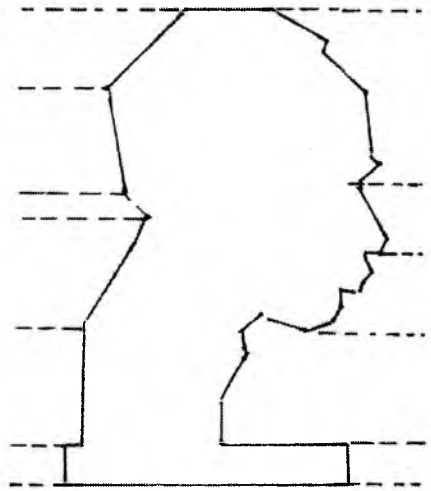
Nếu có thể, nên cho giáo sinh được xem tượng sọ, tượng đầu lột da trước khi lên đất để người nặn dễ tưởng tượng những phần cấu trúc bên trong và ứng dụng khi làm bài.

4.3.1. Quan sát, nhận xét mẫu

Trên thực tế, khối mặt của người không có những mảng phẳng, nhưng nhờ nhà điêu khắc căn cứ trên đặc điểm của người mẫu kết hợp với sự hiểu biết về cơ thể học để tạo nên các mảng.

Mẫu tượng phác mảng là một chân dung ông già có khối trán rộng lộ rõ phần lớn sọ và tóc sát vào sọ, đầu hơi đưa ra phía trước. Vì vậy trước khi lên đất cần phải đo và dọi.

Đầu tiên dùng compa đo từ đỉnh đầu tới bệ (theo chiều cao), từ cằm đến đỉnh đầu và từ cằm xuống bệ để có hai phần rõ rệt là đầu và cổ.



Khi đắp đất cần xác định cốt với chiều nghiêng của tượng để tránh tình trạng lồi cốt. Vì vậy phải dọi để đặt cốt vào đúng tâm của tượng theo phía trước và chiều nghiêng theo cổ... Để nhớ vị trí quả dọi với cốt gỗ, ta nên đánh dấu trên bàn nặn tâm của cốt gỗ theo chiều nghiêng và phía trước, phòng khi đất che kín cốt ta vẫn nhớ được vị trí của cốt tượng và quá trình sửa chữa đắp đất sẽ không bị lệch, hoặc lồi cốt hay bị nghiêng tượng vì bên nhiều đất, bên ít đất.

4.3.2. Lên đất

Khi đắp đất phải đắp từ dưới lên, mục đích để khi đắp lên phần đầu tượng không bị lật. Cần đập kĩ ở dưới để đất có độ bám chắc vào cốt và mặt bàn. Đắp đất đến đâu thì lựa bướm theo chiều phình của khối và đặt chéo (xem hình vẽ) để bướm giữ được đất. Cần chú ý không được đắp đất quá nát vào bên trong và đất cứng ở ngoài mà phải làm ngược lại, đất cứng vào trong, đất dẻo ra ngoài.

Sau khi đã đắp được phần đầu theo hình quả trứng và các phần cổ, bệ tượng xong, ta cần đo lại các khoảng cách cần thiết như:

- Từ đỉnh đầu đến chân mày;
- Từ chân mày đến mũi;
- Từ mũi đến chân cằm.

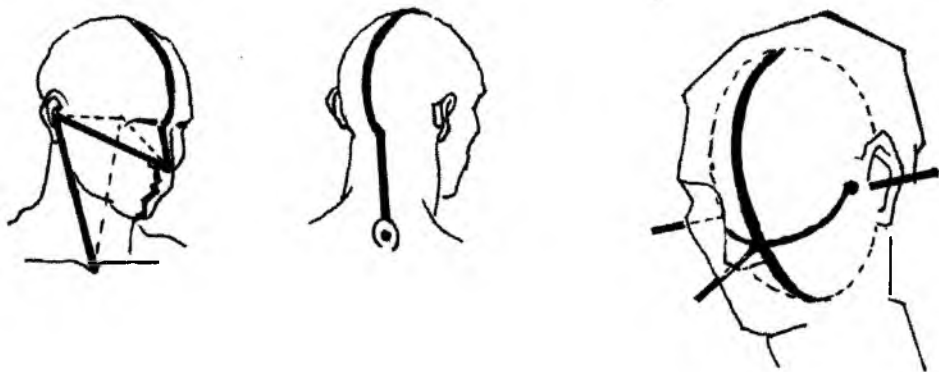
Thậm chí có thể đo chi tiết hơn như từ chân mày đến mắt và từ mũi đến miệng. Sau khi đo từng đoạn xong và cắm que để đánh dấu thì nên đo lại các phần như từ miệng đến mắt, từ cằm đến chân mày... tùy theo cách tính và quan sát đặc điểm của từng người mẫu khác nhau.

Đặc biệt, cần xác định vị trí của hai lỗ tai để lấy đó làm chuẩn kiểm tra từ tai ra phía trước như gò má, mũi, miệng và phía sau từ lỗ tai đến ót và sau gáy.

Phía trước cần đo các vị trí của hai mắt và khoảng cách giữa hai mắt, độ rộng của cánh mũi, miệng.

Nặng tượng phác mảng ta để đo theo các cạnh và những điểm cao của hai cạnh tiếp giáp làm chuẩn. Luôn luôn phải nhận xét, so sánh các mảng với nhau và hướng của các mảng đó.

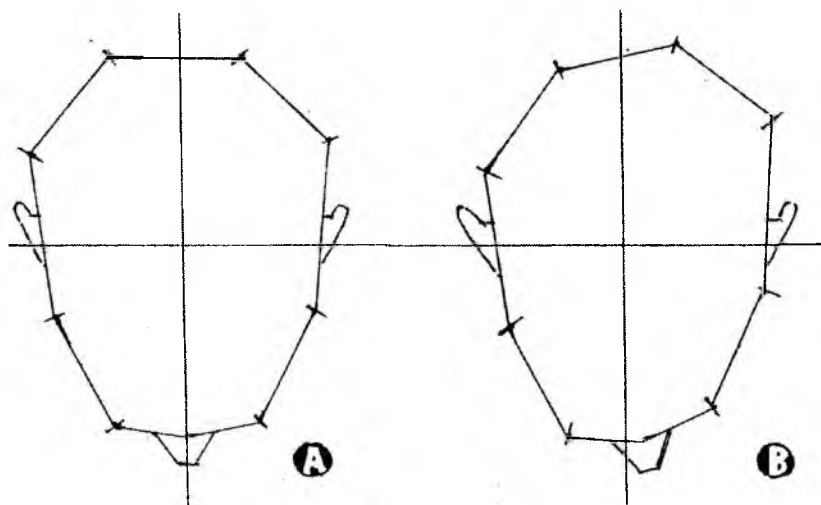
Quay các chiều của tượng để kiểm tra sự liên kết của các khối, đồng thời nghiên cứu sự chuyển khối.



4.3.3. Chỉnh khối tổng thể và hoàn thiện bài

Việc kết hợp vừa hoàn thiện bài vừa chỉnh khối là việc đồng hành, không thể tách rời nhau khi hoàn thiện bài trên tượng phác mảng. Đó là kiểm tra

các mảng và tỉ lệ của đoạn thẳng nối tiếp nhau thành một khối tròn có bị méo không. Dù các cạnh có bằng nhau nhưng khác tuyến cũng sẽ không hiệu quả. Vì vậy luôn luôn tưởng tượng ra hình cắt lớp để kiểm tra (xem hình vẽ dưới các đoạn thẳng nếu nhìn ngang vẫn bằng nhau khi đo nhưng nhìn theo khối thì bị méo (hình B).



Khi hoàn thiện phải luôn chú ý đến vị trí của mắt, mũi, miệng, tai.... Những vị trí đó cũng như khối chỉ hơi lệch, hoặc bên vào, hoặc bên ra sẽ gây méo khối. Vì vậy luôn phải dùng cảm giác để biết hoặc phán đoán sự méo vẹo ấy để chỉnh sửa. Khi sửa phải cân nhắc giữa bên cao với bên thấp, lấy bớt bên cao hay đắp thêm bên thấp, bên nào đúng mới làm. Đó là điều cần lưu ý khi giăng viên sửa bài hoặc chỉnh lại cũng như nhắc nhở học viên.

5. Yêu cầu cần đạt

- Chép được dấu tượng phác mảng đúng với tỉ lệ 1/1.
- Thể hiện được hình khối cơ bản giống mẫu ở mọi mặt như tỉ lệ hình khối, đặc điểm của mẫu.
- Hiểu được vẻ đẹp của các khối cơ bản cũng như cấu trúc.
- Có sự liên hệ để vẽ hình hoạ được tốt và ứng dụng vào các bài khác.



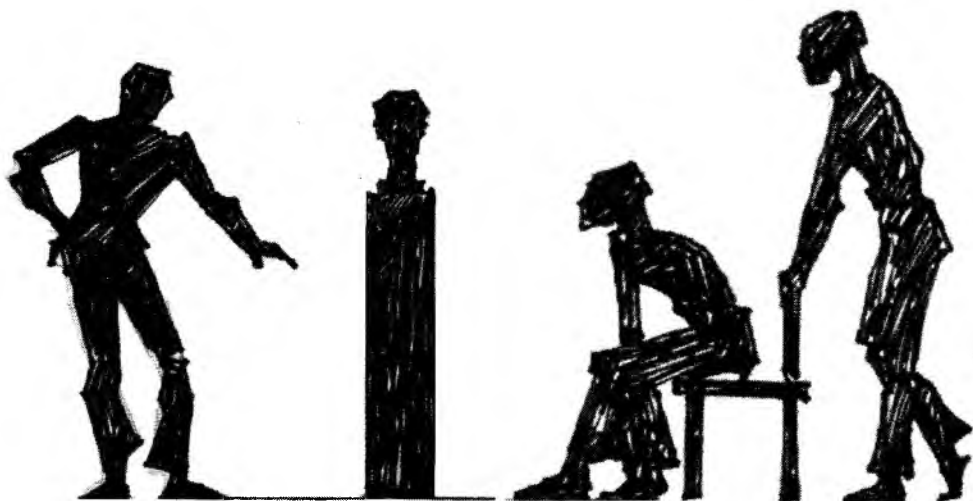
*Cô gái (Đất nung)
của Nguyễn Xuân Thành*

Trong quá trình học, do chưa nhận thức được giá trị của việc nặn chân dung phác mảng nói riêng và điêu khắc nói chung nên giáo sinh thường không thích thú, phấn khởi thực hiện bài tập. Vì vậy giáo sinh cần tự giác và đặt câu hỏi vì sao phải học môn này hay bài này, tác dụng của nó thế nào? Nếu không có tác dụng thì tại sao chương trình lại có... Những câu hỏi đó sẽ giúp giáo sinh hiểu và tìm ra phương pháp tối ưu để tiếp nhận kiến thức.

Trong học tập không nên thụ động theo kiểu nhìn sao chép vậy, chiếu lệ cho xong một bài học. Bởi không phải như vẽ, chỉ cần một tờ giấy với màu ngòi dầu vẽ cũng được. Học điêu khắc cần phải có những điều kiện nhất định như đất, giá nặn... mà tự mình không thể tạo ra được. Vì vậy giáo sinh cần tranh thủ sự hỗ trợ của nhà trường để giúp thêm hiểu biết cho bản thân và cho nghề nghiệp. Hơn nữa, lĩnh vực kiến thức này không thể chỉ xem và đọc nhiều sự phân tích của sách mà giúp ta có thể khai thác cũng như am hiểu các tác phẩm điêu khắc hay cảm thụ tác phẩm điêu khắc. Tập nặn cũng là một yếu tố giúp ta hiểu nó nhanh hơn và sâu sắc hơn.

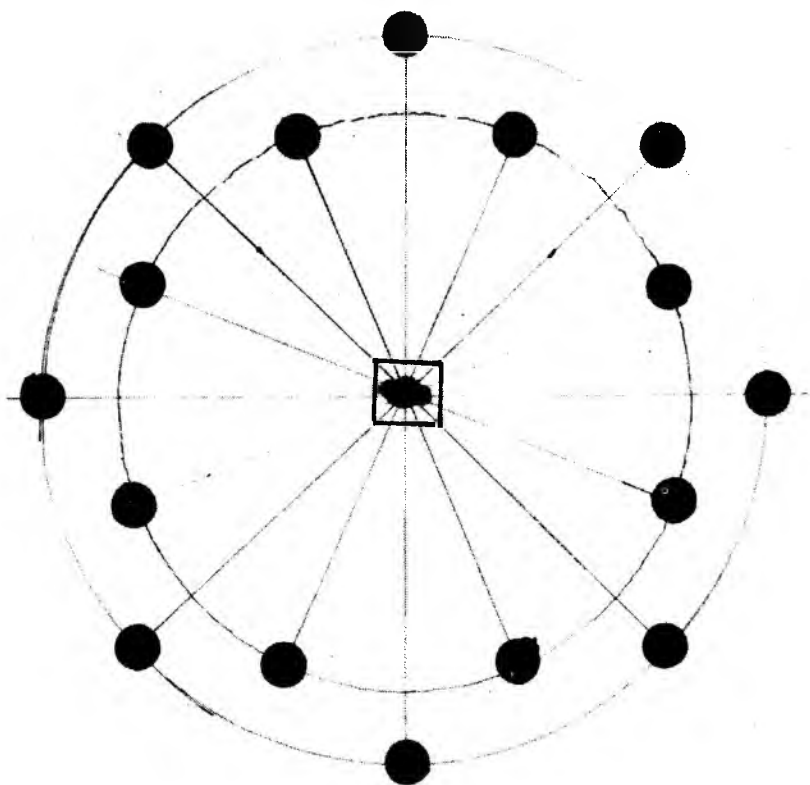
6. Tổ chức lớp chép đầu tượng phác mảng bằng mẫu thật

Lớp học cần đủ ánh sáng và đảm bảo những khoảng cách cần thiết từ vị trí người nặn đến nơi đặt mẫu, từ vị trí đặt bài nặn đến độ lùi cần thiết của người học. Vì vậy, một mẫu tượng đặt ở giữa có khoảng chiều cao của mẫu bằng với chiều cao của người nặn. Độ cao đó được đặt ngang tầm mắt của người đứng. Khoảng cách giữa tượng mẫu đến người nặn có bán kính từ 1m50 đến 2m và độ lùi cũng phải đảm bảo được ít nhất như vậy. Còn độ lùi được xa hơn thì càng tốt.



Vị trí của những người học nặn cách nhau chừng 1m để khi hoạt động tránh va chạm và thao tác làm việc được dễ dàng, do đó một mẫu chỉ phục vụ được từ 10 đến 12 người. Nếu quá đông thì phải xếp người đứng nặn so le nhau nhưng hiệu quả sẽ kém.

Khi hướng dẫn học nặn, giáo viên cần nhắc nhở giáo sinh xoay mẫu thường xuyên, khoảng 10 đến 15 phút xoay một lần vào 8 góc hoặc cứ mỗi giáo sinh xoay chính diện về mình khoảng 5 phút để quan sát, đối chiếu giữa bài và mẫu.



7. Chấm bài và nhận xét bài

Khi chấm bài cần bày tất cả mẫu xếp thành hàng ngang, phía sau để tượng mẫu. Yêu cầu để mẫu và bài mẫu ngang nhau, không nên có cái cao cái thấp.

Trước tiên, giảng viên cần kiểm tra các tỉ lệ của các bài so với mẫu. Việc kiểm tra này là một cơ sở mang tính khoa học. Cách kiểm tra là dùng compa đo những khoảng cách lớn để thấy ngay các bài lỗi nhiều hay lỗi ít, đồng thời cũng kiểm tra cả dọi như hướng dẫn để thấy bài nào bị đổ, bài nào bị nghiêng...

Khi nhận xét bài, giảng viên cần nắm chắc yêu cầu của bài cần đạt và đánh giá thực chất các bài tập có đúng như yêu cầu không. Khi chấm bài cần lưu ý đến những xúc cảm của học viên trước bài nặn. Đây là việc nhận xét khó nhưng nó là đặc thù của học nghệ thuật vì nó thể hiện năng khiếu của học viên. Nên khuyến khích những em có năng khiếu, vì có những bài tập này mà chúng ta mới phát hiện được những người có khả năng, đồng thời chính bản thân họ cũng mới nhận được mình có năng khiếu để tiến xa hơn nữa.

Chương 5

TẬP SÁNG TÁC

Sáng tác là lao động nghệ thuật hết sức phức tạp của những người làm nghệ thuật. Nó đòi hỏi nhiều khả năng của con người được tổng hợp lại, như khả năng nghề nghiệp, tri thức, vốn sống và đặc biệt phải có năng khiếu về lĩnh vực mà mình làm. Chính vì vậy mà phần tư duy của các nhà nặn tượng, ngoài những điều như trên thì cần một yếu tố nữa là sự sáng tạo ra hình tượng để miêu tả cái mình định nói. Có những chủ đề và tên gọi rất trừu tượng nhưng lại phải làm ra cái cụ thể, ví dụ như tả gió, thậm chí gió rất to.



Mẫu để tham khảo

Nhà điêu khắc thường tìm hình tượng tả vãi bay bằng những khối nếp gấp thướt tha hoặc những khối quần quai để nói lên phong ba bão tố. Chỉ cần nhìn vào là người xem có thể đọc được gió. Khi nói đến gió là cảm thấy nó chuyển động liên tục..., mặc dù gió ở tượng là khối tĩnh nhưng vẫn cảm thấy có gió.



*Lửa cầu nguyện (Gỗ)
của Vũ Quang Sáng*

1. Vai trò của nhà điêu khắc trong đời sống

Nếu vào trong một ngôi chùa mà không có tượng, không có những vật bài trí như hoành phi câu đối, không có cửa võng, những án giâm chạm khắc và những đồ thờ tinh xảo thì chúng ta không còn nhận ra đó là chùa nữa. Đơn giản chỉ như vậy nhưng chúng ta cũng dễ nhận ra là cuộc sống không thể không có những tác phẩm điêu khắc cùng tồn tại với con người. Vậy ai là người tạo ra những tác phẩm điêu khắc đó, hay nói một cách khác là ai đã thổi hồn vào những vật như gỗ đá vô tri vô giác đó một sức sống kì lạ đến vậy? Đó là những nhà điêu khắc, những nghệ sĩ tài năng trong hàng ngàn vạn những nhà điêu khắc của mọi thời đại.

Nếu so tỉ lệ dân số thì nhà điêu khắc rất ít ỏi. Tuy chỉ bằng một phần triệu thôi nhưng tác phẩm để lại lại lớn hàng ngàn lần so với họ. Như thế để thấy rằng sức sáng tạo của các nhà điêu khắc là vô tận.

Mỗi thời đại đều sản sinh ra những nhà điêu khắc, đồng thời cũng sản sinh ra những tác phẩm tiêu biểu cho thời đại đó, cho nên việc sáng tác là công việc thường nhật của họ. Có được kết quả đó là do cuộc sống thôi thúc họ, tình yêu thương nhân loại và quê hương đất nước giúp họ sáng tạo ra tác phẩm.

2. Phương pháp tiến hành sáng tác

Để có thể sáng tác một bức tượng hay một chạm nổi, trước tiên phải căn cứ vào các yêu cầu sau:

2.1. Tìm chủ đề

Một chủ đề có thể là do người sáng tác thích hoặc do giảng viên đề ra. Đơn giản chỉ là một bức tượng chân dung người có tâm trạng buồn hoặc vui, hay một tượng có bước đi..., thậm chí chỉ là một con vật như gà, lợn... Xuất phát từ chủ đề được đặt ra với hình thức là chạm nổi hay tượng, người sáng tác phải thích thú với chủ đề đó và không đơn giản chỉ là người sao chép một nụ cười hay với một dáng đi của ảnh chụp, mà phải tìm được một nét đẹp mà



*Dân quân vùng cao (Đồng)
của Vi Thị Hoa*



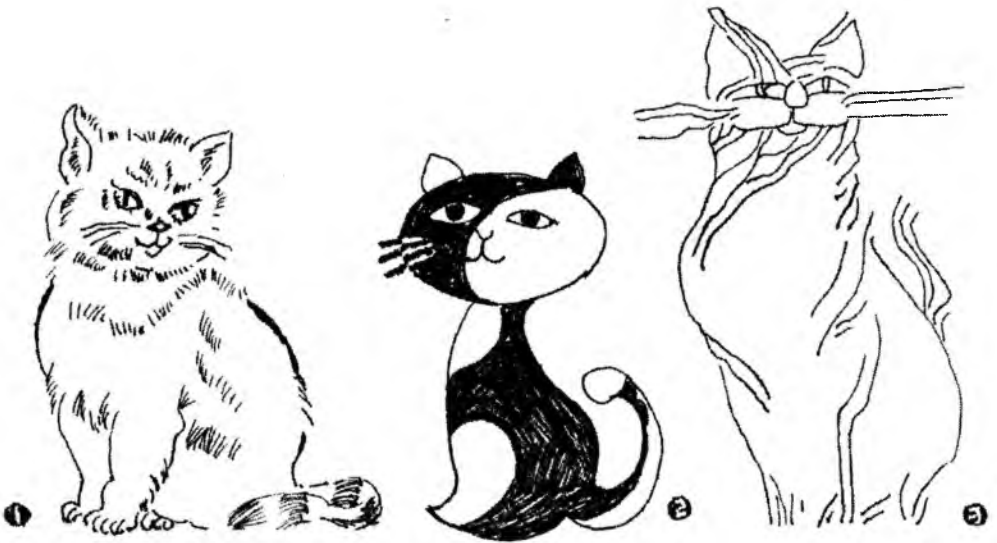
*Bên suối (Đá)
của Lưu Danh Thanh*

mình cảm nhận với nụ cười hay dáng đi đó do mình quan sát được. Việc quan sát có thể ghi lại bằng trí nhớ hay kí họa. Nét tài hoa của nhà điêu khắc là cả chục người nặn nụ cười hay dáng đi đó nhưng sự sáng tạo mỗi người một vẻ không ai giống ai trong cách thể hiện. Chúng ta biết chỉ một đề tài tình yêu nhưng có biết bao tác phẩm của nhiều thế kỉ để lại vẫn cho ta một sự thích thú khi xem những tác phẩm đó. Không có bức tượng nào giống nhau cũng như sự truyền cảm của tác phẩm đối với người xem cũng khác nhau và vô cùng phong phú, đa dạng.

2.2. Sự không giống nhau chính là nhờ ở bố cục và cách biểu hiện trên các chất liệu của tác phẩm

Muốn có một bố cục đẹp thì người sáng tác phải quan sát rất nhiều. Ví dụ như nặn một con vật thì có thể là con vật đang đi, đứng, chạy, vui đùa... Biết bao hình tượng diễn ra trước mắt nhưng người nghệ sĩ chỉ chọn hình tượng nào đẹp, thích hợp với vật liệu mà mình làm. Tất nhiên công việc sáng tạo là phải không ngừng tìm tòi.

Dưới đây là những hình vẽ có thể gợi ý giúp các giáo sinh liên hệ. Chỉ là một chú mèo với một dáng nhất định nhưng người ta tạo ra được mấy chú mèo khác nhau về cách biểu hiện và qua tay mỗi người sẽ có thêm nhiều chú mèo lạ mắt nữa.



Trong sáng tác điêu khắc, dù là tượng tròn hay phù điêu thì bố cục và cách điệu phải thích hợp với nhau, vì vậy không thể nặn chỗ thì tả thật, chỗ thì cách điệu được. Phong cách đó làm cho tượng thiếu sự nhất quán. Chúng ta cứ tưởng tượng nếu lắp đầu chú mèo hình 1 vào thân chú mèo hình 2 hoặc hình 3 thì sẽ tạo nên sự phản cảm và ngỡ ngàng biết chừng nào.

3. Bài tập

* **Đề bài 1:** Nặn một tượng con vật mà mình thích (ví dụ như gà, vịt, chim, chó, mèo...).

- Kích thước: Cao không quá 25cm tính theo con vật đứng.

- Yêu cầu: + Nặn theo thật hoặc có cách điệu một chút.

+ Động tác, bố cục thích hợp với con vật.

+ Tạo hình và khối đẹp.

- Thời gian: 15 tiết (1 tiết lí thuyết, 14 tiết thực hành).

* **Đề bài 2:** Nặn một phù điêu có nội dung: chim, hoa, lá (phải có cả 3 loại trên trong một bố cục).

- Kích thước: 25cm x 35cm (có thể bố cục theo chiều ngang hoặc chiều đứng).

- Yêu cầu: + Nặn theo thật hoặc có cách điệu.

+ Có thể làm và ứng dụng một trong ba hình thức là chạm nổi thấp, chạm nổi cao hoặc chạm thủng.

+ Nắm được bố cục với các loại chạm nổi trên.

+ Hình đẹp về bố cục.

+ Biết xử lí những chi tiết cần thiết.

- Thời gian: 20 tiết (1 tiết lí thuyết, 19 tiết thực hành)

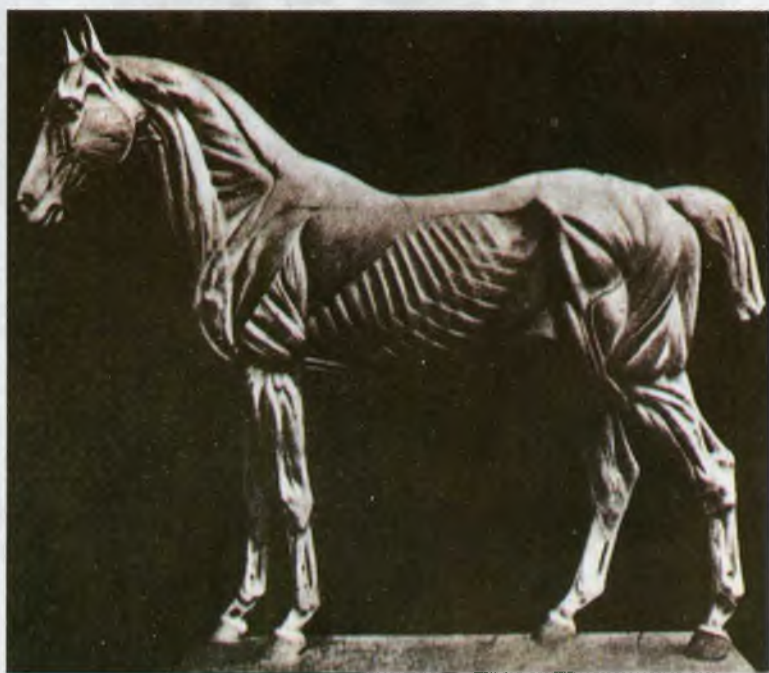
* **Đề bài 3:** Nặn tượng chân dung một mẫu nam già.

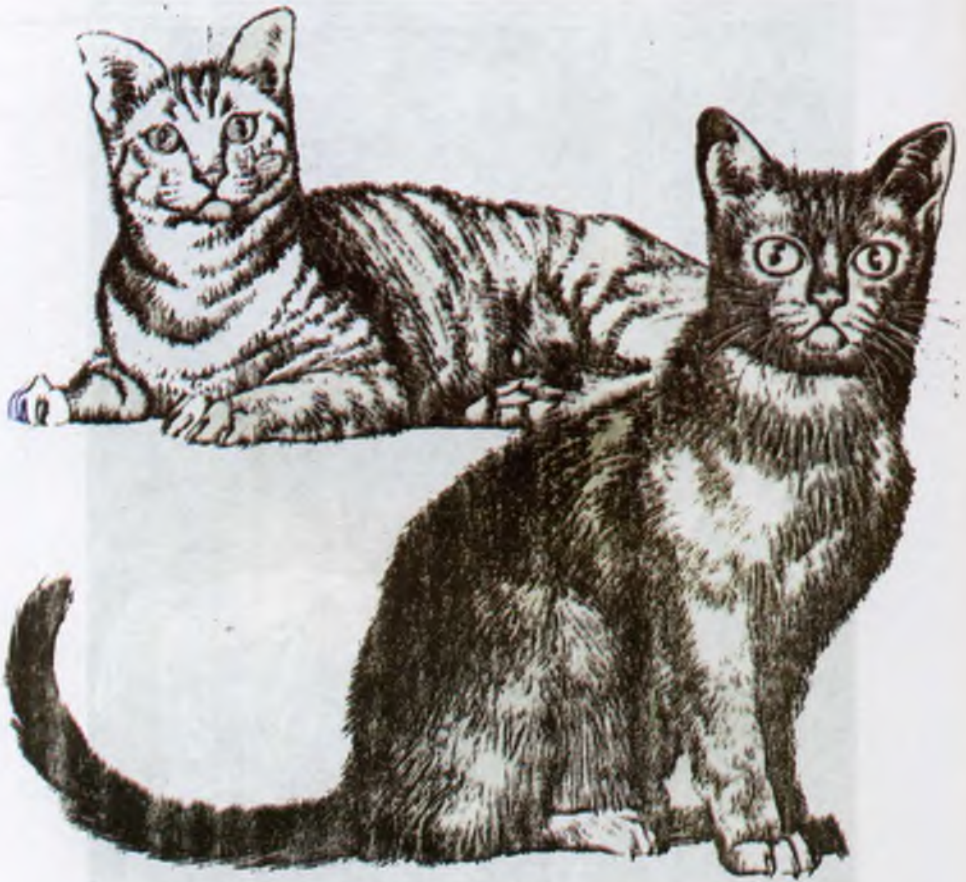
- Kích thước: Bằng người mẫu tính từ đỉnh đầu đến cằm, phần dưới có thể bố cục thêm cổ và vai, toàn bộ cao không quá 40cm.

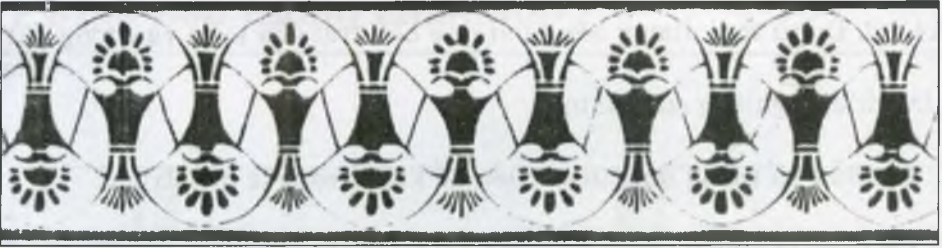
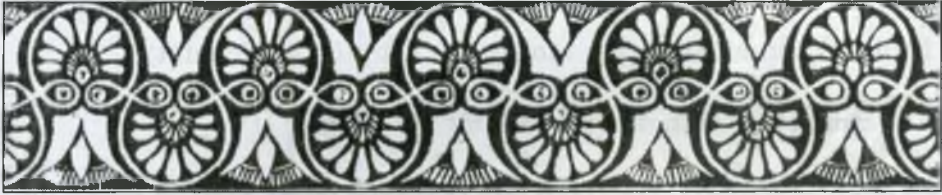
- Yêu cầu: + Tỷ lệ: đúng về cấu trúc.
+ Đặc điểm: giống người mẫu.
+ Tạo khối: chú ý đến khối lớn.
+ Bố cục toàn bộ, thích hợp với dáng dẫu.
- Thời gian: 20 tiết (1 tiết lí thuyết và 19 tiết thực hành).

Mẫu bài tập









Hướng dẫn thực hiện

Cách nặn tượng chân dung

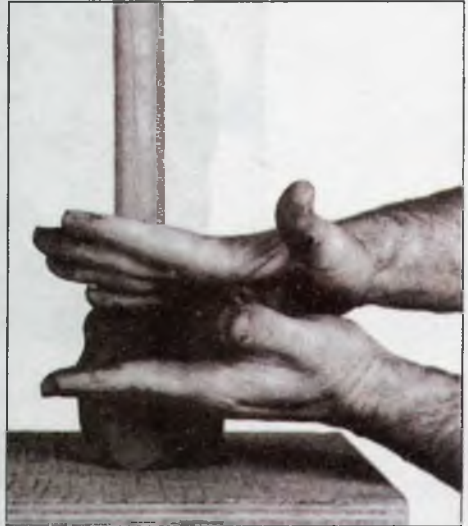
1. Ốp đất từ hai phía để giữ cốt ở đúng tâm;
2. Đắp đất dần từ dưới lên trên;
3. Tạo dần khối ôm vào cốt tượng;
4. Tạo dáng theo chính diện và dùng ngón tay ấn chặt đất;
5. Dùng gỗ nện nhẹ vào đất, tạo sự liên kết giữa các lớp đất;
6. Lấy chuẩn của đỉnh đầu và phủ đất hết cốt gỗ;
- 7 + 7B. Dùng Compa đo từ trán đến cằm trên người mẫu và tượng đất;
- 8A + 8B. Đo từ thái dương bên phải qua bên trái của mẫu và tượng đất;
9. Đo chiều nghiêng của mẫu;
10. Để mẫu và tượng đất cùng chiều để kiểm tra tỉ lệ mặt trước;
11. Để mẫu và tượng đất cùng chiều để kiểm tra tỉ lệ mặt nghiêng;
12. Dùng hai ngón tay cái tạo hố mắt cho cân;
13. Dùng ngón tay cái tạo hố mắt;
14. Dùng ngón tay cái hất nghiêng lên trên tạo xương trán, ụ mày;
15. Dùng bay nặn để tạo các mảng trên khối;
16. Dùng bay để miết chỉnh khối;
- 17 - 18 - 19. Sử dụng bay to linh hoạt vào các khối;
20. Dùng bay nhỏ để tạo những khối chi tiết trên miệng;

21. Dùng bay nhỏ để vẽ hình trước khi tạo khối;
- 22 - 23. Cách dùng bay vào những điểm khó dùng tay;
- 24 - 25. Dùng nạo vào những chi tiết cần thiết;
26. Dùng nạo để nạo những phần đất thừa cần bỏ bớt đi;
27. Các khối được quy nạp bằng các mảng được phân chia trên mặt;
28. Khi dùng làm nên phun nước nhẹ trên tượng đất;
29. Ủ ni-lông để giữ độ ẩm cho tượng.

Quy trình nặn tượng chân dung



1. Ốp đất từ hai phía để giữ
cốt ở đúng tâm



2. Đắp đất dần từ dưới lên trên



3. Tạo dần khối ôm vào cốt tượng



4. Tạo dáng theo chính diện và dùng ngón tay ấn chặt đất



5. Dùng gỗ nện nhẹ vào đất, tạo sự liên kết giữa các lớp đất



6. Lấy chuẩn của đỉnh đầu và phủ đất hết cốt gỗ



7 + 7B. Dùng Compas đo từ trán đến cằm trên người mẫu và tượng đất



8A - 8B. Đo từ thái dương bên phải qua bên trái của mẫu và tượng đất



9. Đo chiều nghiêng của mắt



10. Để mẫu và tượng đất cùng chiều để kiểm tra tỉ lệ mặt trước



11. Để mẫu và tượng đất cùng chiều để kiểm tra tỉ lệ mặt nghiêng



12. Dùng hai ngón tay cái tạo hố mắt cho cân



13. Dùng ngón tay cái tạo hố mắt



14. Dùng ngón tay cái hất nghiêng lên trên tạo xương trán, ụ mày



15. Dùng bay nặn để tạo các mảng trên khối



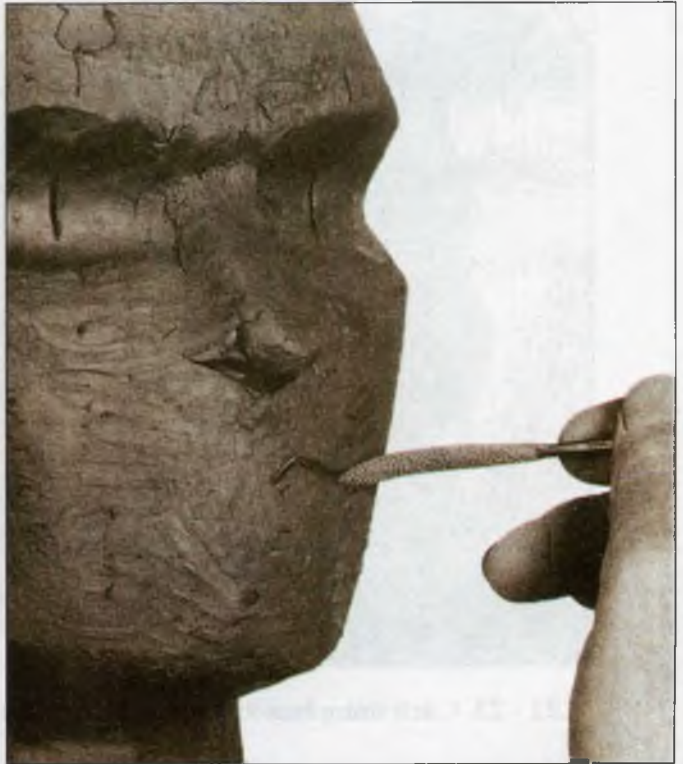
16. Dùng bay để miết chỉnh khối



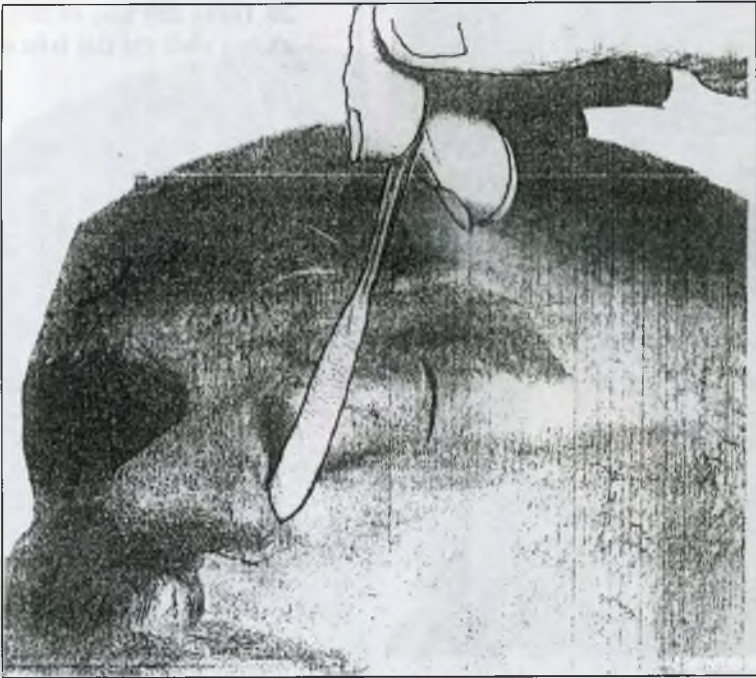
17 - 18 - 19. Sử dụng bay to linh hoạt vào các khối



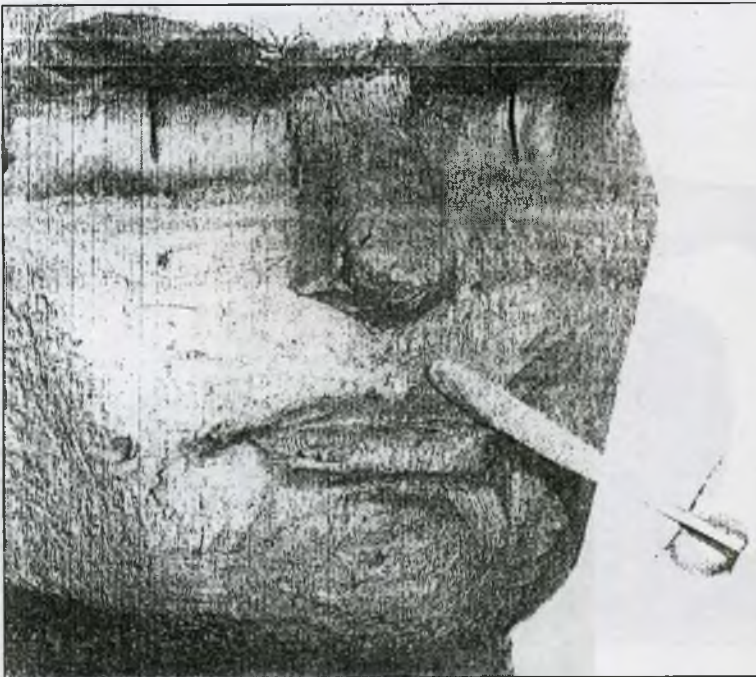
20. Dùng bay nhỏ để tạo những khối chi tiết trên miệng



21. Dùng bay nhỏ để vẽ hình trước khi tạo khối

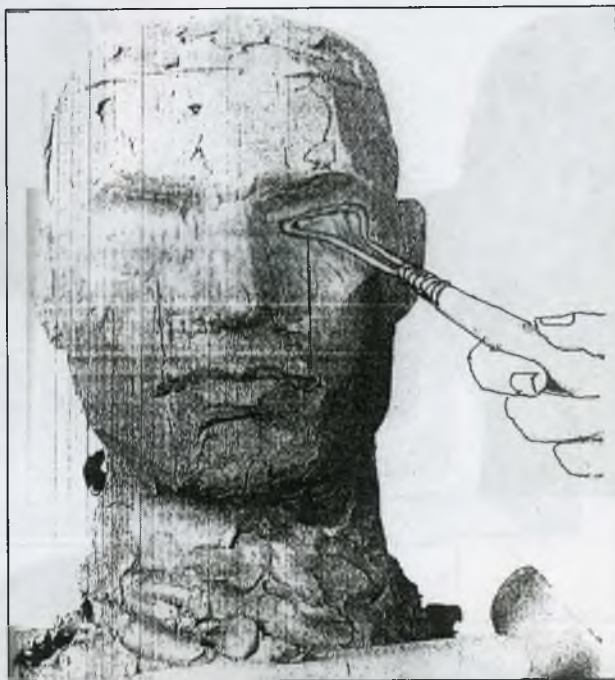


22

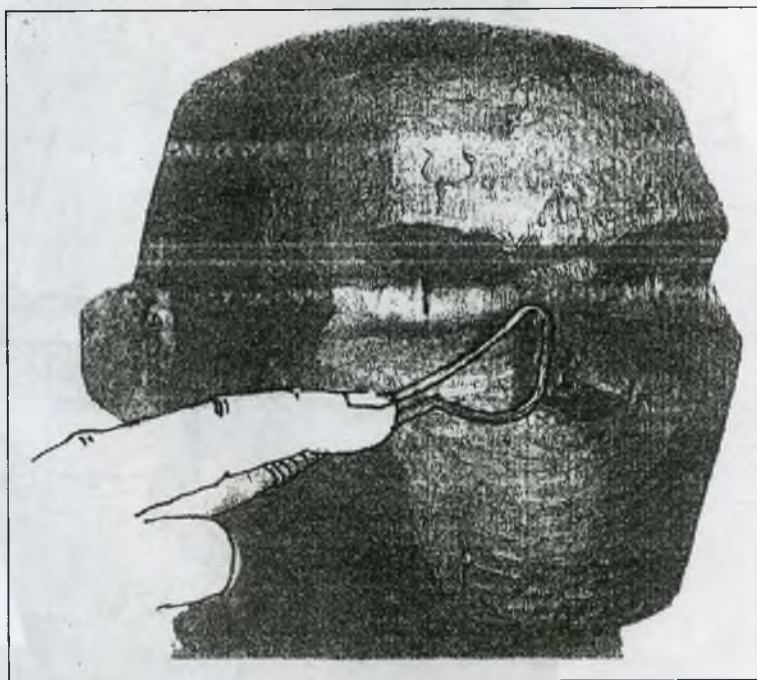


23

22 - 23. Cách dùng bay vào những điểm khó dùng tay



24



25

24 - 25. Dùng nạo vào những chi tiết cần thiết



26. Dùng nạo để nạo những phần đất thừa cân bỏ bớt đi



27. Các khối được quy nạp bằng các mảng được phân chia trên mặt



28. Khi dùng làm
nên phun nước nhẹ
trên tượng đất



29. Ủ ni-lông
để giữ độ ẩm
cho tượng

Ảnh tham khảo nặn tượng chân dung

Một số tượng chân dung nước ngoài







Một số bài phù điêu sáng tác
của sinh viên Trường CĐSP Nhạc - Họa TỰ









Bảng chú giải

I. Tác giả nước ngoài

1. Brancusi - Sinh ngày 19 tháng 2 năm 1876, tại Hobitoza - Rumanie. Ông đã học điêu khắc tại Bucarest và ở Trường Nghệ thuật Paris. Với ông, quan trọng nhất là hình khối tự thân nằm ở bên trong mỗi vật thể và chính nó quyết định hình hài của nhân vật. Các tác phẩm nổi tiếng của ông là: *Cô Pogany* (1912), *Cô Pogany III* (1931) và *Cô Navy Cunard* (1925 - 1927)... Ông mất ngày 16 tháng 3 năm 1957.

2. Donatello - Sinh năm 1386 tại Florence (Italia), là người mở đầu thời kì Phục hưng. Ông là nhà điêu khắc vĩ đại nhất của Italia và châu Âu thế kỉ XV. Nhiều thế hệ vẫn nhớ đến tác phẩm *Ga Hamelata* (1447) bằng đồng cao 340m. Ông tả người anh hùng vững chãi trên con ngựa khoẻ khoắn cùng những giáp trụ sẵn sàng ra trận. Cũng như tượng *David*, sức sống mãnh liệt và sức mạnh tinh thần bao trùm lên tác phẩm của ông. Ông là nhà điêu khắc sáng giá trong mọi thời đại. Ông qua đời năm 1466 tại Florence.

3. Henry Moore - Sinh ngày 30 tháng 7 năm 1898 tại Castlefort, West Riding, Yord Shire nước Anh. Ông là người đầu tiên đề xuất những khoảng trống trong tác phẩm điêu khắc có giá trị biểu cảm như những khối đặc. Ông đã thực hiện nó trên nhiều tác phẩm như *Vua và Hoàng hậu*, *Người đàn bà nằm* hay *Mẹ con*,.... Ông được giải thưởng Umberto ở Milan và danh hiệu "Vị sự nghiệp văn học nghệ thuật" ở Paris. Ở Việt Nam, nhiều nhà điêu khắc đã học tập ở ông rất nhiều. Ông mất ngày 30 tháng 8 năm 1986.

4. Aristide Maillol (1861 - 1944) - Nhà điêu khắc Pháp. Tuy ông vẫn dựa vào trường phái cổ điển nhưng hướng tới sự thuần khiết và gần với cuộc sống đời thường. Ông là người kế thừa di sản của Rodanh (A.Rodin) và có nhiều tác phẩm xuất sắc như: *Địa Trung Hải* (1901), *Đêm* (1902), *Quả táo* hay *Dòng sông* (1939 - 1943). Với những dáng khối uyển chuyển và đầy sức sống, tác phẩm của ông đã làm phong phú thêm cho nhiều bảo tàng trên thế giới.

5. Mukhina V.L (Vera Iganatevna Mukhira) (1889 -1953) - Nữ điêu khắc Nga. Học nạn tượng khá muộn, khi đã 30 tuổi nhưng bà cũng đã làm sáng lên một thời của hiện thực xã hội chủ nghĩa. Chất anh hùng ca được thể hiện trong nhiều tác phẩm như *Công nông dựng* trong triển lãm quốc tế 1937 tại Paris và sau đó được làm to bằng thép trắng dựng tại Triển lãm thành tựu Kinh tế quốc dân Liên Xô. Ngoài ra, bà còn một số tác phẩm nổi tiếng khác như *Gorki thời niên thiếu* hay *Nữ du kích*,.... Bà được giải thưởng quốc gia Liên Xô các năm 1941, 1943, 1946, 1951, 1952.

6. Rô-đanh (Auguste Rodin) (1840 - 1917) - Nhà điêu khắc Pháp. Ông thể hiện sự tìm tòi bằng ngôn ngữ hình khối, diễn đạt ý tưởng có chiều sâu và triết học đầy tính nhân văn. Năm 1884 - 1888, ông dựng cho Thành Kale nhóm tượng *Những công dân thành Kale* (đồng). Chất bi hùng toát lên từ 6 nhân vật dũng cảm cổ trùng dây thừng, bình thần giao chìa khoá của thành phố cho kẻ chiến thắng để tránh cho thành phố những thảm hoạ. Với bố cục 6 người dàn thành hàng ngang đã nâng sự kiện lịch sử riêng lẻ thành một hình tượng có sức khái quát cao và mang tính điển hình.

7. Michelangelo - Sinh ngày 6 tháng 3 năm 1475 tại Caprese, Italia. Ông là nhà điêu khắc, hoạ sĩ, nhà thơ, là một trong ba nghệ sĩ vĩ đại nhất của thời Phục hưng Italia. Ông chịu ảnh hưởng nhiều của nền điêu khắc cổ đại Hi Lạp La Mã. Ông có nhiều tác phẩm mẫu mực, nhưng nổi bật nhất vẫn là tác phẩm *David* (1501 - 1504). Chàng trai này là mẫu mực hoàn hảo nhất của cơ thể con người. Bức tượng đạt đến sự kết hợp hài hoà giữa thể chất và sự thông tuệ của nhân vật. Ông mất ngày 18 tháng 12 năm 1564 tại thành Roma.

II. Tác giả trong nước

1. Phạm Gia Giang - Sinh ngày 14 tháng 7 năm 1912 tại Hà Nội. Ông tốt nghiệp trường Cao đẳng Mĩ thuật Đông Dương năm 1940. Tác phẩm của ông để lại không nhiều nhưng nổi tiếng vẫn là tác phẩm *Hạnh phúc* (Sơn đắp 1939) mang đậm chất thuần khiết của nghệ thuật Việt Nam. Ông là người có công đào tạo nhiều thế hệ học trò nổi tiếng làm rạng rỡ cho nền điêu khắc Việt Nam hiện đại. Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân.

2. Nguyễn Thị Kim - Sinh ngày 10 tháng 12 năm 1918 tại Hà Nội. Bà tốt nghiệp trường Cao đẳng Mĩ thuật Đông Dương năm 1944, đã từng giảng dạy tại Trường Đại học Mĩ thuật Hà Nội. Năm 1946, bà là người phụ nữ đầu tiên được vào Phủ Chủ tịch trực tiếp nặn tượng chân dung Bác Hồ. Bà đã được giải thưởng Hồ Chí Minh. Những tác phẩm tiêu biểu của bà là: *Chân dung Bác Hồ* (1946), *Hạnh phúc* (đắp nổi 1950), *Bác Hồ viết Tuyên ngôn độc lập* (1962),

3. Diệp Minh Châu - Sinh ngày 10 tháng 2 năm 1919 tại Nhơn Trạch, Bến Tre. Ông tốt nghiệp trường Cao đẳng Mĩ thuật Đông Dương khoá 1939 - 1945 và Viện Hàn lâm Mĩ thuật Tiệp Khắc 1951 - 1955. Ông có nhiều tác phẩm đẹp như *Võ Thị Sáu* (1960), *Bác Hồ bên suối Lenin* (1980), *Bác Hồ với thiếu niên nhi đồng* (1990), và có lẽ nhiều người biết đến tác phẩm vẽ *Bác Hồ với ba cháu thiếu nhi Trung - Nam - Bắc* bằng máu của ông năm 1947. Ông được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh đợt I năm 1996.

4. Nguyễn Hải - Sinh ngày 5 tháng 10 năm 1933 tại Cái Bè - Mĩ Tho. Ông tốt nghiệp Đại học Mĩ thuật năm 1963, là giảng viên của Trường Đại học Mĩ thuật Công nghiệp. Suốt đời ông gắn liền với những sáng tác mang chất anh hùng ca. Ngay bài thi tốt nghiệp của ông với đề tài "*Từ tuyến đầu Tổ quốc*" đã được Bảo tàng Mĩ thuật lưu giữ với bao tác phẩm khác của ông như *Nguyễn Văn Trỗi ra pháp trường*, *Thánh Gióng*, *Điện Biên*, Những tượng đài đẹp của ông gồm có *Thủ Khoa Huân* và *Chiến thắng Điện Biên Phủ*. Ông cũng là người duy nhất thuộc thế hệ những nhà điêu khắc trẻ được giải thưởng Hồ Chí Minh từ khi hoà bình lập lại đến nay.

5. Lê Công Thành - Sinh ngày 1 tháng 2 năm 1932 tại Đà Nẵng. Ông tốt nghiệp Trường Đại học Mĩ thuật 1962, tu nghiệp tại Liên Xô năm 1969. Ông có nhiều tác phẩm được lưu giữ trong Bảo tàng Mĩ thuật như *Tượng Văn Đại*, *Bà má nghiên trâu* hay *Tượng đài Núi Thành*. Tác phẩm của ông đã gây nhiều ấn tượng về nghệ thuật điêu khắc hiện đại Việt Nam trong giới cũng như quốc tế. Ông đạt được nhiều giải thưởng lớn của quốc tế và của Việt Nam.

III. Địa danh và một số tác phẩm tiêu biểu

1. Muôi đồng ở Việt Khê. Đó là sản phẩm của sự phát triển nghệ thuật Đông Sơn về kĩ thuật đúc đồng đào được tại di chỉ Việt Khê ở Hải Phòng năm 1961, dài 17,8cm.

2. Chùa Phật Tích - Bắc Ninh. Đó là một ngôi chùa được xây dựng trên núi Lạn Kha năm 1057, còn có tên chữ là “Vạn Phúc Tự” thuộc huyện Tiên Sơn - Bắc Ninh. Chùa có nhiều tác phẩm bằng đá tiêu biểu cho nghệ thuật Phật giáo ở Việt Nam.

3. Lao Côn và các con (Laokoôn) - Tượng bằng đá cẩm thạch, cao 2m42, đặt tại Bảo tàng Vaticano. Tượng miêu tả Lao Côn và hai người con của mình bị rắn quấn chết vì tiết lộ về bí mật con ngựa thành Troie. Đó là tác phẩm của ba nhà điêu khắc Agexandros, Polidoro và Akênôdrôt ở vào khoảng giữa thế kỉ I trước Công nguyên. Là tác phẩm điển hình cho thẩm mĩ La Mã hoá.

4. Tháp Chàm (thuộc huyện Hương Quế, Quảng Nam). Đây là một tác phẩm thuộc nền văn hoá Chàm, với những tháp bằng gạch nung rất đẹp và đầy bí ẩn về kĩ thuật xây dựng, còn điêu khắc thì thanh nhã, uyển chuyển về hình khối.

5. Phụ nữ nằm (Henry Moore sáng tác năm 1957 - 1958 bằng đá). Tượng được đặt tại trụ sở UNESCO ở New York. Bức tượng như một khối đá bị bào mòn thành hình người phụ nữ, trông rất cổ sơ nhưng lại hoành tráng.

6. Vệ nữ ở MiLo thuộc đầu thế kỉ II trước Công nguyên, đào được ở đảo MiLo. Những tác phẩm của thời kì này cũng như tượng vệ nữ cho ta thấy, các nhà điêu khắc muốn diễn tả vẻ đẹp của người phụ nữ, phục vụ cho sự hưởng thụ cái đẹp nhân tính chứ không phải là thiên thần.

7. Vườn Ryôan-Ji ở Kyoto. Ra đời thế kỉ XV, là mẫu vườn hoàn chỉnh nhất. Đó là nghệ thuật tạo khoảng không tĩnh lặng thanh bình của thơ và cái đẹp. Nó còn gắn với một khái niệm vườn thiền. Vườn không có hoa, cây cỏ mà toàn là sỏi đá, có âm có dương. Núi và sông, đảo và biển đều tượng trưng bằng những hòn đá hoang sơ, nước của sông hồ đều biểu hiện qua cát và sỏi.

8. Tượng Nhân Sư. Được làm bằng đá Dionit, nằm cạnh Kim tự tháp Kêphren. Tượng hình người để thờ, làm nơi trú ngụ cho linh hồn sau khi chết; có niên đại khoảng 2000 năm trước Công nguyên.

9. Viên thư Lại Kai. Được tạc vào thiên niên kỉ III trước Công nguyên, đào được ở Sakkara. Tượng bằng đá vôi phủ màu, mặt tượng đang chăm chú nhìn về miệng người chủ, tay sẵn sàng ghi chép. Tượng tuân thủ luật đối xứng với trục giữa của người. Đó là một trong những tượng đẹp và sinh động nhất của nghệ thuật cổ Ai Cập.

10. Chùa Keo. Tên chữ là “Thần Quang Tự”, đặt ở xã Vũ Nghĩa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Chùa được dựng từ thời Lý Thánh Tông (1028 - 1054), sau đến đời Hậu Lê 1632, 1689, 1707, chùa được di chuyển vào chỗ ở hiện nay để tránh lụt lội. Đây là một trong những ngôi chùa đẹp và thờ đầy đủ tượng Phật ở Việt Nam.

11. Đình Liên Hiệp. Được dựng năm 1663 ở tỉnh Hà Tây. Đình có nhiều chạm khắc miêu tả những cảnh rồng, tiên, cảnh săn bắn và sinh hoạt đời thường trong dân gian.

12. Kim tự tháp Ai Cập. Nơi đặt xác ướp của các vua chúa Ai Cập. Lăng mộ được xây dựng theo hình chóp rất lớn, bằng nhiều phiến đá xếp lên nhau, có phiến đá nặng tới 2,5 tấn. Điển hình là Kim tự tháp Kêốp Kêphren. Tháp được xây dựng với những phép tính đặc biệt như: lấy chu vi của đáy tháp chia cho 2 lần chiều cao sẽ được số π là 3,14. Và chiều cao của tháp đúng bằng bán kính của hình tròn có chu vi bằng chu vi của đáy tháp.

13. Chùa Bút Tháp. Tên chữ là “Ninh Phúc Tự”, ở làng Bút Tháp, xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Chùa được xây dựng từ đời vua Trần Thánh Tông và đến năm 1646 - 1647, chùa được trùng tu như ngày nay. Chùa có tháp Bảo Nghiêm và tượng Nghìn mắt nghìn tay là những tác phẩm quý hiếm của Việt Nam.

14. Chùa Tây Phương. Tên chữ là “Sùng Phúc Tự”, thuộc xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây. Chùa được xây dựng theo hình chữ Công trên núi Câu Lâu từ thời Cao Biền (865 - 873) và đến năm 1794, chùa được xây dựng lại như hiện nay. Chùa đẹp về kiến trúc và nghệ thuật tạc tượng, điển hình là 18 vị La Hán và Tuyết Sơn.

15. Tượng nhà mồ Tây Nguyên. Làm nhà mồ và đeo tượng gỗ là cách ứng xử của người Tây Nguyên với người đã khuất. Vì nhà mồ còn gọi là Bơ xát - là làm cho người chết. Nhà mồ của mỗi dân tộc có một kiểu cách riêng. Với tượng thì hầu như được tạc trên thân cây gỗ. Bằng những nhát rìu thô mộc, người ta tạo ra những đồ vật cần thiết phục vụ cho linh hồn của người chết như khi đang sống trên trần thế.

16. Sư tử cái bị thương. Là tác phẩm của nghệ thuật Át-xy-ry - nghệ thuật của người Xêmit (Semite) gốc vùng thượng sông Tigu Bắc Lương Hà, xuất hiện từ thiên niên kỉ III trước Công nguyên. Đó là những tác phẩm nổi bật và đẹp nhất của nghệ thuật cổ đại với phong cách tả thực những cuộc săn bắn, chiến trận thể hiện ở hai cung điện Asurbavipal và Asswonazirpal thế kỉ IX và VII trước Công nguyên bằng đá vôi.

17. Đình Ngọc Canh thuộc tỉnh Vĩnh Phúc, có chạm nổi cảnh đánh cờ trên cốn gỗ ở thế kỉ XVII. Ngoài ra còn nhiều cảnh sinh hoạt dân gian khác.

18. Đình Đông Viên thuộc tỉnh Hà Tây, có chạm cảnh “*Gheo gái*” và nhiều cảnh khác của thế kỉ XVII.

19. Các bà khóc mướn là bức chạm nổi ở khoảng cuối thế kỉ XIV trước Công nguyên, miêu tả xã hội xưa của Ai Cập với tập tục khóc mướn trong tang lễ được thể hiện với nhiều dáng người, điệu bộ than khóc khác nhau trông rất sống động.

20. Người công nhau của Việt Nam thuộc thời đồ đồng của Văn hoá Đông Sơn, tìm được ở Đông Sơn, Thanh Hoá, cao 8,8cm. Đây là tác phẩm rất sinh động với sự cường điệu rất lớn của đầu người chít khăn, búi tóc, khuyên tai, điều mà người cổ xưa cho là ấn tượng nhất.

21. Tượng Tuyết Sơn đặt tại chùa Tây Phương, miêu tả Thích Ca lúc còn đang tu, lấy sự khổ hạnh để mong thành chính quả.

1. Triệu Khắc Lễ, Nguyễn Thế Hùng, Vũ Kim Quyên, Nguyễn Thị Hiên. Giáo trình “*Hình hoạ và điêu khắc*”, tập 2. NXB Giáo dục. 2001.
2. *Mỹ thuật hiện đại Việt Nam*. NXB Mỹ thuật. 1996.
3. *Điêu khắc hiện đại Việt Nam*. NXB Mỹ thuật. 2000.
4. *Điêu khắc dân gian Việt Nam (Thế kỉ XVI - XVII - XVIII)*. NXB Ngoại văn . 1975.
5. Nhóm tác giả của Viện nghiên cứu Mỹ thuật. *Bản dập hoạ tiết, trang trí cổ*. NXB Mỹ thuật. 2001.
6. Lê Thanh Đức. *Đình làng miền Bắc*. NXB Mỹ thuật. 2001.
7. Triệu Khắc Lễ. *Giáo trình Hình hoạ*. NXB Đại học Sư phạm. 2003.
8. *Tác giả, tác phẩm Hội hoạ - Điêu khắc. Nữ nghệ sĩ Việt Nam thế kỉ XX*. NXB Văn hoá - Thông tin. 2003.
9. Nhiều tác giả. *Từ điển Thuật ngữ Mỹ thuật phổ thông*. NXB Giáo dục. 2000.
10. *Sách dạy cơ bản về điêu khắc*. NXB Macxơva. 1963.
11. Một số sách của Trung Quốc.
12. Đã sử dụng một số tác phẩm của các nhà điêu khắc trong và ngoài nước, một số bài học của sinh viên trường CĐSP Nhạc - Hoạ TƯ trong phần Phụ lục ảnh.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc ĐINH NGỌC BẢO
Tổng biên tập LÊ A

Người nhận xét:

PGS. NGUYỄN XUÂN THÀNH
ThS. NGUYỄN MINH THÚY

Biên tập nội dung:

ĐẶNG MINH THÚY

Trình bày bìa:

PHẠM VIỆT QUANG

Kĩ thuật in:

NGỌC ANH – VIỆT QUANG

GIÁO TRÌNH ĐIỀU KHẮC

In 1000 cuốn, khổ 17 × 24 cm tại Công ty In & Văn hoá phẩm.

Số đăng kí KHXB số: 35-2008/CXB/682-70/ĐHSP kí ngày 27/12/07

In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2008.



Giá: 39.000đ